

Số/No: 94-23/CV-CTTK

TP.HCM/Hochiminh city, ngày/date 28 tháng/month 03 năm/year 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN TP.HCM

INFORMATION DISCLOSURE  
ON THE STATE SECURITIES  
COMMISSION AND HOCHIMINH STOCK  
EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
The State Securities Commission  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM  
Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ  
Organization name: Century Synthetic Fiber Corporation
- Mã chứng khoán/Ticker: STK
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B1-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM  
Headquarter office: Lot B1-1, North West Cu Chi Industrial Zone, Cu Chi District, HCMC.
- Điện thoại/Tel.: (+84.276) 388 7565 Fax: (+84.276) 388 7566
- Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Triệu Hòa - Chức vụ: Tổng giám đốc  
Spokesman: Dang Trieu Hoa - Title: Managing Director
- Loại thông tin công bố/Type of information disclosure:  
 định kỳ/periodic  bất thường/irregular  24h/24 hours  theo yêu cầu/on demand

Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:

1. Báo cáo thường niên năm 2022.  
2022 Annual Report.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28 /03 /2023 tại đường dẫn :  
<https://theky.vn>

This information was published on the Company's website on 28/03/2023 at the link: <https://theky.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Tài liệu đính kèm/Attachments

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT.  
Documents related to the information disclosure.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ON BEHALF OF THE COMPANY  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
LEGAL REPRESENTATIVE  
TỔNG GIÁM ĐỐC/MANAGING DIRECTOR



ĐẶNG TRIỆU HÒA

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỸ**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022**

**TP.HCM, tháng 3 năm 2023**

## MỤC LỤC

1	GIỚI THIỆU TỔNG QUAN .....	4
1.1	Báo cáo thường niên năm 2022 .....	4
1.2	Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo thường niên .....	4
1.3	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
1.4	Thông điệp của Tổng giám đốc .....	5
1.5	Thành tựu nổi bật năm 2022.....	6
1.6	Tổng quan Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ .....	7
1.7	Quá trình hình thành và phát triển .....	8
1.8	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	9
1.9	Chuỗi giá trị của ngành dệt may .....	10
1.10	Triết lý kinh doanh .....	11
1.11	Mô hình kinh doanh.....	15
1.12	Vị thế của Sợi Thế Kỳ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng .....	15
1.13	Cơ cấu tổ chức Công ty .....	16
1.14	Tình hình công ty con.....	18
2	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN.....	19
2.1	Phân tích S.W.O.T .....	19
2.2	Tổng quan ngành dệt may và phân ngành xơ sợi dài.....	19
2.3	Gắn kết Tăng trưởng kinh tế với Phát triển bền vững .....	22
2.4	Cơ hội và thách thức tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty .....	24
2.5	Chiến lược trung và dài hạn đến năm 2025 .....	26
3	QUẢN TRỊ RỦI RO.....	27
3.1	Mục tiêu của quản trị rủi ro .....	27
3.2	Hệ thống quản trị rủi ro của STK .....	28
3.3	Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro .....	28
3.4	Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu.....	29
3.5	Báo cáo kiểm toán nội bộ .....	33
4	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....	34
4.1	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.....	34
4.2	Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	39
4.3	Dự báo kết quả kinh doanh năm 2023 .....	43
4.4	Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán .....	44
4.5	Phát triển nguồn nhân lực.....	45
5	BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI .....	49
5.1	Chiến lược phát triển bền vững .....	49
5.2	Đánh giá của Ban điều hành về các vấn đề môi trường-lao động-xã hội.....	51
5.3	Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường.....	52
5.4	Báo cáo tác động đến môi trường .....	52
5.5	Thị trường vốn xanh .....	58
6	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN .....	59
6.1	Tình hình thực hiện Dự án của Công ty mẹ.....	59
6.2	Tình hình thực hiện Dự án của Công ty con.....	59
7	CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ.....	60
7.1	Thông tin cổ phiếu.....	60
7.2	Lý do đầu tư cổ phiếu STK.....	60
7.3	Cổ phần và Cơ cấu cổ đông.....	61

7.4	Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2022.....	62
7.5	Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	62
7.6	Các chứng khoán khác.....	62
7.7	Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu.....	62
7.8	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	64
7.9	Chính sách chi trả cổ tức.....	64
7.10	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư.....	65
<b>8</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>65</b>
8.1	Nguyên tắc Quản trị Công ty.....	65
8.2	Mô hình quản trị.....	65
8.3	Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị.....	66
8.4	Thông tin về Hội đồng quản trị.....	66
8.5	Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022.....	68
8.6	Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2023.....	77
8.7	Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2023.....	77
8.8	Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới.....	77
<b>9</b>	<b>BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>77</b>
9.1	Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát.....	77
9.2	Hoạt động của Ban kiểm soát.....	78
9.3	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.....	78
<b>10</b>	<b>NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN.....</b>	<b>81</b>
10.1	Ngăn ngừa xung đột lợi ích.....	81
10.2	Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan.....	81
10.3	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2022.....	81
10.4	Giao dịch với đối tượng khác.....	81
10.5	Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành.....	82
<b>11</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT.....</b>	<b>83</b>

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

BCTN	Báo cáo thường niên	GTGT	Giá trị gia tăng
BKS	Ban kiểm soát	HĐQT	Hội đồng quản trị
CBCNV	Cán bộ công nhân viên	HSX, HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
CP	Cổ phần, cổ phiếu	IMF	Quỹ tiền tệ thế giới
DN	Doanh nghiệp	POY	Partially Oriented Yarn
DTY	Drawn Textured Yarn	PTBV	Phát triển bền vững
FDY	Fully Drawn Yarn	TGD	Tổng giám đốc
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	THPT	Trung học phổ thông
GRS	Global Recycle Standard (tiêu chuẩn tái chế toàn cầu)	TNCN	Thu nhập cá nhân
GPM	Biên lợi nhuận gộp	ROE	Tỷ suất sinh lợi trên vốn
y-o-y	So sánh với cùng kỳ năm ngoái	ROS	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu
		ROA	Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản



# 1 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

## 1.1 Báo cáo thường niên năm 2022

Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ cung cấp tổng quát các thông tin tài chính và phi tài chính về môi trường, lao động và xã hội trong năm tài chính 2022.

Chúng tôi phát hành báo cáo điện tử có định dạng PDF và được đăng tải công khai trên Website của Công ty tại đường dẫn [www.theky.vn](http://www.theky.vn). Báo cáo được lập bằng Tiếng Việt và được dịch sang Tiếng Anh nhằm tiếp cận được đa dạng đối tượng các bên liên quan.

### “QUẢN TRỊ RỦI RO, VƯỢT QUA NGHỊCH CẢNH, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”

*Để sinh tồn và phát triển trong một thế giới thay đổi không ngừng và khó dự đoán, một doanh nghiệp có sức bền bỉ chống chọi với nghịch cảnh thôi vẫn chưa đủ mà phải chú trọng quản trị rủi ro để phòng ngừa những rủi ro từ trong nội tại cũng như từ bên ngoài và giảm thiểu tác động tiêu cực đến tình hình hoạt động của mình. Do đó, doanh nghiệp cần phải có khả năng xác định những điểm còn yếu kém và cải thiện để phát triển bền vững.*

## 1.2 Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo thường niên

- ✓ Thành phần của báo cáo
  - Báo cáo thường niên
  - Báo cáo quản trị Công ty
  - Báo cáo phát triển bền vững
  - Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất
  - Báo cáo tài chính kiểm toán chuẩn quốc tế
- ✓ Phạm vi của báo cáo  
Niên độ năm tài chính: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- ✓ Các chuẩn mực áp dụng
  - Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
  - Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS
  - Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS
  - Thẻ điểm quản trị ASEAN
  - Các quy trình theo chuẩn mực ISO
  - Chứng chỉ GRS, Oeko-Tex100
  - Chuẩn mực GRI
- ✓ Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy của Báo cáo thường niên
  - Dữ liệu tài chính: thống nhất với BCTC năm 2022 đã được Công ty TNHH E&Y kiểm toán độc lập.
  - Dữ liệu về ngành trong nước và quốc tế: dữ liệu hải quan-xuất nhập khẩu của các nước đối chiếu; các báo cáo kinh tế-ngành dệt may được đăng tải công khai.
  - Dữ liệu liên quan đến hoạt động Công ty.
  - Dữ liệu về HĐQT, BKS: thống nhất với Báo cáo quản trị năm 2022.
  - Dữ liệu về cổ đông: Trung tâm lưu ký Việt Nam cung cấp;

### 1.3 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Trước hết, với tư cách là Chủ Tịch HĐQT của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ (“STK”), tôi xin thay mặt công ty gửi lời cảm ơn sâu sắc tới khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, CBCNV và cổ đông đã hỗ trợ cho sự phát triển của Công ty trong những năm qua.

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty. Tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của STK trong năm qua và tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Khó khăn nối tiếp khó khăn trong năm 2022. Nhu cầu về sợi sau dịch Covid mới chỉ chớm phục hồi trong quý 1-2023 thì đã dần sụt giảm trong các quý tiếp theo do người tiêu dùng các sản phẩm dệt may ở các thị trường lớn như Mỹ, EU cắt giảm chi tiêu trước áp lực lạm phát và thất nghiệp khi bóng ma suy thoái kinh tế toàn cầu xuất hiện. Trong bối cảnh đó, kiểm soát rủi ro, kiện toàn hoạt động và nâng cao sức mạnh nội tại là kế hoạch hành động chính mà Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty đang chú trọng thực hiện để duy trì sức mạnh cạnh tranh trên thị trường. Nhờ uy tín trong việc phát triển các sản phẩm cao cấp, có tính năng đặc biệt nên Công ty vẫn tiếp tục nhận được các đơn hàng có giá trị cao trong nửa cuối 2022. Do đó, Công ty đã hoàn thành 81% kế hoạch doanh thu và gần 81% kế hoạch lợi nhuận của năm, tương ứng doanh thu đạt 2,114 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 242 tỷ đồng.

Khó khăn sẽ vẫn còn tiếp diễn trong năm 2023 khi cuộc chiến Nga – Ukraina vẫn còn diễn ra. Tuy nhiên, chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng vững chắc mà Sợi Thế Kỳ đã xây dựng trong những năm qua, Công ty sẽ có khả năng khôi phục rất nhanh khi nhu cầu trên thị trường phục hồi. Với danh mục các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu, năng lực phát triển các tính năng đặc biệt, khả năng giao hàng nhanh, dịch vụ khách hàng vượt trội và uy tín của Công ty trong việc hài hòa lợi ích của các bên liên quan (khách hàng, đối tác, nhà cung ứng, CBCNV, cổ đông và cộng đồng xã hội) sẽ giúp STK đạt được sự tăng trưởng bền vững trong những năm tiếp theo.

Với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành, CBCNV Công ty và sự ủng hộ mạnh mẽ của Quý Cổ đông và Nhà đầu tư, tôi tin rằng STK sẽ duy trì nâng cao sự phát triển bền vững trong những năm tới.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**ĐẶNG MỸ LINH**

### 1.4 Thông điệp của Tổng giám đốc

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Khó khăn đối với ngành sợi tiếp diễn trong năm 2022. Do ảnh hưởng của lạm phát và suy thoái kinh tế trên toàn cầu, các thương hiệu lớn dự báo nhu cầu tiêu dùng sẽ sụt giảm và vì vậy các thương hiệu đã hạn chế đặt hàng mới trong nửa cuối năm 2022 để không chế tồn kho. Vì vậy, doanh số bán của STK vì vậy đã giảm 5% so với 2021. Mặc dù vậy, nhờ vào những đơn hàng có giá trị gia tăng cao cũng như giá bán tăng trong năm 2022 nên doanh thu năm 2022 của STK tăng 3,5% so với 2021 và lợi nhuận gộp cũng được duy trì gần bằng mức của 2021. Nhờ vào việc kiện toàn hoạt động, kiểm soát chặt chẽ chi phí nên Công ty đã tiết giảm các chi phí hoạt động bù đắp phần nào chi phí tài chính tăng cao. Con số lợi nhuận của cả năm 2022 – 242 tỷ là kết quả đạt được nhờ những nỗ lực không ngừng của tập thể



CBCNV của Công ty. Tiếp tục định hướng phát triển bền vững, trong năm 2022, Sợi tái chế đóng góp 52% trong tổng doanh thu, góp phần tái chế 1,04 tỷ chai nhựa đã qua sử dụng.

Nhằm kiểm soát tốt những rủi ro trong nội tại cũng như các rủi ro từ môi trường bên ngoài, trong năm 2022 Công ty đã tiến hành xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ và đã thuê Công ty kiểm toán AFC thực hiện kiểm toán nội bộ cho năm tài chính 2022. Trên cơ sở các phát hiện từ hoạt động kiểm toán, Công ty sẽ kiện toàn hoạt động sản xuất, quản lý tài chính và kinh doanh, tạo nền tảng mạnh mẽ để triển khai chiến lược phát triển bền vững với trọng tâm là các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu, các loại sợi có giá trị gia tăng cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng khai phá những thị trường mới và thu hút thêm khách hàng mới.

Năm 2023 vẫn sẽ còn nhiều thách thức và khó khăn. Tuy nhiên, tôi tin rằng các thành tựu STK đạt được trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội cũng như năng lực sản xuất vượt trội đang và sẽ tiếp tục giúp Công ty gắn kết mạnh mẽ hơn với chuỗi cung ứng của các thương hiệu hàng đầu, góp phần thu hút đơn hàng khi nhu cầu phục hồi. Ngoài ra nhà máy sợi Unitex khi đi vào hoạt động năm 2024 sẽ mở ra một chương mới trong tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Chúng tôi mong rằng với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự ủng hộ của cổ đông, Công ty sẽ đạt được các mục tiêu đặt ra và mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẶNG TRIỆU HÒA**

## 1.5 Thành tựu nổi bật năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

Tổng tài sản hợp nhất	Vốn chủ sở hữu hợp nhất	Tổng doanh thu bán hàng hợp nhất	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Vốn điều lệ	Tỷ lệ Sợi tái chế trên Doanh thu	GPM %	ROS %	ROA %	ROE %
2.125	1.541	2.114	242,3	843,6	52%	17,7%	11,4%	11,3%	15,6%



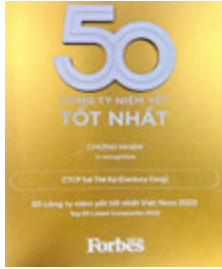
### Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2022 do HOSE tổ chức

Đạt Top 10 doanh nghiệp niêm yết có vốn hóa vừa (mid-cap) có Tình hình quản trị Công ty tốt nhất

Đạt giải NHẤT Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất.

### Cuộc bình chọn top 100 Doanh nghiệp PTBV Việt Nam

Đạt Top 13 trên 100 Doanh nghiệp PTBV Việt Nam (lần thứ 7 liên tiếp)



**Đạt Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất do Tạp chí Forbes bình chọn**

## **1.6 Tổng quan Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Tên tiếng Anh: Century Synthetic Fiber Corporation

Tên giao dịch: Century Corp.

Mã chứng khoán: STK (HSX)

Trụ sở chính: B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Văn phòng đại diện: 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 843.638.250.000 đồng

Điện thoại: + 84.028 3790 7565 / +84.276 389 9536

Fax: 84.028 3790 7566 / +84.276 389 9537

Email: csf@century.vn

Website: www.thekey.vn

Mã số thuế doanh nghiệp: 0302018927

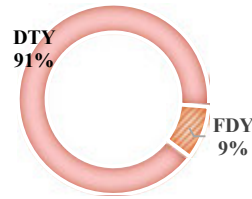
## 1.7 Quá trình hình thành và phát triển

<p>Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi ngày 01/06/2000.          Sản phẩm chính: DTY          Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/ năm.</p>	2000
<p>Cổ phần hóa – Sự thay đổi mang tính chiến lược          Công ty TNHH Sợi Thế Kỳ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ.</p>	2005
<p>Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất          Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14.500 tấn POY/ năm &amp; 15.000 tấn DTY/ năm.</p>	2008
<p>Phát triển sản phẩm mới FDY          Mở rộng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY &amp; FDY/ năm.</p>	2011
<p>Niêm yết trên HOSE, phát triển thành công sản phẩm mới sợi tái chế.          Tổng công suất đạt khoảng 52.000 tấn DTY &amp; FDY/năm từ nhà máy Trảng Bàng 3.</p>	2015
<p>Bắt đầu sản xuất sợi tái chế          Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm.</p>	2016
<p>Tận dụng cơ hội từ thị trường – Gặt hái thành công          Nâng tổng công suất lên 63.000 tấn/năm.</p>	2017
<p>Kiên định thực hiện mục tiêu          Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20% so với cùng kỳ.          Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ lệ sợi tái chế năm 2025.</p>	2019
<p>Phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch          Đạt được mục tiêu về lợi nhuận năm 2020 sau khi điều chỉnh.          Sản phẩm chiến lược Sợi tái chế vẫn duy trì ở mức lợi nhuận cao.          Triển khai dự án điện mặt trời áp mái.</p>	2020
<p>Lừa thử vàng, gian nan thử sức          Triển khai Dự án mở rộng công suất ở Công ty con.          Dự án điện năng lượng mặt trời đi vào hoạt động, giảm phát thải CO2.          Lợi nhuận năm 2021 vượt kế hoạch.</p>	2021
<p>Kiên trì với chiến lược kinh doanh cốt lõi          Dự án mở rộng công suất ở Công ty con đang trong quá trình xây dựng.          Áp dụng các sáng kiến PTBV, tái chế và tái sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.          Tiếp tục nâng cao tỷ trọng Sợi tái chế trong cơ cấu doanh thu.</p>	2022

## 1.8 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### 1.8.1 Lĩnh vực kinh doanh

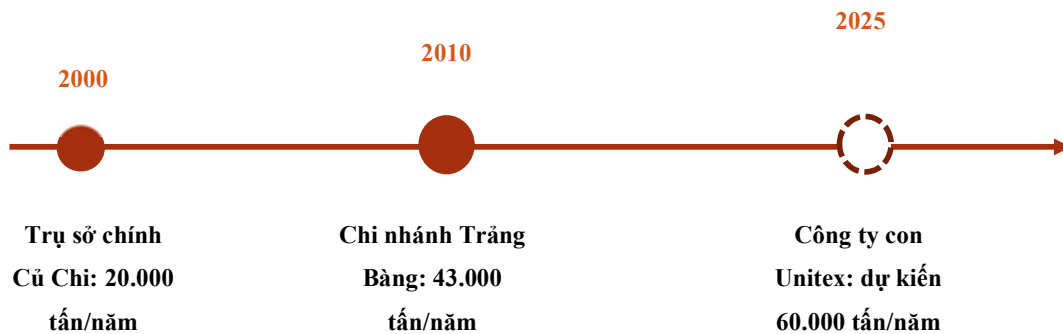
STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY (Drawn Textured Yarn) và FDY (Fully Drawn Yarn).



Sản phẩm sợi được sử dụng để sản xuất quần áo thể thao-dã ngoại, giày thể thao, túi vải polyester, trang phục bơi, rèm-màn cửa, đệm bọc xe hơi, băng quấn y tế...

### 1.8.2 Quy mô sản xuất

Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng trên với tổng diện tích là 80.000 m<sup>2</sup>.





2 nhà máy sản xuất  
(spinning/texturizing)



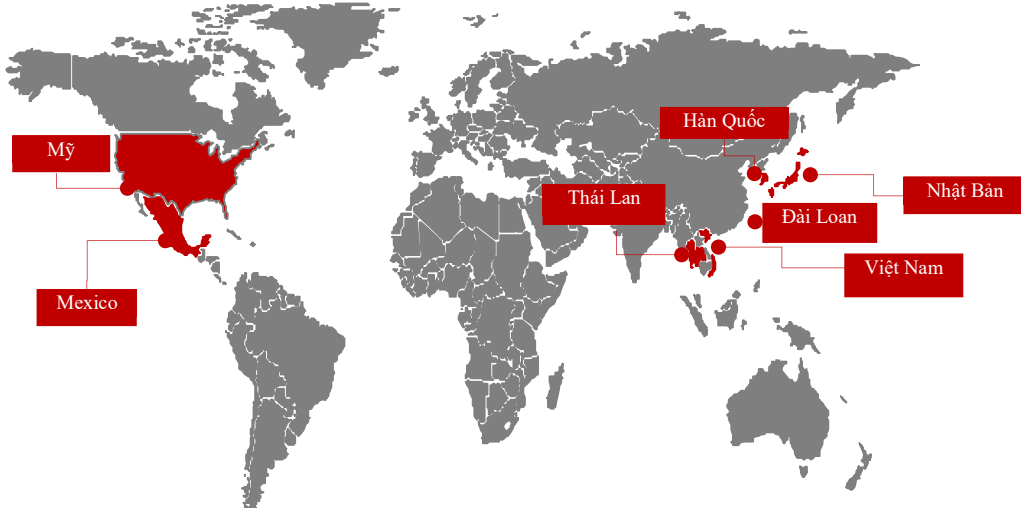
Diện tích 80.000 m<sup>2</sup>



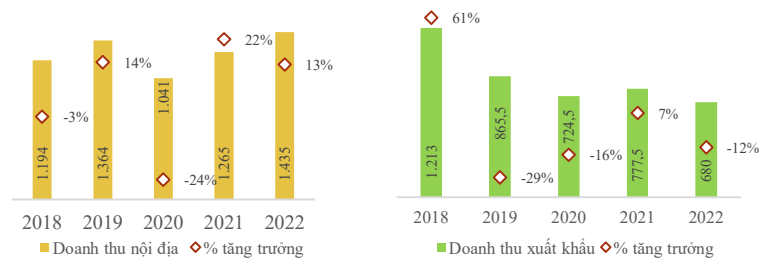
1.000 nhân viên



**1.8.3 Địa bàn kinh doanh**



800 khách hàng trên toàn thế giới với 690 khách hàng đang giao dịch thường xuyên.



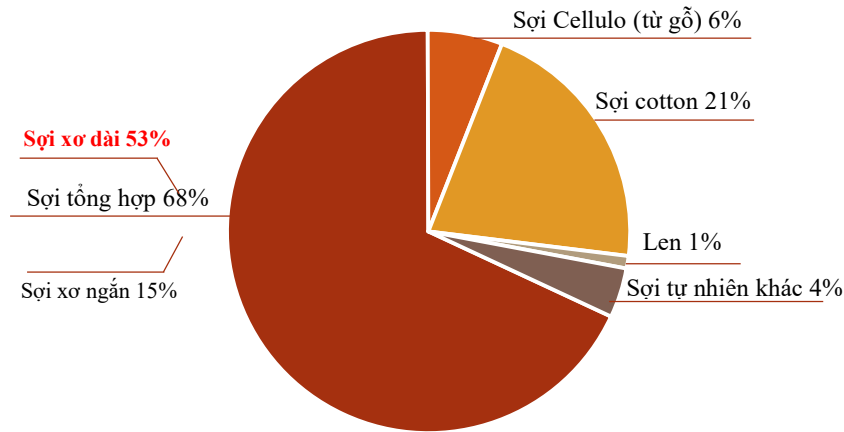
Số lượng khách hàng mới năm 2022: 54 khách hàng

**1.9 Chuỗi giá trị của ngành dệt may**



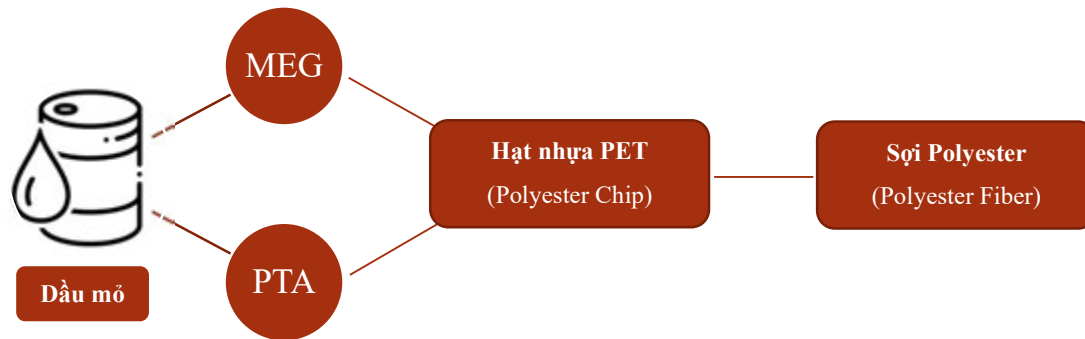
Trong đó:

**Tổng lượng tiêu thụ sợi toàn cầu năm 2021:  
113 triệu tấn**



Nguồn: The Fiber Year 2022

**Quy trình sản xuất sợi ở Sợi Thế Kỳ**



**1.10 Triết lý kinh doanh**

**TẦM NHÌN**

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

**SỨ MỆNH**

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

**GIÁ TRỊ CỐT LÕI  
PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG**

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

**ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC**

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

**LIÊN TỤC CÀU TIẾN**

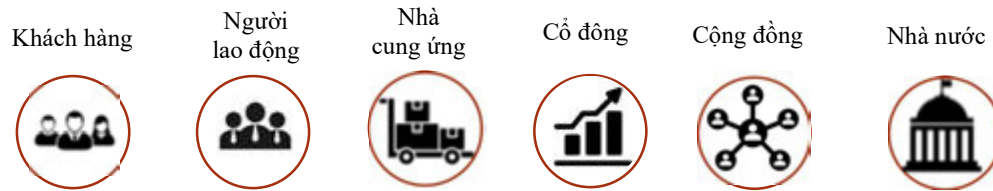
Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

**CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN**

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

**CAM KẾT**

Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.

**Gắn kết hệ giá trị mang lại lợi ích cho các bên liên quan****PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG**

- Mang đến cho KH các SP-DV có chất lượng cao với giá cả hợp lý;
- Sản phẩm thân thiện với môi trường;
- Quy trình sản xuất đạt chuẩn quốc tế; nguồn NVL có xuất xứ rõ ràng.

**ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC**

- Gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan;
- Sử dụng các nguồn lực để mang lại giá trị cao nhất cho các bên;

**LIÊN TỤC CẢI TIẾN**

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, thị trường mới để gia tăng hiệu quả kinh tế;
- Áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản lý sản xuất, chi phí, lợi nhuận; các rủi ro đến từ nội bộ Công ty.

**CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN**

- Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan như cổ đông, người lao động: phát hành cổ tức, chào bán cổ phiếu với giá ưu đãi;
- Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng.

**Gắn kết giá trị các bên liên quan**

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Cổ đông	<p>Cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư.</p> <p>Hội thảo và tham quan nhà máy.</p> <p>Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails.</p> <p>Bản tin IR, Investor Day, Analyst's meetings.</p>	<p>Minh bạch thông tin.</p> <p>Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông.</p> <p>Quản trị doanh nghiệp tốt.</p> <p>Định hướng phát triển lâu dài.</p> <p>Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư.</p> <p>Định hướng phát triển bền vững.</p> <p>Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng (ESG).</p> <p>Chính sách cổ tức.</p> <p>Thù lao cho HĐQT, BKS, BĐH.</p> <p>Giá trị của doanh nghiệp.</p> <p>Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư.</p> <p>Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint.</p>	<p>Doanh thu đạt 2.114,5 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 242,3 tỷ VND, đều hoàn thành ~81% kế hoạch đề ra.</p> <p>Mở rộng thị trường mới: từng bước phát triển thêm khách hàng thị trường Mỹ.</p> <p>Nâng cao tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu lên 52% 2022.</p> <p>Huy động vốn thông qua phát hành thành công tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu (tổng vốn huy động là 142,2 tỷ VND).</p> <p>Phát triển các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường Recycle Plus.</p> <p>Tuân thủ đúng về quy định công bố thông tin.</p> <p>Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm.</p> <p>Chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2021.</p> <p>Đa dạng các kênh công bố thông tin.</p> <p>Thực hiện giám sát và đo lường mức phát thải carbon footprint tại Công ty.</p>
Khách hàng	<p>Trao đổi trực tiếp.</p> <p>Các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng.</p> <p>Phiếu khảo sát khách hàng</p> <p>Website Công ty</p> <p>Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành.</p> <p>Email, điện thoại.</p>	<p>Công ty hoạt động bền vững (ESG)- an toàn và uy tín.</p> <p>Chất lượng sản phẩm- dịch vụ.</p> <p>Giá cả cạnh tranh.</p> <p>Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn.</p> <p>Dịch vụ khách hàng vượt trội.</p> <p>Công nghệ, năng lực sản xuất tốt.</p> <p>Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng.</p> <p>Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao.</p> <p>Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại.</p> <p>Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint</p>	<p>Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuễn rất cao, tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu dope dyed.</p> <p>Đảm bảo chất lượng của sản phẩm ổn định.</p> <p>Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng.</p> <p>Giao hàng đúng hạn và không thiếu hàng, thời gian giao hàng nhanh và linh hoạt.</p> <p>Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu.</p> <p>Tham gia công bố thông tin về phát triển bền vững trên các platform như CDP, đo lường tác động môi trường của sản phẩm.</p> <p>Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng.</p> <p>Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại (REACH 168).</p> <p>Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe.</p> <p>Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard).</p> <p>Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ.</p> <p>Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.</p>
Người lao động	<p>Chương trình Tôn chỉ.</p> <p>Các cuộc họp giao ban.</p> <p>Đổi thoại định kỳ với người lao động.</p> <p>Hội nghị người lao động hàng năm.</p> <p>Trực tiếp trao đổi với người quản lý.</p> <p>Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự.</p> <p>Phiên họp thương lượng tập thể.</p>	<p>Môi trường làm việc thoải mái an toàn.</p> <p>Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp.</p> <p>Cân bằng giữa công việc và cuộc sống.</p> <p>Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao.</p> <p>Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề.</p> <p>Cơ hội thăng tiến trong công việc</p> <p>Tâm nhìn của người lãnh đạo.</p> <p>Sự công bằng và dân chủ.</p> <p>Không phân biệt đối xử.</p> <p>An toàn lao động trong nơi làm việc.</p> <p>Công việc ổn định và được hướng dẫn.</p>	<p>Cải thiện chính sách tiền lương, chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động.</p> <p>Tăng lương bình quân 5% tùy vào vị trí công việc.</p> <p>Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 29 người.</p> <p>Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động.</p> <p>Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành.</p> <p>Thực hiện cơ chế 5S, cải thiện môi trường làm việc.</p> <p>Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe.</p> <p>Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật.</p> <p>Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm – 15, 16/12/2022.</p> <p>Duy trì lượng đơn hàng ổn định, tạo công việc làm cho người lao động và duy trì thu nhập ổn định cho công nhân.</p>
Nhà cung ứng	<p>Gặp gỡ trực tiếp.</p> <p>Tham quan nhà máy.</p> <p>Thông qua email, điện thoại.</p>	<p>Uy tín, cộng tác dài lâu.</p> <p>Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển.</p> <p>Xây dựng chuỗi giá trị bền vững, không bị gián đoạn.</p> <p>Đối tác đảm bảo các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm</p>	<p>Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên.</p> <p>Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh.</p> <p>Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác lâu dài.</p> <p>Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, để đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên.</p>



	Thu thập thông tin qua khảo sát.	phát thải khí nhà kính carbon footprint.	Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
Nhà nước	Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra.  Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA.  Các văn bản hành chính của nhà nước.	Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. Hỗ trợ phát triển cộng đồng. Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. Doanh nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường.	Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe. Ủng hộ chủ trương của nhà nước. Nộp thuế đầy đủ. Hỗ trợ phát triển địa phương. Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
Ngân hàng đối tác	Các cuộc gặp mặt trực tiếp.  Điện thoại và email.	Công ty hoạt động bền vững và uy tín. Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint.	Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch. Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
Cộng đồng địa phương	Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ.  Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương.  Các hoạt động xã hội cộng đồng.	Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.	Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương. Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương. Phát triển đô thị hóa nông thôn thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng mới từ các dự án nhà máy mới như Unitex, Dintsun. Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
Hiệp hội ngành (VCOSA)	Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi.	Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành. Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.	Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. Đóng góp hội phí thường niên. Tham gia là ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA). Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.

**1.11 Mô hình kinh doanh**



**1.12 Vị thế của Sợi Thế Kỳ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng**

**Vị thế của Sợi Thế Kỳ**

Sợi Thế Kỳ là **một trong bảy**<sup>1</sup> doanh nghiệp sản xuất sợi polyester filament ở Việt Nam. Tuy STK đứng thứ 4 về mặt quy mô nhưng là một trong những doanh nghiệp đứng đầu về mặt chất lượng.

Với mục tiêu tiên phong trong ngành sợi dệt và trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu, Sợi Thế Kỳ đã và đang dẫn đầu trong thị trường nội địa cũng như vươn mình ra thế giới, mang đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu của khách hàng.

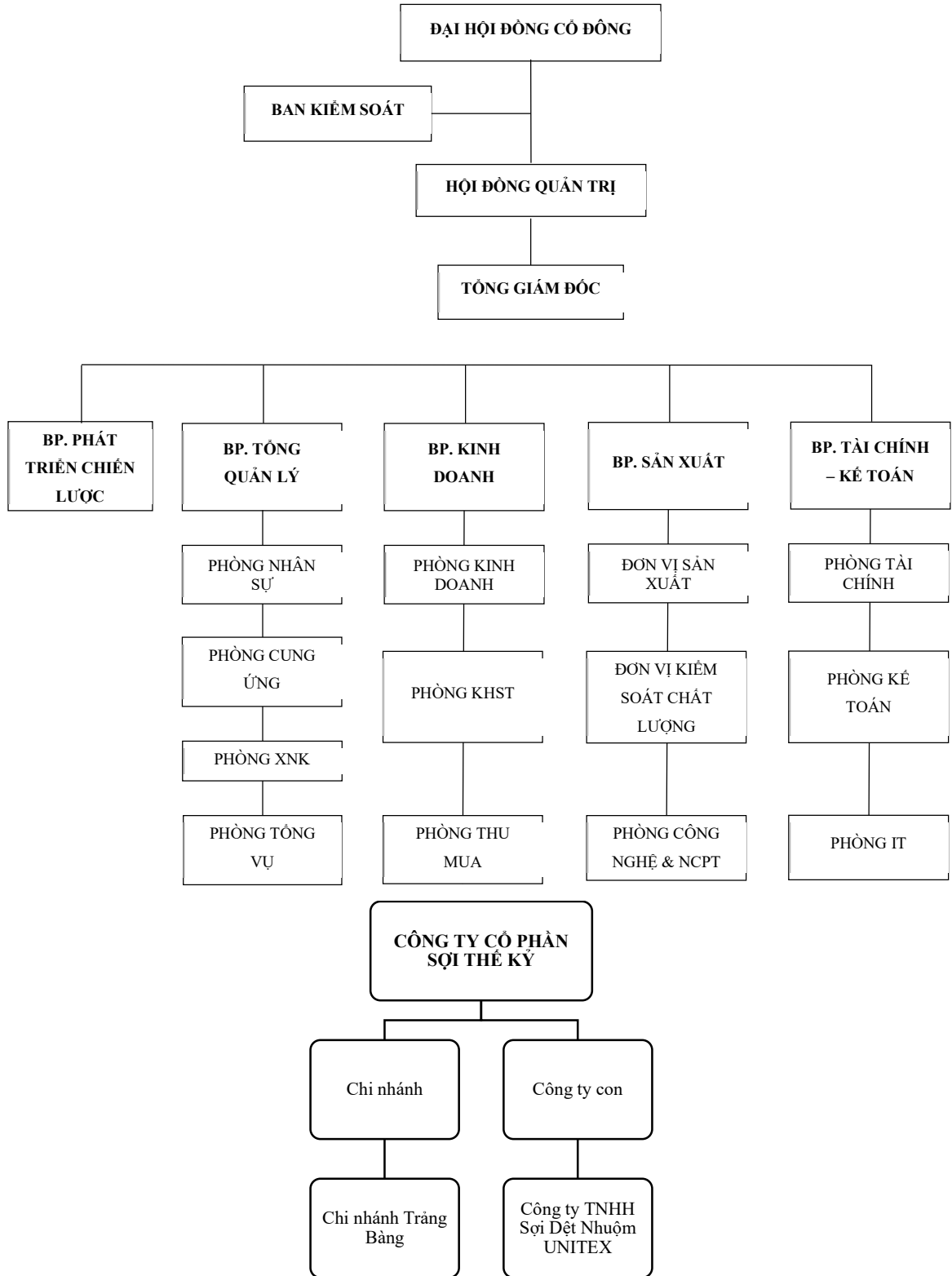
**Yếu tố tạo động lực tăng trưởng**

Các yếu tố đầu vào	Cụ thể hóa yếu tố đầu vào	Kết quả đầu ra
Nguồn lực tài chính	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông)	Sử dụng hiệu quả thông qua hoạt động đầu tư dự án, mở rộng công suất Đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm. Chi trả cổ tức với tỷ lệ 15% trên mệnh giá.

<sup>1</sup> Theo đánh giá và khảo sát của Công ty

Nguồn lực tài chính	Vốn vay từ các tổ chức tín dụng	Tận dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý và an toàn để tài trợ cho các dự án tăng công suất, vốn lưu động, gia tăng lợi nhuận cho cổ đông. Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn.
Nguồn nhân lực	Người lao động	Xây dựng được đội ngũ nhân viên kế thừa lành nghề và giàu tinh thần trách nhiệm. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua tuyển dụng và đào tạo. Kiến tạo văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động. Chính sách phúc lợi hợp lý, tạo động lực cho NLD gia tăng hiệu quả sản xuất.
Nguồn lực sản xuất và tài sản hữu hình và vô hình	Công suất tối đa: 63.000/tấn. Tổng tài sản (hợp nhất) đạt 2.125 tỷ đồng. Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động sản xuất-kế toán tài chính-nhân sự. Mạng lưới khách hàng nội địa và xuất khẩu. Danh tiếng và vị thế của Công ty trên thị trường.	Máy móc được nhập khẩu từ công nghệ châu Âu tiên tiến bậc nhất trên thế giới (Đức). Áp dụng CNTT để gia tăng hiệu quả sản xuất và giảm giá thành sản xuất; theo dõi và rút kinh nghiệm để cải thiện chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn dẫn đầu trong ngành sợi về chất lượng cao đi đôi giá cả hợp lý, mở rộng và duy trì được mạng lưới khách hàng.
Quản trị doanh nghiệp	Hệ thống quản trị rủi ro Mô hình quản trị áp dụng những thông lệ tốt trong nước và quốc tế	Áp dụng Kiểm toán nội bộ để củng cố “hàng phòng ngự” trong việc kiểm soát rủi ro từ nội bộ. Người phụ trách về quản trị Công ty có vai trò theo dõi và đưa ra sáng kiến cải thiện quản trị; đồng thời kết hợp với chỉ đạo từ HĐQT để giữ vững được tính minh bạch trong việc quản trị Công ty theo chuẩn mực trong nước và quốc tế.
Yếu tố xã hội	Cơ hội từ xu hướng thay đổi của văn hóa tiêu dùng và các yếu tố nhân khẩu học như thay đổi cơ cấu dân số theo tuổi tác, giới tính, văn hóa quốc gia vùng lãnh thổ...	Nắm bắt được những thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng để mở ra cơ hội phát triển sản phẩm mới và phân khúc thị trường mới; đón đầu được xu hướng mới trong ngành và chuỗi cung ứng trong nước và trên toàn cầu.
Yếu tố môi trường	Cơ hội từ xu hướng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và xu hướng xanh hóa ngành.	Thực hiện các sáng kiến PTBV để giảm thiểu khí thải CO2, giảm lượng tiêu thụ năng lượng không tái tạo và lượng tiêu thụ nước sạch.

### 1.13 Cơ cấu tổ chức Công ty



Vui lòng tham khảo mục [Mô hình quản trị](#) ở trang 65, Báo cáo thường niên năm 2022.

**1.14 Tình hình công ty con**

	Tên đơn vị	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
Công ty con	<b>CÔNG TY TNHH SỢI, DỆT NHUỘM UNITEX</b>	222.100.190.000 đồng	100%	Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim (chưa đi vào hoạt động)

Trong năm 2022, Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 222.100.190.000 đồng từ vốn góp của Công ty mẹ (STK), theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901206611 cấp lần đầu ngày 29/06/2015 và sửa đổi lần thứ 4 ngày 08/11/2022.

**Tình hình hoạt động của Công ty con**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	±%, YoY
Doanh thu hoạt động tài chính	2.018.205.268	21.417.563	9323.13%
Chi phí tài chính	(4.218.968.733)	(84.716.237)	4880.12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.793.432.514)	(79.341.668)	4681.14%
Lợi nhuận sau thuế	(3.793.432.514)	(114.341.668)	3217.63%
Tài sản ngắn hạn	354.473.954.246	19.104.338.452	1755.46%
Tài sản dài hạn	108.008.825.234	78.369.689.989	37.82%
Nợ phải trả	244.341.262.334	17.639.268.781	1285.21%
Vốn chủ sở hữu	218.141.517.146	79.834.759.660	173.24%
Tổng tài sản	462.482.779.480	97.474.028.441	374.47%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitek

Hiện nay UNITEX chưa triển khai hoạt động. Do đó mới chỉ ghi nhận chi phí phát triển dự án.

Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
Lãi tiền gửi	1.966.384.962	57.563
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.006.237	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.814.069	21.360.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.018.205.268</b>	<b>21.417.563</b>

Chi tiết chi phí tài chính

	2022	2021
Chi phí lãi vay	3.925.728.233	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	293.240.500	84.716.237
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.218.968.733</b>	<b>84.716.237</b>

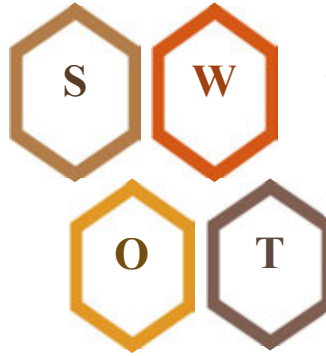
(xem thêm mục **TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**, trang 59)

## 2 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

### 2.1 Phân tích S.W.O.T

#### Điểm mạnh

- Tập trung kinh doanh ngành nghề cốt lõi;
- Chiến lược kinh doanh đón đầu xu hướng của thị trường;
- Máy móc, công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực lâu năm và lành nghề;
- Tình hình tài chính ổn định và minh bạch;
- Thương hiệu vững mạnh được khách hàng đánh giá cao nhờ chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ sản phẩm chuyên nghiệp.
- Tình hình quản trị minh bạch, hướng đến các thông lệ quốc tế.



#### Điểm yếu

- Nguồn nhân lực cấp cao và cấp trung còn thiếu kinh nghiệm quản lý và đào tạo nguồn nhân lực cấp thấp hơn.
- Là doanh nghiệp xuất khẩu nhưng vẫn còn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.
- Công ty ghi nhận các khoản vay ngắn và dài hạn bằng đồng ngoại tệ USD nên phải thiết lập dự phòng lỗ chênh lệch tỷ giá khi VND mất giá so với USD, ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Công ty.

#### Cơ hội

- Sợi Polyester nói chung và sợi Polyester Filament nói riêng vẫn chiếm ưu thế lớn nhất trong cơ cấu của ngành sợi; nhu cầu sợi thân thiện với môi trường vẫn tiếp tục tăng cao;
- Xu hướng dịch chuyển đơn hàng dệt may sang Việt Nam để tận dụng các ưu đãi thuế quan theo Các hiệp định thương mại;
- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động bán hàng ở nội địa sẽ có tiềm năng tăng trưởng cao, bao gồm cả xuất khẩu gián tiếp.
- Phân khúc quần áo thể thao cao cấp được đánh giá sẽ phục hồi mạnh hơn các phân khúc khác và có khả năng tăng trưởng do sự thay đổi hành vi người tiêu dùng.

#### Thách thức

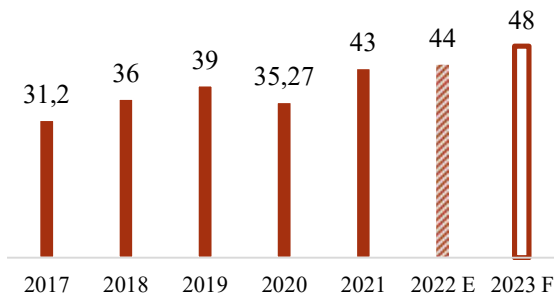
- Rủi ro nền kinh tế suy thoái và nhu cầu sụt giảm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Việc giãn cách xã hội do dịch bệnh có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng và giảm công suất hoạt động của nhà máy, gây tăng chi phí cho Công ty.
- Rủi ro Công ty xuất khẩu có khả năng bị kiện chống bán phá giá ở các thị trường xuất khẩu.

### 2.2 Tổng quan ngành dệt may và phân ngành xơ sợi dài

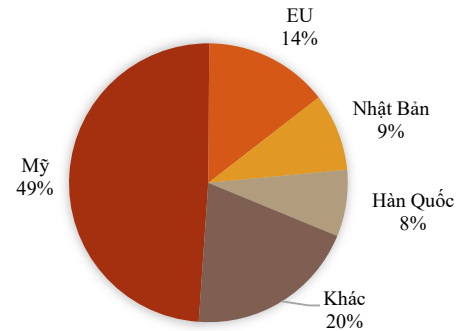
#### Tình hình ngành dệt may trong nước và ngoài nước

Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam vẫn duy trì ở mức tăng trưởng dương, ước đạt 44 tỷ USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật bản phục hồi trong 9 tháng đầu năm sau khi bệnh dịch Covid 19 đã được kiểm soát.

**Xuất khẩu dệt may của Việt Nam (tỷ USD)**

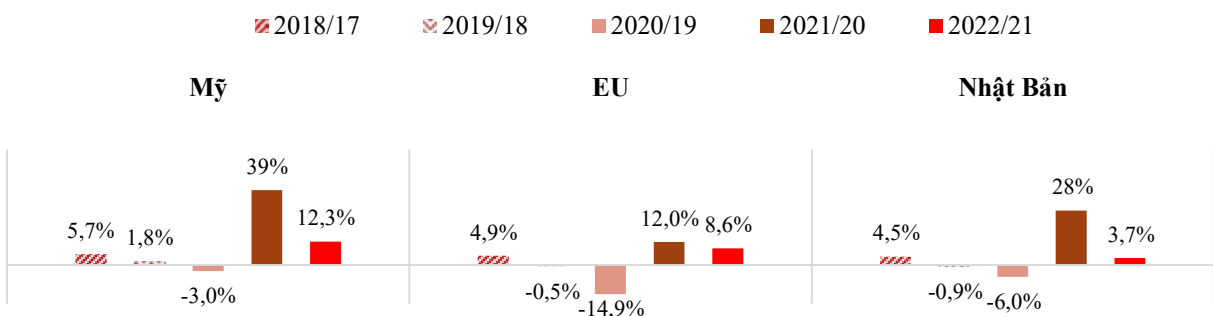


**Các thị trường xuất khẩu dệt may của Việt Nam 2022**

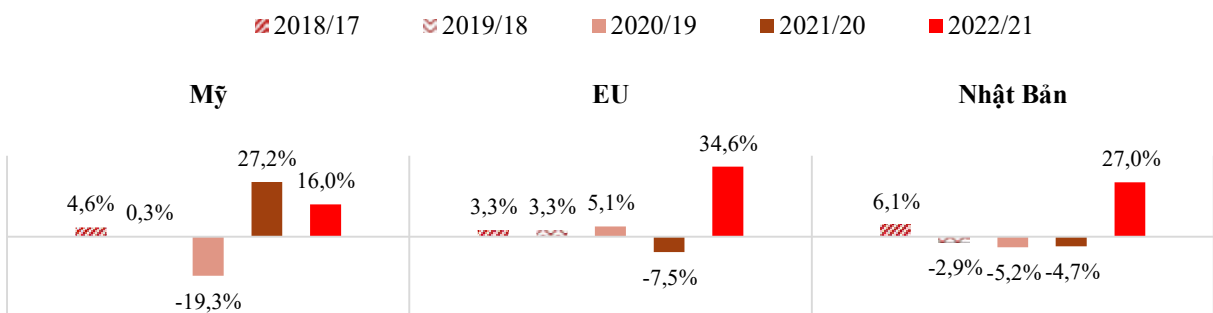


Nguồn: Hiệp hội Dệt may Việt Nam

**Tốc độ tăng trưởng sản lượng nhập khẩu dệt may tại 3 thị trường**



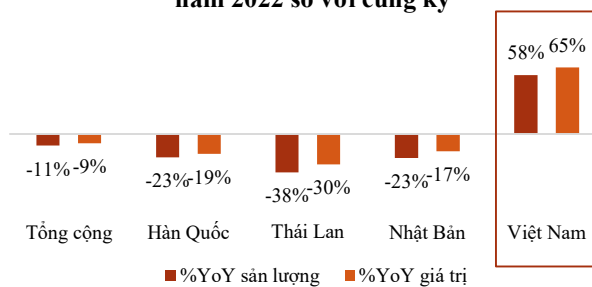
**Tốc độ tăng trưởng giá trị nhập khẩu dệt may tại 3 thị trường**



Nguồn: OTEXA, EUROPA, JP e-stat

**Phân ngành sợi xơ dài (Polyester Filament)**

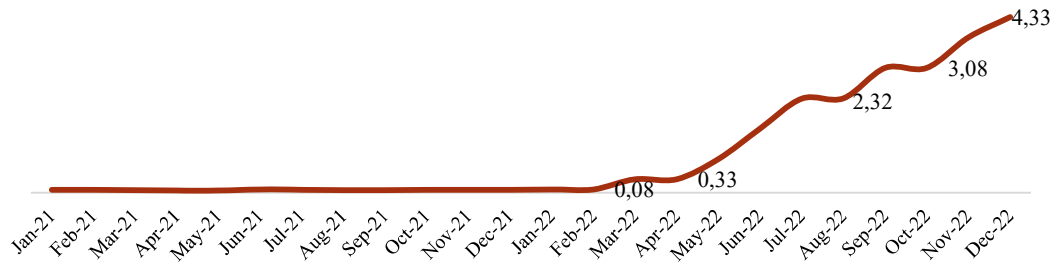
**Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sợi Polyester Filament của các thị trường năm 2022 so với cùng kỳ**



Do vị trí ở thượng nguồn chuỗi cung ứng, nên ngành sợi nói chung và sợi polyester filament nói riêng bị ảnh hưởng tiêu cực khi các thương hiệu thời trang dự báo nhu cầu sẽ giảm tốc trước tác động tiêu cực của lạm phát và suy thoái kinh tế. Do đó trong năm 2022, ngành sợi Polyester Filament của Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng âm về sản lượng và giá trị xuất khẩu. Ngoại trừ thị trường xuất khẩu tại chỗ (Việt Nam) đạt mức tăng trưởng cao, các thị trường chủ chốt khác đều tăng trưởng chậm hơn so với năm 2021. *Nguồn: STK tổng hợp*

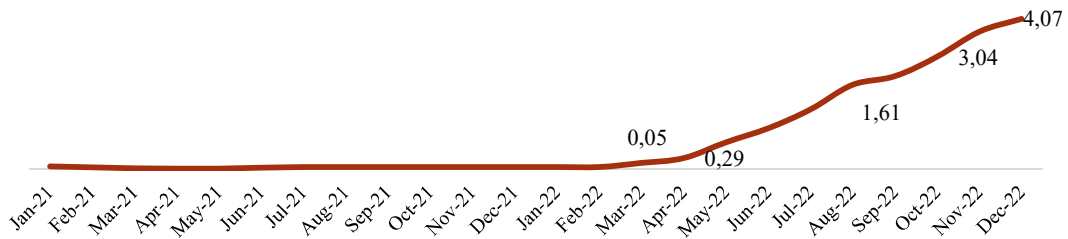
**Tình hình lãi suất năm 2022**

**Lãi suất Quỹ liên bang (%) (Federal Fund Rate)**



Nguồn: investing.com

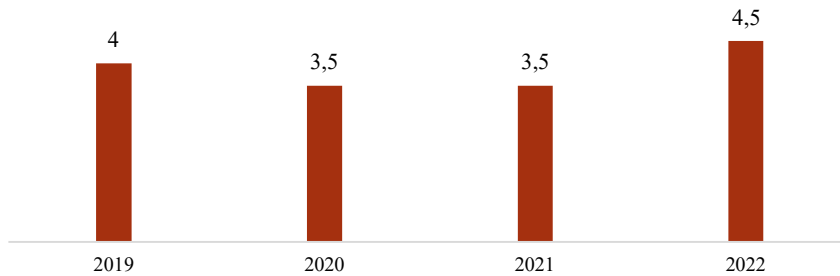
**Lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm % (SOFR)**



Nguồn: www.global-rates.com

Để chống lạm phát, Cục dự trữ liên bang Mỹ, cũng như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã liên tục tăng lãi suất trong năm 2022. Do đó, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại cũng tăng tương ứng trong kỳ.

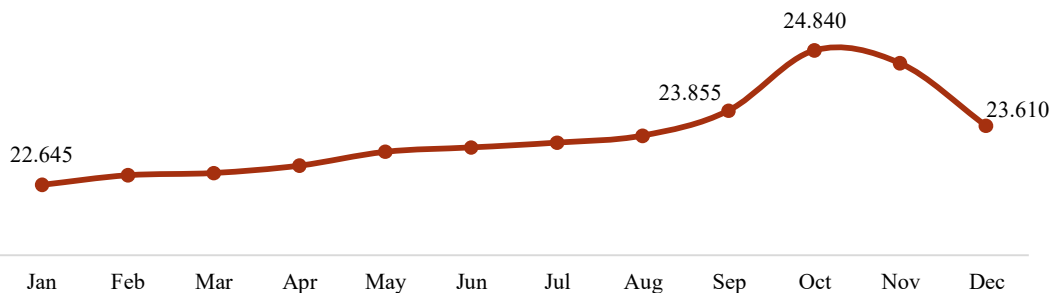
**Lãi suất tái chiết khấu của Ngân hàng Trung ương Việt Nam (%)**



Nguồn: sbv.gov.vn

**Tình hình tỷ giá VND/USD năm 2022**

**Tỷ giá VND/USD trong năm 2022**

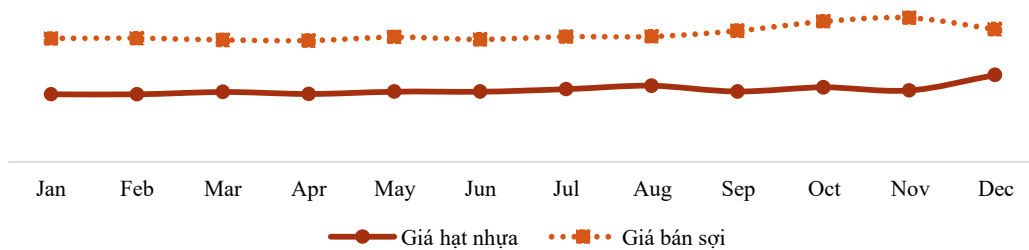


Nguồn: investing.com



Do đồng USD mạnh lên cùng với những bất ổn của thị trường tài chính Việt Nam ở đầu Quý 4-2022, tỷ giá VND/USD đã tăng đột biến 9,7%, trước khi hạ nhiệt vào cuối năm. Tính chung cả năm 2022, tỷ giá VND/USD tăng 3,4%. Những biến động bất ngờ của tỷ giá trong giai đoạn tháng 9-tháng 11/2022 đã làm tăng chi phí tài chính thuần của Công ty lên 9,6 tỷ đồng so với kế hoạch.

### Giá hạt nhựa và price gap năm 2022



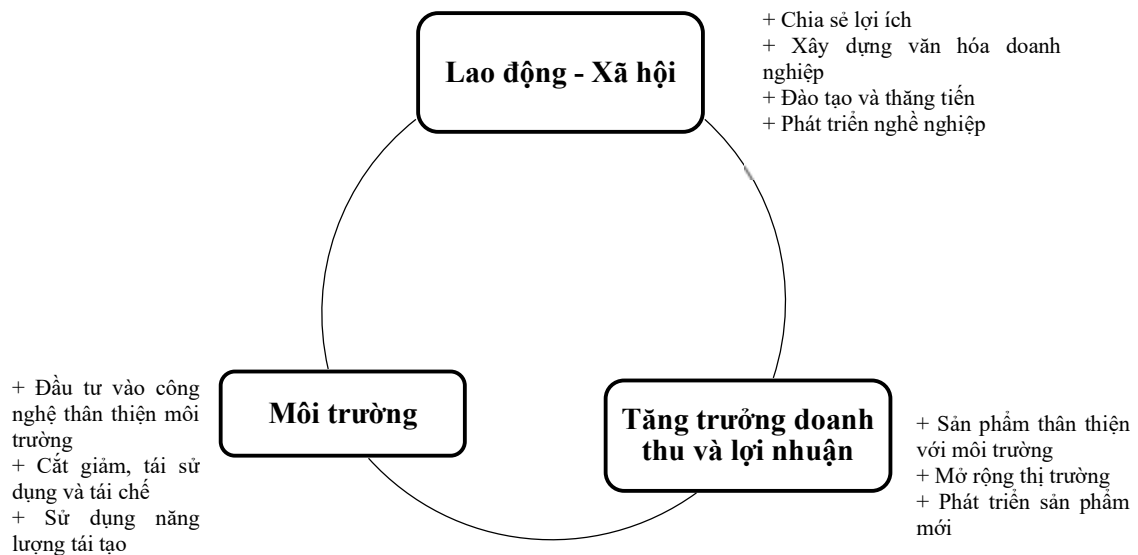
Nguồn: STK tổng hợp

Giá hạt nhựa bình quân năm 2022 đã tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó giá hạt nhựa nguyên sinh và giá hạt nhựa tái chế tăng lần lượt 23% và 5%.

Giá bán thành phẩm bình quân năm 2022 cũng tăng 9,5% so với năm trước, trong khi giá sợi nguyên sinh tăng 6% thì giá sợi tái chế tăng 12%.

Có thể thấy, sản phẩm Sợi tái chế vẫn duy trì ổn định và mang lại lợi nhuận cao cho STK.

### 2.3 Gắn kết Tăng trưởng kinh tế với Phát triển bền vững



Trong định hướng chiến lược của STK, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận phải luôn gắn kết với việc bảo vệ môi trường, hài hòa lợi ích với các bên có liên quan và phát triển xã hội.

Chiến lược phát triển bền vững của STK bao gồm 3 mục tiêu chính:

- Mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận: Để đạt được mục tiêu này, Công ty chú trọng phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và khách hàng đánh giá cao, mở rộng thị trường và khách hàng.

- Mục tiêu bảo vệ môi trường: Để đạt được mục tiêu này, Công ty (i) đầu tư vào những công nghệ thân thiện với môi trường, có hiệu suất cao, hạn chế phế phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu, (ii) áp dụng các biện pháp để cắt giảm, tái sử dụng và tái chế nguyên vật liệu, điện, nước; (iii) sử dụng năng lượng tái tạo.
- Mục tiêu phát triển con người và xã hội: Các chính sách lương, thưởng phúc lợi của công ty được xây dựng trên cơ sở Công ty luôn chia sẻ lợi ích với người lao động, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên có liên quan. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo ra môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và quan tâm đào tạo người lao động cũng như trao cho họ những cơ hội thăng tiến trong công việc.

Sợi tái chế vẫn là sản phẩm chiến lược cho đến năm 2025, có biên lợi nhuận cao và xu hướng giá cả ổn định.

**Tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường**

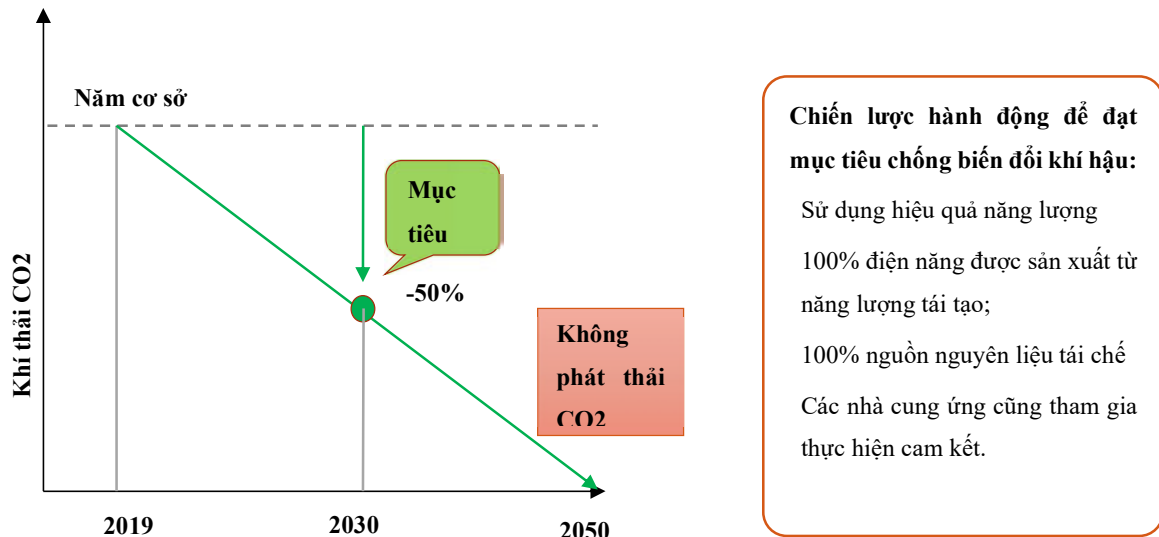


**Xu hướng phát triển bền vững trong ngành dệt may**

Trong những năm gần đây, do nhận thức của người tiêu dùng về bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền con người và trách nhiệm xã hội ngày càng tăng nên các thương hiệu thời trang hàng đầu cũng đã tích cực thay đổi chiến lược kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.

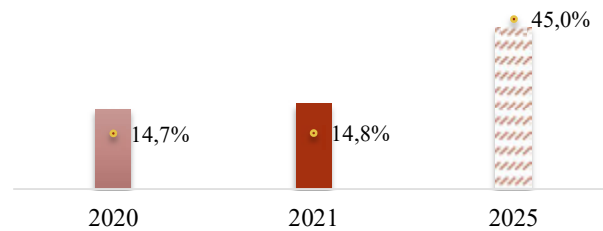
Về bảo vệ môi trường, các thương hiệu thời trang đã đưa ra các cam kết về chống biến đổi khí hậu và bảo vệ nguồn nước.

Nhằm giữ cho nhiệt độ trái đất không nóng hơn 1,5 độ C, năm 2018 các nhãn hàng đã đưa ra cam kết cắt giảm khí nhà kính xuống 50% vào năm 2030 và mức phát thải bằng không vào năm 2050. Tính đến năm 2021 đã có 132 nhãn hàng (bao gồm Adidas, H&M, Inditex, Lululemon, VF Group) đã tham gia cam kết này.



Đề đạt được cam kết chống biến đổi khí hậu nói trên, vào tháng 4 năm 2021 các thương hiệu đã đưa ra cam kết nâng tỷ trọng sợi polyester tái chế trong tổng lượng polyester sử dụng từ 14,7% (năm 2020) lên 45% (năm 2025). Như vậy khối lượng sợi polyester recycle dự kiến sẽ tăng từ 8,37 triệu tấn (2020) lên 17,1 triệu tấn (2025).

### Sản lượng sợi tái chế toàn cầu (triệu tấn)



Nguồn: Textile Exchange

Tỷ trọng sợi tái chế chiếm 14,83% trong tổng lượng sợi tiêu thụ toàn cầu (113 triệu tấn) năm 2021, trong đó: sợi tái chế xơ dài chỉ chiếm gần 4%. Đây là cơ hội rất lớn để STK nâng tỷ trọng sợi tái chế trong tổng doanh thu trong những năm tới..

Để bảo vệ nguồn nước, các thương hiệu cũng cam kết không thải hóa chất độc hại ra môi trường theo sáng kiến của chương trình Zero Discharge Hazardous Chemical (“ZDHC”). Do đó, các sản phẩm giúp các thương hiệu cắt giảm việc tiêu thụ nước và hóa chất như sợi màu cũng sẽ có cơ hội phát triển.

Nhằm đảm bảo các yêu cầu về quyền con người, các quyền của người lao động như không phân biệt đối xử, không sử dụng lao động cưỡng bức, đảm bảo môi trường lao động an toàn, đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, v.v, các thương hiệu tiến hành kiểm toán định kỳ các nhà cung ứng trong chuỗi của họ.

## 2.4 Cơ hội và thách thức tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty

Những yếu tố chính từ ngành và thị trường tác động đến Sợi Thê Kỳ trong năm 2022 và dự báo cho năm 2023

↑: có tác động tích cực đến Công ty

↓: có tác động tiêu cực đến Công ty

↓↓: tiếp tục có tác động tiêu cực

Các yếu tố tác động	2022	2023	Ghi chú
Dự báo Nhu cầu tiêu thụ dệt may giảm ở các thị trường tiêu thụ hàng dệt may chủ chốt như Mỹ và EU do khủng hoảng năng lượng, lạm phát và suy thoái kinh tế.	↓	↓↓	Tăng trưởng GDP của Mỹ dự kiến đạt 1,6% năm 2022 và chỉ đạt 1% năm 2023. Tăng trưởng GDP Khu vực châu Âu được dự báo đạt 3,1% năm 2022 và giảm xuống còn 0,5% năm 2023.
Xu hướng sourcing gần chuỗi cung ứng (near-shoring) nhằm tiết giảm chi phí của các thương hiệu thời trang	↓	↓	
Phân khúc cao cấp vẫn được dự báo ít bị tác động bởi tình hình kinh tế sụt giảm.	↑	↑	
Xu hướng phát triển bền vững	↑	↑	Cam kết của các thương hiệu thời trang hàng đầu về chống biến đổi khí hậu.

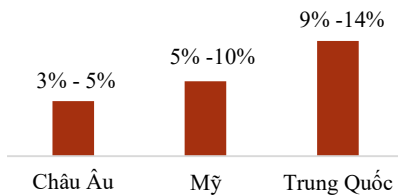
			Sợi tái chế vẫn được các nhãn hàng chú trọng, nhu cầu tiêu thụ dự báo vẫn được duy trì.
Xu hướng tỷ giá đồng USD và mặt bằng lãi suất chung tăng cao	↓	↓↓	
Dịch Covid-19 vẫn có thể bùng phát ở châu Á do sự xuất hiện các biến chủng mới	↓	↓	
Ưu tiên chọn quốc gia để sourcing có các hiệp định thương mại về ưu đãi thuế, tình hình chính trị ổn định	↑	↑	Việt Nam đều thỏa mãn 2 yếu tố này nên vẫn được xem là nơi sourcing tốt nhất của các nhãn hàng ở châu Á.
Quyết định rà soát thuế chống bán phá giá của Cục phòng vệ thương mại Việt Nam đối với sợi nhập khẩu từ Trung Quốc	↑	↑	Góp phần ngăn chặn các hành vi phá giá của các doanh nghiệp sản xuất ở Trung Quốc

**Hành động của Sợi Thế Kỷ trước cơ hội và thách thức**

- ✓ **Nhu cầu tiêu thụ hàng dệt may và tiêu dùng khả dụng được dự báo giảm trong năm 2023**

Mặc dù lượng tiêu thụ được dự báo giảm và chi tiêu cho may mặc có phần được thắt chặt hơn, phân khúc trang phục thể thao cao cấp vẫn được đánh giá có nhiều tích cực trong năm 2023.

**Dự báo tốc độ tăng trưởng của phân khúc cao cấp năm 2023**



Sợi Thế Kỷ có khoảng 80% doanh thu là cung cấp các mặt hàng cao cấp cho các nhãn hàng thời trang lớn trên thế giới như Nike, Adidas, Fast Retailing (Uniqlo), Lululemon (thuộc top 20 tập đoàn có lợi nhuận lớn nhất thế giới). (Nguồn: McKinsey Global Fashion Index).

Nhờ vào mạng lưới khách hàng chuyên cung cấp cho các “ông lớn”, STK có nhiều lợi thế để thúc đẩy hoạt động bán hàng và nâng cao biên lợi nhuận hơn các đối thủ cùng ngành khác; từ đó đặt mục tiêu phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao.

*Nguồn: McKinsey Forecasts*

- ✓ **Các nhãn hàng khắt khe hơn trong việc lựa chọn nơi sourcing**

Việt Nam vẫn là quốc gia có nhiều ưu thế trong việc trở thành nơi sourcing cho các nhãn hàng.

- Việt Nam có nhiều ưu đãi thuế quan, giúp giảm giá sản phẩm xuất khẩu sang các nước trong khu vực và các thị trường trọng điểm.
- Chuỗi sản xuất dệt may của Việt Nam đang dần hoàn thiện với đầy đủ các khâu sợi, dệt nhuộm, may mặc, góp phần rút ngắn thời gian giao hàng, tăng khả năng linh hoạt để đáp ứng yêu cầu của các thương hiệu.
- Việt Nam có nền chính trị tương đối ổn định và kiểm soát dịch bệnh tương đối tốt hơn so với các nước châu Á khác.
- Các doanh nghiệp dệt may ở Việt Nam ngày càng chú trọng đến việc lồng ghép các yếu tố PTBV vào hoạt động kinh doanh của mình.

Nơi sourcing	Thời gian hoàn thành đơn hàng	Chi phí sourcing	Tính linh hoạt và nhanh chóng	Rủi ro tuân thủ về lao động xã hội	Rủi ro tuân thủ về môi trường
--------------	-------------------------------	------------------	-------------------------------	------------------------------------	-------------------------------

Hoa Kỳ	●	◆	▲	●	●
Mexico	●	▲	▲	▲	▲
CAFTA-DR	▲	▲	▲	▲	▲
Trung Quốc	▲	▲	▲	◆	◆
<b>Việt Nam</b>	▲	●	▲	▲	▲
Bangladesh	◆	●	▲	◆	◆
Indonesia	◆	▲	▲	◆	◆
Ấn Độ	◆	▲	▲	◆	◆
Srilanka	◆	▲	▲	▲	▲
Cam-pu-chia	◆	●	▲	◆	◆

● : được đánh giá mức độ cao

▲ : được đánh giá mức độ trung bình

◆ : được đánh giá mức độ thấp

Nguồn: US-FIA 2022 benchmarking study

Từ đó, có thể thấy Việt Nam nhìn chung được đánh giá cao nhất trong khu vực châu Á trên nền 05 yếu tố đánh giá.

## 2.5 Chiến lược trung và dài hạn đến năm 2025

### Tăng cường nội lực và mở rộng thị phần

Đầu tư vào phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường: sợi tái chế, sợi màu, sợi đặc biệt khác...;

Kiên toàn hệ thống để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm;

Nâng cao trình độ kỹ năng cho cấp quản lý khối sản xuất nói riêng và người lao động nói chung;

Mở rộng công suất thêm 60.000 tấn/năm (Nhà máy Unitex)

Áp dụng tự động hóa và công nghệ thông tin để giảm bớt sự phụ thuộc vào thao tác thủ công và kinh nghiệm của người vận hành.

### Quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro PTBV

Áp dụng cơ chế Kiểm toán nội bộ để kiểm soát rủi ro nhất là trong vận hành sản xuất và hệ thống giá thành..

Cải thiện chính sách phúc lợi, cơ chế thưởng-phạt, KPIs, điều kiện làm việc để thu hút và giữ chân người lao động lành nghề, có tinh thần trách nhiệm cao.

Thường xuyên nâng cao tay nghề, tăng cường đào tạo đến các đối tượng người lao động khác nhau.

Kiểm soát rủi ro từ môi trường, áp dụng triệt để các sáng kiến PTBV để tiết giảm lượng tiêu thụ năng lượng không tái tạo và nước sạch; áp dụng phương pháp LCA (Life Cycle Assessment) để đo lường mức độ gây tác động đến môi trường (phát thải khí CO2 trên một kilogram sản phẩm).

**Trong những năm vừa qua, Sợi Thế Kỹ là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực PTBV, được khách hàng và đối tác đánh giá cao ở các khía cạnh:**

Sử dụng nguồn nguyên liệu từ chai nhựa đã qua sử dụng (Sợi tái chế);

Phát triển sợi màu để giảm thiểu lượng tiêu thụ nước sạch;

Lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái và có kế hoạch mở rộng công suất;

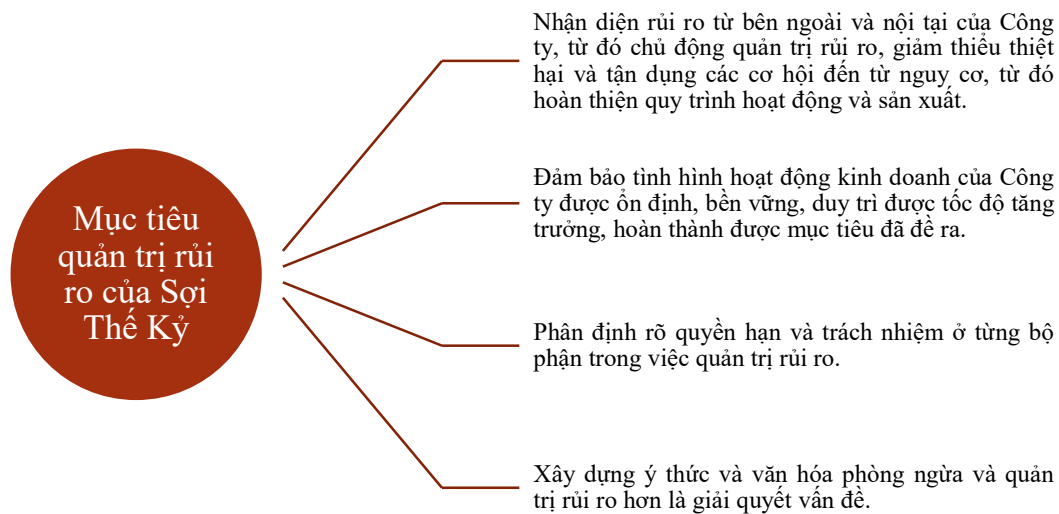
Tái chế lại sợi thứ cấp để giảm việc thải nhựa ra môi trường.

**Xem thêm Chiến lược phát triển bền vững, mục Báo cáo tác động môi trường, lao động, xã hội, trang 49, Báo cáo thường niên 2022.**

### 3 QUẢN TRỊ RỦI RO

*Trong bối cảnh doanh nghiệp luôn đối mặt với những thách thức và nguy cơ không dự báo trước được của nền kinh tế vĩ mô và điều kiện kinh doanh, việc quản trị rủi ro càng trở nên quan trọng đối với sự tồn tại của doanh nghiệp và là điều kiện tiên quyết để chứng minh khả năng cải thiện hay xoay chuyển trong nghịch cảnh của doanh nghiệp đó.*

#### 3.1 Mục tiêu của quản trị rủi ro



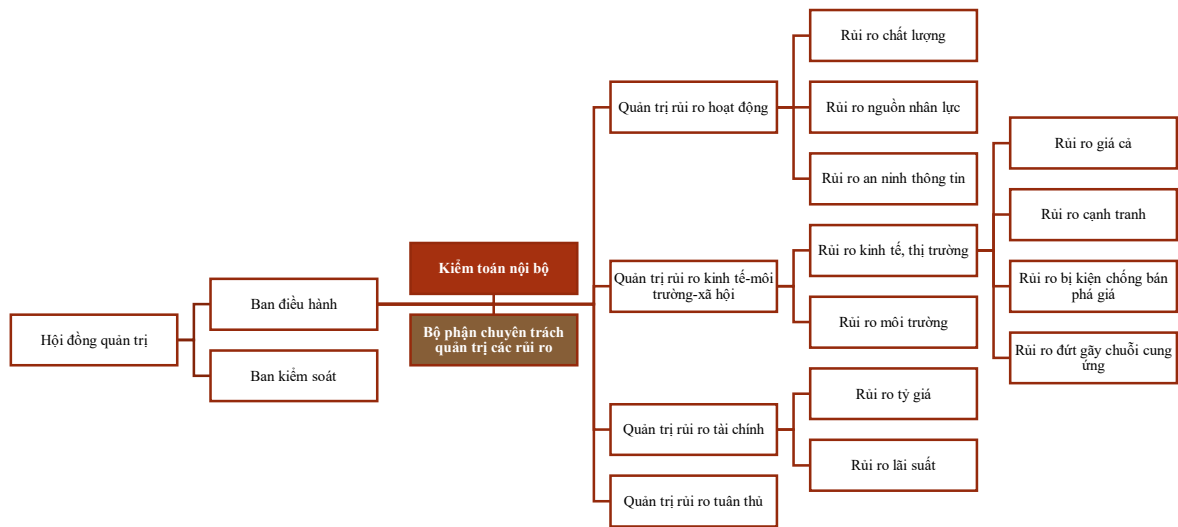
**Trong năm 2022, STK đã thiết lập và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn để kiểm toán nội bộ hoạt động của doanh nghiệp, từ đó làm cơ sở để đánh giá tổng quan về những rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn.**

Quản trị rủi ro hiệu quả có tầm quan trọng đối với việc thực hiện mục tiêu chiến lược và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh của mình.

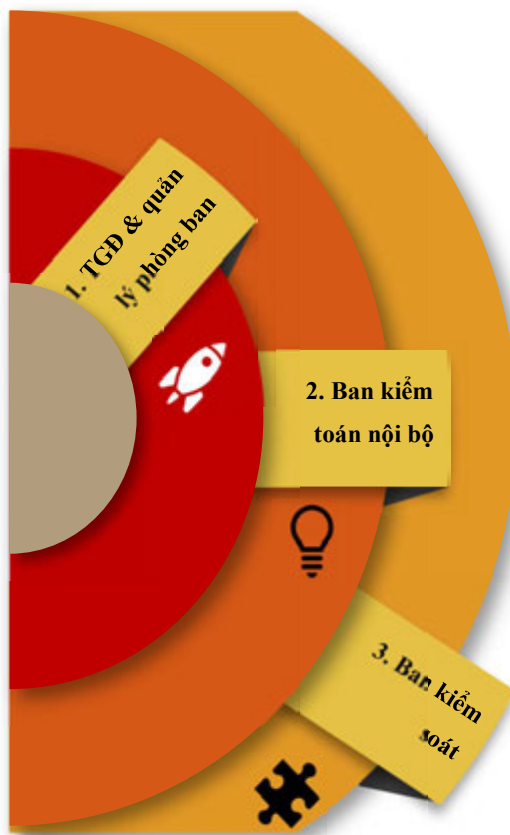
Rủi ro trong phát triển bền vững là khi rủi ro xuất hiện về môi trường, xã hội hoặc quản trị có thể gây tác động tiêu cực nghiêm trọng tiềm ẩn hoặc hiện hữu đối với giá trị của các khoản đầu tư. Chúng ta thường xuyên phải đối mặt với những điều kiện kinh doanh không thuận lợi nhưng với một chính sách quản trị rủi ro hiệu quả có thể giúp cho doanh nghiệp có khả năng để ứng phó, giảm thiểu rủi ro và phát hiện cơ hội từ những rủi ro đó.

Mặc dù trong năm 2022 có nhiều thách thức như nền kinh tế phục hồi chậm sau đại dịch Covid-19, lạm phát – tỷ giá và lãi suất tăng cao và sự thiếu hụt nguồn nhân lực ngành dệt may, Công ty vẫn thể hiện được sức mạnh nội tại bền bỉ và duy trì được lợi nhuận một cách tương đối.

### 3.2 Hệ thống quản trị rủi ro của STK



### Ba hàng phòng vệ trong quản trị rủi ro tại Sợi Thế Kỳ



#### 1. TGD & quản lý các phòng ban

Xây dựng ma trận rủi ro cho từng bộ phận và toàn Công ty.  
 Đánh giá và xếp hạng rủi ro sau khi đã được nhận diện theo mức độ ảnh hưởng đến Công ty.  
 Đưa ra những cải tiến nhằm hạn chế rủi ro trong từng hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

#### 2. Ban kiểm toán nội bộ

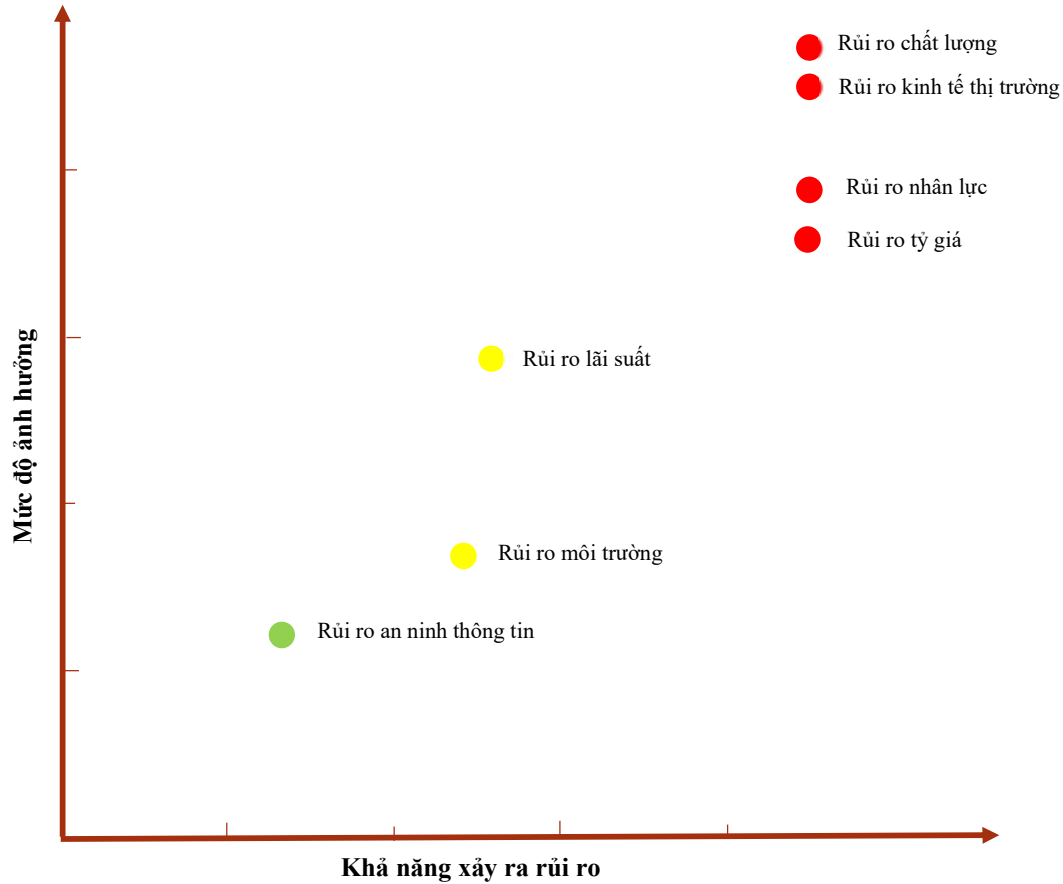
Xem xét những cơ chế quản trị rủi ro của các phòng ban, từ đó xây dựng nên các chỉ tiêu để làm cơ sở đánh giá.  
 Theo dõi, rà soát hoạt động có đúng như những chỉ tiêu đã đề ra hay không.  
 Kịp thời ngăn chặn và xử lý khi có sai phạm, hoặc các nguy cơ có thể xảy ra.

#### 3. Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát nội bộ có hiệu quả và kịp thời hay không.  
 Đưa ra những giải pháp cải tiến, hoàn thiện cơ chế quản trị rủi ro.

### 3.3 Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro

Thông qua hoạt động của các phòng ban, Ban điều hành và đơn vị kiểm toán nội bộ đã lập ra ma trận rủi ro và đánh giá, xếp hạng theo mức độ trọng yếu của rủi ro đối với Sợi Thế Kỳ.



### 3.4 Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu

#### Rủi ro giá cả

##### Mô tả rủi ro

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may có tác động lớn đến giá cả; Biến động giá cả nguyên vật liệu trên thị trường hàng hóa (giá dầu) có thể gây ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp.

##### Giải pháp hạn chế rủi ro

Theo dõi các yếu tố vĩ mô để dự đoán xu hướng nền kinh tế, ngành dệt may.  
 Tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới.  
 Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để giữ chân khách hàng thân thiết.  
 Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt được các thương hiệu thời trang thể thao ưa dùng.  
 Đa dạng hóa nhà cung cấp và danh mục khách hàng cũng như cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm nhằm duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa polyester chip.

#### Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro

Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023

#### Phòng kinh doanh và Phòng thu mua

Tăng

#### Rủi ro cạnh tranh

##### Mô tả rủi ro

##### Giải pháp hạn chế rủi ro



Xu hướng dịch chuyển sản xuất dệt may từ Trung Quốc và các quốc gia khác như Hàn Quốc và Đài Loan sang Việt Nam cùng với làn sóng đầu tư để đón cơ hội từ FTA sẽ dẫn đến sự cạnh tranh lớn hơn trong ngành sản xuất sợi.

Các đối thủ chuyển sang phân khúc cao cấp hoặc sản xuất sợi tái chế.

**Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro**

**Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023**

Tăng cường lợi thế cạnh tranh về giá và chất lượng;

Thiết lập các rào cản về công nghệ, quản lý chất lượng, quản lý sản xuất, nhãn hiệu để tạo sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm.

**Phòng kinh doanh và Quản lý nhà máy**

**Không đổi**

### **Rủi ro bị kiện chống bán phá giá**

#### **Mô tả rủi ro**

Trong bối cảnh tự do hóa Thương mại hiện nay, các biện pháp phòng vệ thương mại (như kiện bán phá giá, kiện chống trợ cấp) thường được chính phủ các nước nhập khẩu áp dụng để bảo vệ nền sản xuất nội địa của nước họ.

Các yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ Thương mại này của các nhà sản xuất nội địa đôi khi rất phi lý và để bác bỏ các yêu cầu phi lý đó đòi hỏi nhiều công sức và thời gian.

**Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro**

**Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023**

#### **Giải pháp hạn chế rủi ro**

Áp dụng chính sách giá cả hợp lý cho thị trường xuất khẩu và nội địa và có hệ thống báo cáo đầy đủ để có thể chứng minh là STK không bán phá giá.

Đa dạng hóa thị trường, không tập trung doanh thu quá nhiều vào 1 thị trường.

**Phòng xuất nhập khẩu, Phòng kinh doanh**

**Duy trì**

### **Rủi ro chất lượng sản phẩm**

#### **Mô tả rủi ro**

Chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu của Công ty, chất lượng không đạt sẽ ảnh hưởng lớn đến khách hàng, dẫn đến việc Công ty bị khiếu nại hoặc bồi thường thiệt hại, bị mất khách hàng, mất đơn hàng.

Chất lượng nguyên liệu đầu vào chính và các nguyên liệu phụ cũng có thể tác động đến chất lượng sản phẩm.

**Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro**

**Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023**

#### **Giải pháp hạn chế rủi ro**

Công ty thiết lập các quy trình, cơ chế kiểm soát chéo chất lượng ở từng khâu sản xuất.

Nâng cao tay nghề, kỹ năng tác nghiệp cho người lao động;

Đa dạng hóa nhà cung cấp nguyên vật liệu;

Đánh giá chất lượng nhà cung cấp định kỳ.

Nâng cấp nền tảng công nghệ, tự động hóa ở một số khâu sản xuất để giảm bớt thao tác thủ công;

**Khối sản xuất và Phòng thu mua**

**Tăng**

### **Rủi ro chất lượng nguồn nhân lực**

#### **Mô tả rủi ro**

Nguồn nhân lực không đủ hoặc không đủ năng lực cũng gây ảnh hưởng lớn đến hoạt

#### **Giải pháp hạn chế rủi ro**

Chú trọng tuyển dụng nguồn lao động, đào tạo, huấn luyện phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc.

động sản xuất-kinh doanh nhất là cấp quản lý cấp trung và cấp cơ sở.

Dịch bệnh có tính lây lan cao có thể hạn chế người lao động làm việc.

Môi trường làm việc không tích cực, phúc lợi xã hội không đầy đủ có thể làm tăng tỷ lệ nghỉ việc.

**Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro** Phòng nhân sự và Phòng tổng vụ

**Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023** Tăng

Đảm bảo các chính sách lương thưởng, phúc lợi, chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

Tập trung vào công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa.

### **Rủi ro đứt gãy và thiếu hụt nguồn cung ứng**

#### **Mô tả rủi ro**

Dịch bệnh, thảm họa thiên nhiên, thiếu hụt nguồn cung, chậm trễ trong khâu hậu cần, hay trục trặc về chất lượng của nhà cung cấp có thể dẫn đến việc thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty

#### **Giải pháp hạn chế rủi ro**

Công ty luôn duy trì ít nhất 3 nhà cung ứng cho mỗi một loại nguyên liệu, linh kiện.

Trong trường hợp có rủi ro bị đứt gãy nguồn cung do dịch bệnh, thảm họa thiên nhiên thì Công ty sẽ đặt hàng sớm hơn, nhiều hơn để đảm bảo đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất trong thời gian tới

Nhờ vào chính sách đa dạng nhà cung ứng nhất là đối với NVL nhập khẩu, Công ty luôn tìm kiếm các nhà cung ứng có vị trí địa lý khác nhau để giảm bớt rủi ro thiếu hụt nguồn NVL.

**Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro**

**Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023**

**Phòng thu mua**

**Giảm**

### **Rủi ro biến động tỷ giá**

#### **Mô tả rủi ro**

Tỷ giá biến động có thể gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Tỷ giá tăng lên sẽ làm tăng lỗ tỷ giá chưa thực hiện, làm giảm lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp; đồng thời làm chi phí lãi vay cũng tăng lên do Công ty sử dụng nợ vay chủ yếu bằng đồng Đô-la Mỹ.

#### **Giải pháp hạn chế rủi ro**

50% Doanh thu là Doanh thu xuất khẩu nên Công ty vẫn có dòng tiền thu vào bằng đồng Đô-la Mỹ.

Trong trường hợp lỗ tỷ giá chưa thực hiện tăng lên, vì đây là khoản dự phòng cho nên không ảnh hưởng kết quả kinh doanh của Công ty trên thực tế.

**Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro**

**Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023**

**Phòng kinh doanh và Phòng tài chính kế toán**

**Tăng**

### **Rủi ro về môi trường**

#### **Mô tả rủi ro**

NVL chính của STK là PET chip- là chế phẩm của dầu mỏ- và NVL phụ là ống giấy và thùng giấy là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể gây ô nhiễm môi trường và suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì thế, các qui định và chính sách trên thế giới về môi

#### **Giải pháp hạn chế rủi ro**

STK đã thực hiện nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới như sợi Recycled (sử dụng Recycled PET chip được tái chế từ các chai nhựa polyester để giảm thiểu khai thác dầu mỏ), sợi màu (giảm lượng nước sử dụng và không dùng đến các hóa chất độc hại) và phối hợp với đơn vị cung ứng để nâng cao chất lượng sản phẩm ống

trường đặc biệt là về vấn đề khai thác dầu mỏ và tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của các nguyên vật liệu này, qua đó gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STK.

Trong quá trình sản xuất và hoạt động của Công ty có thể gây ra tác động đến môi trường như các chất thải rắn và lỏng, khí thải, nước thải, tiếng ồn và bụi; việc sử dụng điện năng liên tục 24 tiếng/ngày cũng có thể gây tăng lượng khí thải nhà kính ra môi trường.

giấy POY để có thể tái sử dụng lại nhiều lần (qua đó hạn chế việc khai thác rừng).

Công ty đang vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái với công suất 10,5MWp, giúp tiết kiệm lượng tiêu thụ điện năng, giảm khí thải CO<sub>2</sub>.

Đối với nước thải: có hệ thống thu gom nước thải để xử lý trước khi đưa vào mạng lưới xử lý nước thải của Khu công nghiệp.

Đối với chất thải độc hại và không độc hại: phân loại và thu gom tập trung tại nơi quy định cho từng loại chất thải.

Đối với tiếng ồn và bụi: Công ty sử dụng các máy móc tân tiến, hiện đại, có bộ phận chứa bụi và giảm tiếng ồn, giảm tối đa tác động đến môi trường.

Biện pháp phòng chống cháy nổ, phòng ngừa sự cố môi trường: Thực hiện lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy; thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra; thành lập đội phòng cháy chữa cháy; định kỳ tập huấn và thực hành thao tác phòng cháy chữa cháy theo quy định. Khi có sự cố xảy ra, ngắt điện kịp thời trong và ngoài khu vực cơ sở; thông báo cho lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên ngành tại địa phương để được kịp thời hỗ trợ và ngăn chặn đám cháy lây lan.

Công ty còn đưa ra các cam kết, ban hành Sổ tay môi trường và các chính sách hướng dẫn quản lý và sử dụng hóa chất độc hại để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.

### **Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro**

**Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023**

#### **Rủi ro tuân thủ**

##### **Mô tả rủi ro**

Việc công ty không tuân thủ các quy định và thông lệ tốt nhất liên quan đến quản trị doanh nghiệp, thương mại, thuế, kế toán, tài chính, xuất nhập khẩu, môi trường, lao động có thể dẫn đến việc Công ty bị phạt, kiện tụng, danh tiếng bị hủy hoại, khách hàng, người lao động, đối tác, nhà cung cấp, cổ đông và ngân hàng quay lưng.

### **Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro**

**Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023**

### **Phòng tổng vụ, Phòng thu mua, Phòng Cơ điện và Khôil sản xuất**

**Không đổi**

##### **Giải pháp hạn chế rủi ro**

Các bộ phận phụ trách chuyên môn của Công ty phải thường xuyên cập nhật các quy định và thông lệ mới vào quy chế hoạt động có liên quan của Công ty.

Trưởng các bộ phận có trách nhiệm chủ động cập nhật và tìm hiểu, từ đó huấn luyện và đào tạo cấp dưới để nắm bắt các quy định mới cần thiết, làm cơ sở cho việc thay đổi quy trình chính sách kịp thời.

### **Phòng tổng vụ, Phòng kinh doanh, Tài chính-Kế toán, Xuất nhập khẩu**

**Không đổi**

### 3.5 Báo cáo kiểm toán nội bộ

Trong năm 2022, Công ty đã phối hợp đơn vị kiểm toán độc lập để hình thành chức năng kiểm toán nội bộ. Bước đầu, đơn vị kiểm toán đã đánh giá mức độ rủi ro toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, xác định bộ phận có độ rủi ro cao nhất để tiến hành kiểm toán nội bộ.

Cụ thể:

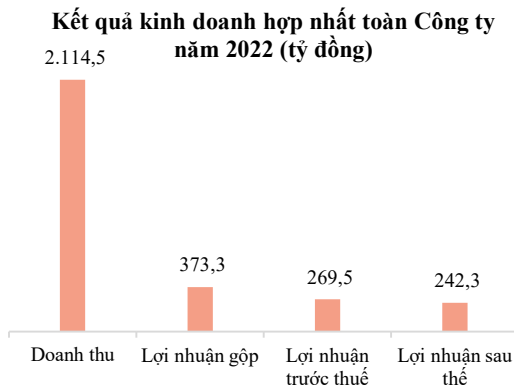


#### Các công việc đã thực hiện

1. Rà soát quy trình hiện hữu để phát hiện những điểm chưa phù hợp, từ đó đề xuất điều chỉnh để hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành
2. Hỗ trợ Ban điều hành thiết lập các chốt kiểm soát quan trọng để có thể phát hiện được rủi ro kịp thời.
3. Tái kiểm tra và đánh giá rủi ro sau khi đã tiếp nhận ý kiến của kiểm toán nội bộ, từ đó đề ra kế hoạch theo dõi rủi ro trong tương lai, hỗ trợ Ban điều hành hoàn thiện cơ chế kiểm soát chéo, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.
4. Lập kế hoạch và mở rộng phạm vi kiểm toán nội bộ cho các đơn vị khác trong năm 2023.

## 4 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### 4.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022



Doanh thu thuần hợp nhất năm 2022 của Công ty đạt 2.114,5 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ. Mặc dù năm 2022 ghi nhận nhu cầu giảm do nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm nhưng Công ty vẫn đẩy mạnh chiến lược bán hàng linh hoạt, phát triển đơn hàng và khách hàng mới và thu hút các đơn hàng sợi tái chế và có giá trị gia tăng cao. Vì vậy mặc dù doanh số sợi nguyên sinh giảm 6,8% so với năm 2021, doanh số bán sợi tái chế chỉ giảm 3,4%; Nhờ giá bán sản phẩm tăng 9,5% so với năm 2021 nên đã phần nào bù đắp được sự sụt giảm doanh số bán., theo đó doanh thu năm 2022 vẫn tăng nhẹ so với năm 2021.

Tuy nhiên do áp lực cạnh tranh nên giá sợi nguyên sinh tăng (6,2%) thấp hơn tốc độ tăng giá của nguyên vật liệu chính (hạt nhựa PET nguyên sinh tăng 23,4% so với năm 2021). Mặc dù lợi nhuận gộp của mảng sợi tái chế tăng 37% nhưng không đủ để bù đắp sự sụt giảm lợi nhuận của sợi nguyên sinh cũng như sụt giảm doanh số bán nói chung. Vì vậy tổng lợi nhuận gộp đạt 373,3 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,3% so với cùng kỳ.

Tỷ giá VND/USD năm 2022 đã tăng đột biến 9,7% trong giai đoạn tháng 9/2022 – tháng 10 hay tháng 11/2022, và tăng 3,4% so với năm 2021 làm chi phí tài chính của Công ty tăng hơn 5 lần so với cùng kỳ, kéo theo Lợi nhuận trước thuế đã giảm 5,7% và Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đã giảm 13% so với cùng kỳ 2021.

Trong năm 2022, Công ty vẫn kiên định với chiến lược phát triển thị trường và sản phẩm mới. Số lượng khách hàng mới đã phát triển trong năm 2022 là 54 đối tượng. Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa, tỷ trọng doanh thu ở thị trường nội địa chiếm 68% năm 2022 trong khi năm 2021 tỷ trọng này đạt 62%.

Tỷ trọng sợi tái chế năm 2022 đạt 52% trên doanh thu, giá bán trung bình sợi tái chế tăng 12% so với cùng kỳ. Đây là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và đội ngũ kinh doanh trong việc duy trì lợi nhuận bền vững của mảng sợi tái chế.

Năm 2022	Sợi nguyên sinh	Sợi tái chế
Tỷ trọng trên doanh thu (%)	48%	52%

#### 4.1.1 Tình hình thực hiện so với cùng kỳ

Kết quả kinh doanh Hợp nhất:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	+/- %
Doanh thu thuần	2.114,5	2.042,4	3,5%
Lợi nhuận gộp	373,3	374,5	-0,3%
Biên lợi nhuận gộp (%)	17,7%	18,3%	-0,7%
Lợi nhuận trước thuế	269,5	285,7	-5,7%
Lợi nhuận sau thuế	242,3	278,5	-13,0%

## Kết quả kinh doanh Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	+/- %
Doanh thu thuần	2.114,5	2.042,4	3,5%
Lợi nhuận gộp	373,3	374,5	-0,3%
Biên lợi nhuận gộp (%)	17,7%	18,3%	-0,7%
Lợi nhuận trước thuế	273,3	286,2	-4,5%
Lợi nhuận sau thuế	246,1	278,9	-11,8%

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2022 hợp nhất toàn Công ty đạt 2.114,5 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ. Trong đó giá bán bình quân tăng 9,5% và sản lượng tiêu thụ năm 2022 giảm 5,4% so với năm 2021.

Các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2022 đều giảm so với năm 2022 nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn hàng bán tăng 4,5% và tỷ giá VND/USD tăng dẫn đến chi phí tài chính tăng do trích lập dự phòng lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng từ nợ vay ngắn hạn và các khoản trả trước bằng ngoại tệ.

**4.1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022	Dự báo năm 2022	Thực hiện/Dự báo
Doanh thu thuần	2.114,5	2.605,7	81,1%
Lợi nhuận trước thuế	269,5	340,3	79,2%
Lợi nhuận sau thuế	242,3	300,3	80,7%

Doanh thu năm 2022 không đạt Dự báo ban đầu nguyên nhân là do sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 81% so với kế hoạch đặt ra năm 2022; chủ yếu là do các nhân hàng thời trang giảm lượng hàng tồn kho và nhu cầu tiêu dùng sụt giảm trên thế giới.

Chi phí tài chính vượt kế hoạch khá lớn, mặc dù chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp thấp hơn so với kế hoạch. Do đó, Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều không đạt Dự báo, lần lượt chỉ đạt 79,2% và 80,7%.

**4.1.3 Tình hình tài chính****Tổng quan về Tình hình tài chính Hợp nhất và của Công ty mẹ năm 2022 so sánh với cùng kỳ năm 2021**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2022	2021	%tăng/giảm	2022	2021	%tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	2.125,0	1.971,1	7,8%	2.124,5	1.969,9	7,8%
Doanh thu thuần	2.114,5	2.042,4	3,5%	2.114,5	2.042,4	3,5%
Lợi nhuận gộp	373,3	374,5	-0,3%	373,3	374,5	-0,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	270,7	285,2	-5,1%	274,5	285,6	-3,9%
Lợi nhuận khác	(1,24)	0,56		(1,24)	0,60	
Lợi nhuận trước thuế	269,5	285,7	-5,7%	273,3	286,2	-4,5%
Lợi nhuận sau thuế	242,3	278,5	-13,0%	246,1	278,9	-11,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	15%		15%	15%	

**Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất và của Công ty mẹ**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2021	+/-%	31/12/2022	31/12/2021	+/-%
<b>Nợ phải trả</b>	<b>583,9</b>	<b>712,1</b>	<b>-18,0%</b>	<b>579,4</b>	<b>710,8</b>	<b>-18,5%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>583,7</b>	<b>711,9</b>	<b>-18,0%</b>	<b>579,2</b>	<b>710,5</b>	<b>-18,5%</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	219,8	291,4	-24,6%	215,3	290,0	-25,8%

Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8,8	41,6	-78,9%	8,8	41,6	-78,9%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,6	11,8	-69,8%	3,6	11,8	-69,8%
Phải trả người lao động	24,6	26,6	-7,5%	24,6	26,6	-7,5%
Chi phí phải trả ngắn hạn	6,4	8,3	-22,0%	6,4	8,3	-22,0%
Phải trả ngắn hạn khác	6,7	6,2	6,8%	6,7	6,2	6,8%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	308,1	321,3	-4,1%	308,1	321,3	-4,1%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,7	4,6	24,4%	5,7	4,6	24,4%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0,3</b>	<b>0,3</b>	<b>-3,3%</b>	<b>0,3</b>	<b>0,3</b>	<b>-3,3%</b>
Phải trả dài hạn khác						
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Dự phòng phải trả dài hạn	0,3	0,3	-3,3%	0,3	0,3	-3,3%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.541,1</b>	<b>1.259,0</b>	<b>22,4%</b>	<b>1.545,0</b>	<b>1.259,2</b>	<b>22,7%</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	843,6	707,3	19,3%	843,6	707,3	19,3%
Thặng dư vốn cổ phần	40,8	35,1	16,3%	40,8	35,1	16,3%
Cổ phiếu quỹ	(42,4)	(42,4)		(42,4)	(42,4)	
Quỹ đầu tư phát triển	1,2	1,2		1,2	1,2	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	697,8	557,8	25,1%	701,8	558,0	25,8%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.125,0</b>	<b>1.971,1</b>	<b>7,8%</b>	<b>2.124,5</b>	<b>1.969,9</b>	<b>7,8%</b>

Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Trong năm 2022, không có khoản nợ nào quá hạn.

#### Cơ cấu tài sản hợp nhất và của Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2021	+/-%	31/12/2022	31/12/2021	+/-%
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.200,0</b>	<b>986,2</b>	<b>21,7%</b>	<b>1.085,3</b>	<b>983,4</b>	<b>10,4%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	235,3	366,2	-35,8%	92,0	366,1	-74,9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	180,0			130,0		
Các khoản phải thu ngắn hạn	226,0	87,0	159,7%	315,5	92,2	242,2%
Hàng tồn kho	466,1	471,5	-1,1%	466,1	471,5	-1,1%
Tài sản ngắn hạn khác	92,5	61,5	50,5%	81,7	53,6	52,5%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>925,1</b>	<b>984,9</b>	<b>-6,1%</b>	<b>1.039,2</b>	<b>986,5</b>	<b>5,3%</b>
Các khoản phải thu dài hạn		11,3			11,3	
Tài sản cố định	730,6	806,7	-9,4%	730,6	806,7	-9,4%
Tài sản dở dang dài hạn	40,9	24,2	69,3%	11,0	23,8	-54,0%
Đầu tư tài chính dài hạn	13,8	6,1	126,3%	235,9	86,1	174,0%
Tài sản dài hạn khác	139,8	136,6	2,3%	61,7	58,6	5,4%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.125,0</b>	<b>1.971,1</b>	<b>7,8%</b>	<b>2.124,5</b>	<b>1.969,9</b>	<b>7,8%</b>

#### Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty mẹ	
	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0,78	6,50	0,78	6,50
Thuế thu nhập cá nhân	0,49	0,11	0,49	0,11
Thuế giá trị gia tăng	2,31	5,20	2,31	5,20
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,57</b>	<b>11,81</b>	<b>3,57</b>	<b>11,81</b>

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, ... theo các quy định của Nhà nước.

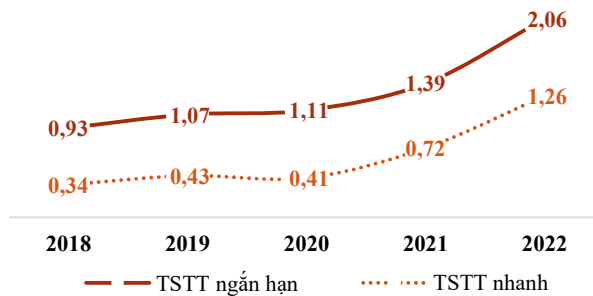
**Trích lập các quỹ**

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Các quỹ trích lập (tỷ đồng)	2022	2021
Quỹ đầu tư và phát triển	1,219	1,219

**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

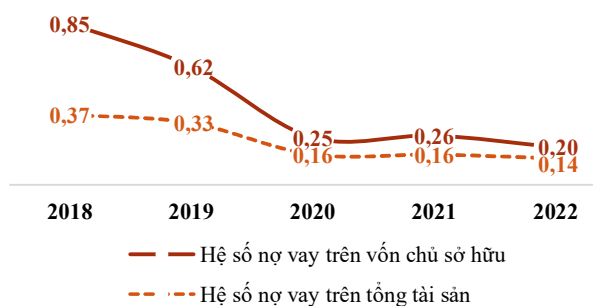
Chỉ tiêu	Đơn vị	Hợp nhất			Công ty mẹ		
		2022	2021	+/-	2022	2021	+/-
<b>Khả năng thanh toán</b>							
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,06	1,39	0,67	1,87	1,38	0,49
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,26	0,72	0,53	1,07	0,72	0,35
<b>Cơ cấu vốn</b>							
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,20	0,26	(0,06)	0,20	0,26	(0,06)
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,14	0,16	(0,02)	0,15	0,16	(0,02)
<b>Năng lực hoạt động</b>							
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	3,71	3,64	0,07	3,71	3,64	0,07
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,00	1,04	(0,04)	1,00	1,04	(0,04)
<b>Tỷ suất sinh lời</b>							
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	12,80%	13,96%	-1,16%	12,80%	13,96%	-1,16%
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	11,46%	13,63%	-2,18%	11,64%	13,66%	-2,18%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	11,40%	14,13%	-2,73%	11,58%	14,16%	-2,73%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,72%	22,12%	-6,40%	15,93%	22,15%	-6,40%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	3.341	4.084				

**Chỉ số khả năng thanh toán**

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 đạt 2,06 lần, thể hiện tài sản ngắn hạn đủ để tài trợ cho nợ ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh năm 2022 cũng tăng so với năm 2021, do tài sản ngắn hạn tăng 21,7% trong khi nợ ngắn hạn giảm 18% so với năm 2021.

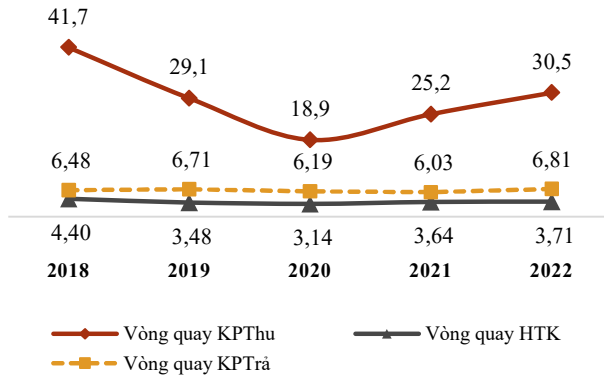
Công ty chú trọng việc quản lý nợ phải trả do đó Hệ số thanh toán năm 2022 đều tốt hơn năm 2021.

**Cơ cấu vốn**

Trong năm 2022 Công ty đã chủ động giảm nợ vay ngắn hạn nhất là trong bối cảnh lãi suất và tỷ giá tăng cao giúp hạn chế rủi ro và đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

**Chỉ số năng lực hoạt động**





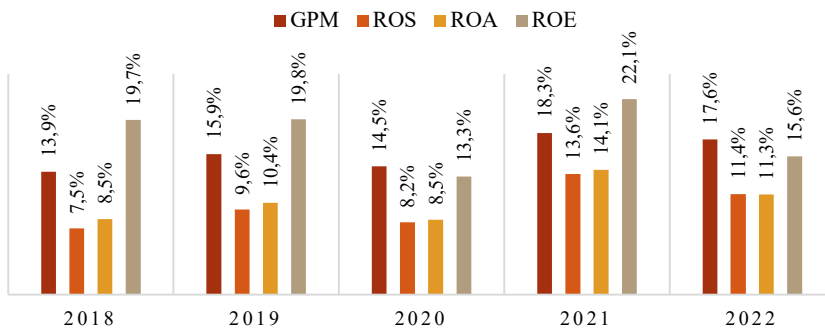
Các chỉ số năng lực hoạt động của Công ty năm 2022 đều tăng so với năm 2021.

Vòng quay khoản phải thu của Công ty đạt 30,5 lần.

Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,64 lần lên 3,71 lần.

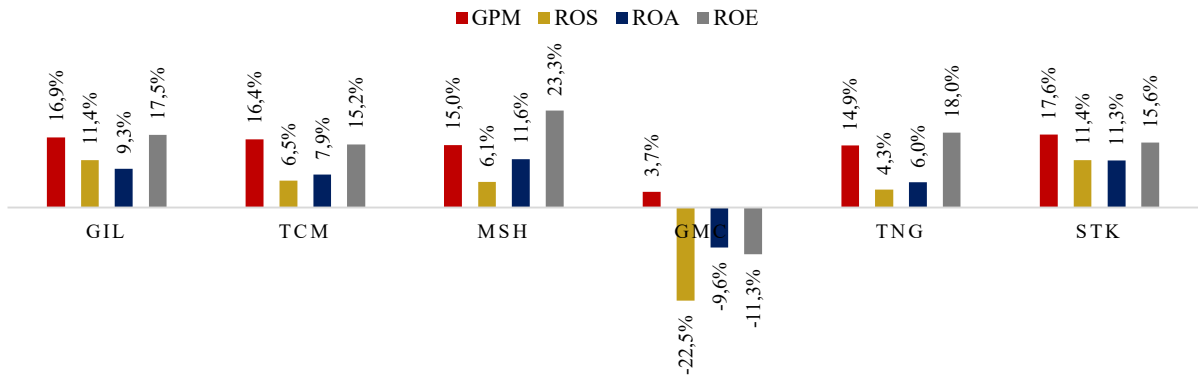
Vòng quay khoản phải trả giảm còn 6,81 lần.

**Tỷ suất sinh lời**



Do lợi nhuận sau thuế năm 2022 giảm so với cùng kỳ 2021, cho nên các chỉ số sinh lời đều giảm nhẹ so với năm 2021.

**So sánh tỷ suất sinh lời của STK với các doanh nghiệp niêm yết cùng ngành năm 2022**



Nguồn: vietstock.vn

## 4.2 Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### Danh sách Ban điều hành



**Ông Đặng Triệu Hòa**

*Tổng giám đốc*

**Năm sinh:** 1969

**Trình độ học vấn:** Quản trị kinh doanh

**Quá trình làm việc:**

**02/2020 – nay:** Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

**06/2000 – 02/2020:** Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.

**1995 - 2000:** Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.

**1991 - 1995:** Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.

**Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK:** 13,87%



**Bà Nguyễn Phương Chi**

*Giám đốc Chiến lược, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin*

**Năm sinh:** 1972

**Trình độ học vấn:** Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

**Quá trình làm việc:**

**1/2015-nay:** Giám đốc Chiến lược, STK

**3/2008-12/2014:** Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.

**4/2005-2/2008:** Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.

**10/2004-2/2005:** Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông (“MPDF”).

**10/2002-10/2004:** Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.

**3/1997-3/2000:** Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.

**Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK:** 0,014%



**Ông Phan Như Bích**

Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng

Năm sinh: 1970

Trình độ học vấn: MBA

Quá trình làm việc:

10/2016 - nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng  
STK

11/2010: Kế toán trưởng, STK.

03/2004 - 03/2010: Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ  
phần Dệt May – Đầu tư – Thương Mại Thành Công.

1997 - 03/2004: Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0,0085%

Thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm 2022: Không có

**4.2.1 Đánh giá chung của Ban điều hành**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022	So sánh với thực hiện năm 2021	% đạt Dự báo KQKD năm 2022
Doanh thu thuần	2.114,5	3,5%	81,1%
Lợi nhuận trước thuế	269,5	-5,7%	80,3%
Lợi nhuận sau thuế	242,3	-13,0%	81,9%

**Kết quả đã đạt được**

Mặc dù tình hình kinh doanh trở nên chậm lại vào nửa cuối năm 2022, Doanh thu cả năm 2022 vẫn tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Tình hình tài chính ổn định, tỷ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu khá thấp.

Công ty nỗ lực giải phóng hàng tồn kho, hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2022 bằng sản lượng sản xuất 1 tháng.

Công ty kiểm soát tốt chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, năm 2022 hai loại chi phí này giảm lần lượt 28% và 10% so với năm 2021.

**Điểm chưa đạt được**

Mặc dù Doanh thu tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng Lợi nhuận trước thuế vẫn giảm 5,7% và Lợi nhuận sau thuế giảm 13% so với năm 2021.

Các chỉ tiêu kinh doanh vẫn chưa đạt Dự báo KQKD năm 2022, chỉ đạt 80-81% so với kế hoạch dự kiến từ đầu năm.

**4.2.2 Cơ cấu tài sản – nguồn vốn hợp nhất**

Đơn vị: tỷ đồng	Tỷ trọng năm 2022	2022	2021	+/-
Tài sản ngắn hạn	56,5%	1.200,0	986,2	21,7%
Tài sản dài hạn	43,5%	925,1	984,9	-6,1%
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>100%</b>	<b>2.125,0</b>	<b>1.971,1</b>	<b>7,8%</b>
Nợ phải trả	27,5%	583,9	712,1	-18,0%
Nợ ngắn hạn	27,5%	583,7	711,9	-18,0%
Nợ dài hạn	0,0%	0,27	0,28	-3,3%
Vốn chủ sở hữu	72,5%	1.541,1	1.259,0	22,4%
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>100,0%</b>	<b>2.125,0</b>	<b>1.971,1</b>	<b>7,8%</b>

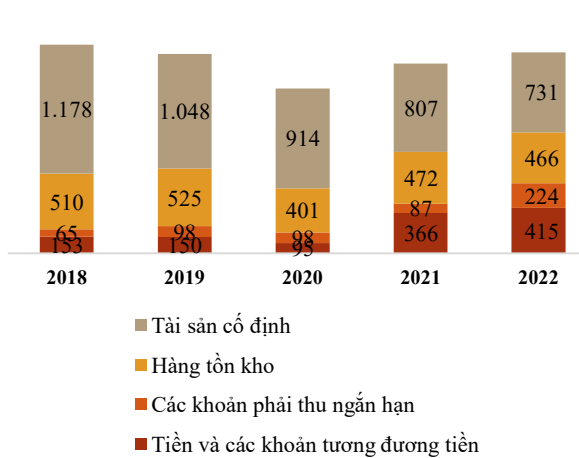
➤ **Tình hình tăng trưởng tài sản hợp nhất**

Tổng tài sản năm 2022 tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong năm 2022, Công ty không ghi nhận tăng thêm tài sản cố định.

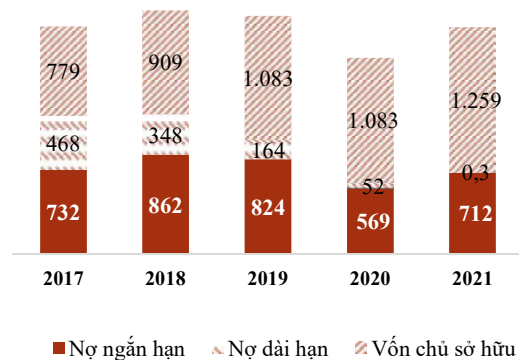
➤ **Tình hình tăng trưởng nguồn vốn hợp nhất**

Nợ ngắn hạn năm 2022 giảm 18% so với cùng kỳ. Trong năm Công ty không vay nợ dài hạn. Vốn chủ sở hữu tăng 22,4% do Công ty nhận thêm vốn góp cổ phần từ cổ đông.

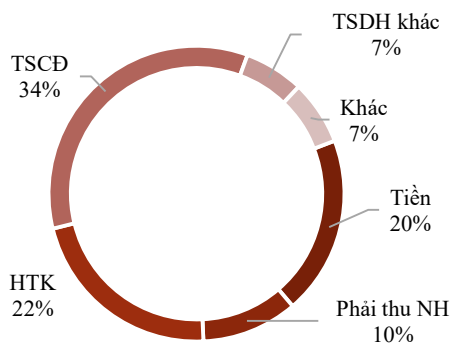
**Tình hình tăng trưởng tài sản (Tỷ đồng)**



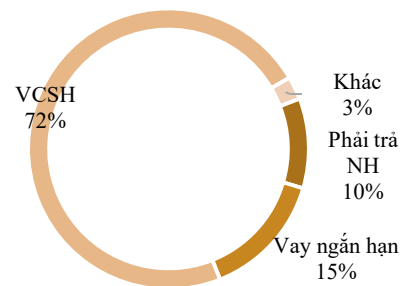
**Tình hình tăng trưởng nguồn vốn (Tỷ đồng)**



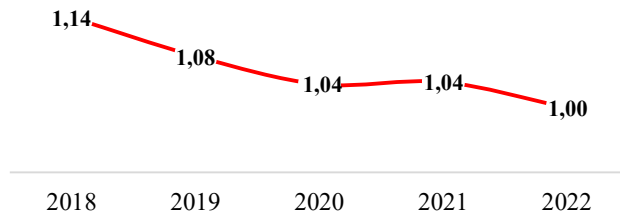
**Cơ cấu tài sản năm 2022**



**Cơ cấu nguồn vốn năm 2021**



### Hiệu suất sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)



Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2022 đạt 1 lần, chỉ số này lớn hơn 1 chứng tỏ Công ty sử dụng tài sản hiệu quả để tạo ra doanh thu.

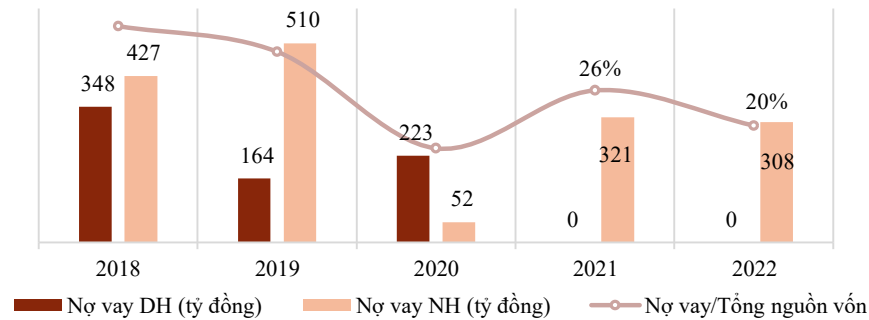
#### Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm: Không có.

#### 4.2.3 Đánh giá tình hình vay nợ

##### Tỷ trọng nợ vay (hợp nhất) trên tổng nguồn vốn

Đơn vị: tỷ đồng



Năm 2022, tổng nợ vay của Công ty chiếm 20% trong tổng nguồn vốn. Công ty không vay dài hạn và giảm nợ ngắn hạn để giảm chi phí tài chính, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

tỷ đồng	2022	2021	+/-
Nợ vay ngắn hạn	308,1	321,3	-4,1%
Nợ vay dài hạn	0	0	
Tổng nợ vay	308,1	321,3	-4,1%

Trong năm 2022, Công ty không ghi nhận khoản nợ phải trả quá hạn.

#### 4.2.4 Đánh giá ảnh hưởng từ biến động của lãi vay và tỷ giá hối đoái

So sánh chỉ tiêu doanh thu tài chính và chi phí tài chính năm 2021 với cùng kỳ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2022	2021	+/-
Doanh thu tài chính	29,3	18,0	62,6%
▪ Lãi tiền gửi	17,7	6,3	180,2%
▪ Lãi chênh lệch tỷ giá	11,6	11,7	-0,9%
Chi phí tài chính	48,36	8,69	456,4%
▪ Chi phí lãi vay	9,13	5,32	71,6%
▪ Lỗ chênh lệch tỷ giá	39,24	3,37	1063,5%

Tỷ giá VND/USD chốt ngày 31/12/2022 là 23.410 đồng, tăng 3,4% so với tỷ giá chốt ngày 31/12/2021 là 22.640 đồng.

#### 4.2.5 Đánh giá về tình hình tài chính

	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Khả năng thanh toán nhanh	Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	ROS	ROA	ROE
2018	0,93	0,34	0,37	8%	8,50%	19,70%
2019	1,07	0,43	0,62	9,62%	10,35%	19,80%
2020	1,11	0,41	0,25	8,18%	8,47%	13,33%
2021	1,38	0,72	0,26	13,63%	14,12%	22,12%
2022	2,05	1,25	0,20	11,37%	11,32%	15,62%

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính khả năng thanh toán và chỉ số nợ vay trên vốn của Công ty năm 2022 đều tốt hơn so với năm 2021; tuy nhiên các chỉ tiêu sinh lợi đều thấp hơn năm 2021.

#### 4.2.6 Định hướng phát triển trong tương lai

##### Ngắn hạn:

Hoàn thành xây dựng Dự án mở rộng công suất tại Công ty Con để tăng quy mô và thị phần trên thị trường và Doanh thu cho Công ty;

Tập trung đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ sản xuất.

Sử dụng hiệu quả chức năng Kiểm toán nội bộ để phát hiện và có phương án cải thiện những rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ cũng như đề phòng các rủi ro bên ngoài.

##### Trung và dài hạn:

Phát triển các dự án để mở rộng chuỗi cung ứng cũng như phát triển các sản phẩm có giá trị tăng cao.

Ổn định nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ kế thừa trong sản xuất.

#### 4.2.7 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

##### **Áp dụng kiểm toán nội bộ để kiện toàn hệ thống quản trị rủi ro của Công ty**

Với góc nhìn khách quan của đơn vị Kiểm toán nội bộ bên ngoài, Ban điều hành đã rà soát lại các quy trình và chuẩn mực và đưa ra phương án cải thiện sao cho phù hợp với tình hình thực tế.

Thiết lập KPIs chất lượng cho từng loại sản phẩm, từ đó tìm ra nguyên nhân dẫn tới KPIs không đạt. Ngoài ra, đối với mỗi đơn hàng, bộ phận sản xuất cũng đánh giá và điều chỉnh điều kiện sản xuất cho phù hợp nhằm đạt hiệu quả cao hơn. Bộ phận sản xuất kết hợp với đơn vị Kế toán để kiểm soát định mức tiêu hao của từng loại sản phẩm. Đây cũng là cơ sở kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm, gia tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Hoàn thiện Quy trình kiểm kê, kiểm kê tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm... từng ngày, quản lý việc nhập xuất hàng, tránh thất thoát và chênh lệch giữa số liệu sổ sách và tồn kho thực tế.

#### 4.3 Dự báo kết quả kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Dự báo 2023	Thực hiện 2022	Dự báo 2023 so với Thực hiện 2022
1	Doanh thu thuần	2.149	2.114,5	101,6%
2	Lợi nhuận sau thuế	253	242,3	104,5%

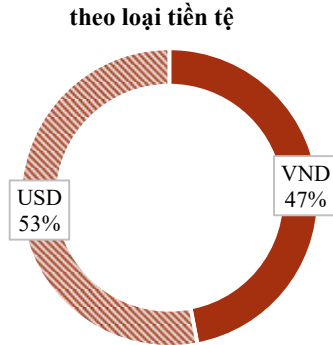
*Ước tính kết quả kinh doanh năm 2023 có thể được điều chỉnh theo sự phê duyệt và thông qua của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.*

##### **Một số giả định cho dự báo kết quả kinh doanh năm 2023**

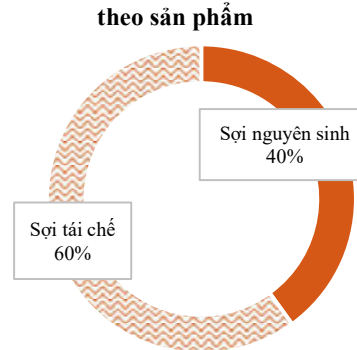
- Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu dự kiến đạt được khoảng 60% trong năm 2022;
- Đơn giá bán bình quân tăng 3% so với thực hiện năm 2022;

- Giá hạt nhựa bình quân dự kiến sẽ tăng 1% so với thực hiện năm 2022;
- Chi phí bán hàng dự kiến tăng 25% do tỷ trọng doanh thu xuất khẩu tăng;
- Tỷ giá hối đoái tại ngày chốt 31/12/2023 dự kiến tăng 2% so với tỷ giá tại ngày chốt 31/12/2022;
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân dự kiến khoảng 11,9%.

**Doanh thu thuần dự kiến năm 2023**



**Doanh thu thuần dự kiến năm 2023**



**Định hướng ngắn hạn và kế hoạch phát triển năm 2023**

*Quản trị rủi ro doanh nghiệp theo định hướng phát triển bền vững*

Doanh thu thuần (tỷ đồng)

**2.149**

Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)

**253**

**Kế hoạch hành động năm 2023**

**Hoạt động kinh doanh**

- Phát triển và duy trì mạng lưới khách hàng để ổn định và đảm bảo tăng trưởng doanh thu theo đúng kế hoạch.
- Tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng nhà máy UNITEX để tạo tiền đề tăng trưởng quy mô kinh doanh trong tương lai
- Phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường có giá trị tăng cao; tạo lợi thế cạnh tranh trước đối thủ.

**Hoạt động sản xuất**

- Tăng cường hoạt động kiểm toán nội bộ để quản trị rủi ro về chất lượng trong sản xuất, từ đó quản trị tốt giá thành và định mức tiêu hao nguyên vật liệu.
- Áp dụng công nghệ tự động hóa đối với khâu đóng gói và công nghệ AI trong khâu sản xuất sợi, góp phần giảm thao tác thủ công có thể ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

**Hoạt động hỗ trợ**

- Đa dạng nhà cung ứng để hạn chế rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng nhất là đối với nguyên vật liệu chính.
- Quản trị rủi ro tỷ giá và lãi suất để kịp thời đưa ra chiến lược ứng phó kịp thời, không gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính Công ty.
- Tăng cường và phát triển hệ thống Kiểm toán nội bộ, mở rộng phạm vi kiểm soát thêm các quy trình hoạt động khác.
- Tăng cường công tác quản lý và đào tạo huấn luyện người lao động, hạn chế việc thiếu hụt người lao động khi Công ty mở rộng.

**4.4 Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán**

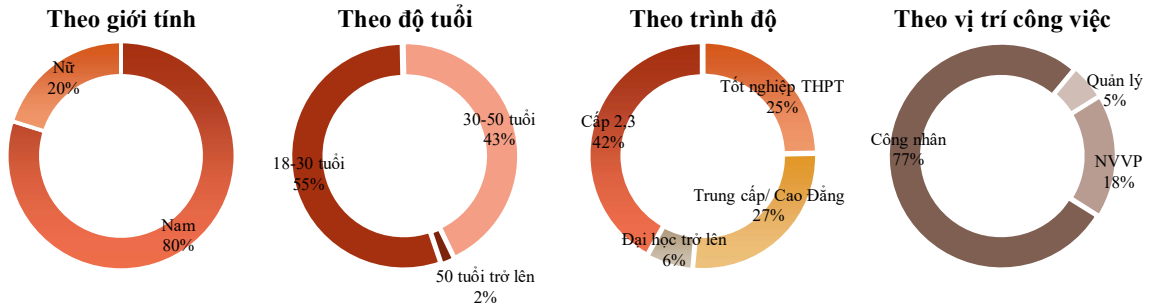
Công ty Kiểm toán E&Y không có ý kiến không chấp thuận đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2022.

## 4.5 Phát triển nguồn nhân lực

Nhận thức được tầm quan trọng to lớn của việc phát triển nguồn nhân lực cũng là một phần trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, Ban điều hành luôn chú trọng việc tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ kế thừa giàu kinh nghiệm, có tinh thần cống hiến cho sự thành công của Công ty.

### Cơ cấu nhân sự

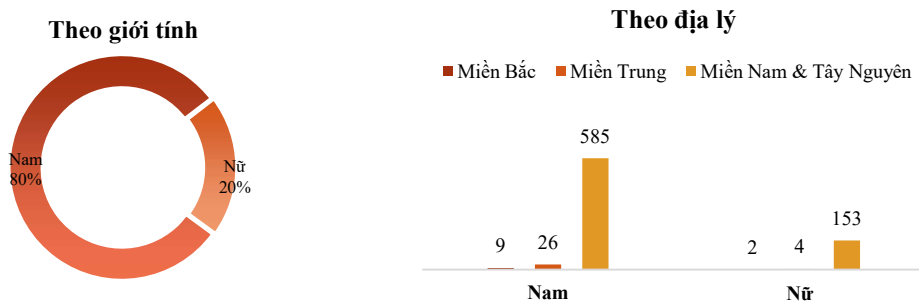
Tổng số người lao động năm 2022: 882 người



### Tình hình tuyển dụng năm 2022

Chính sách tuyển dụng của STK không phân biệt giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, mà chú trọng vào xây dựng tinh thần học hỏi, trách nhiệm, cầu tiến. Mỗi cá nhân dù ở bất kỳ vị trí nào cũng được tạo điều kiện để phát triển năng lực và thăng tiến, mỗi cá nhân đều được xem là một mảnh ghép không thể thiếu, có ý nghĩa đối với việc thực hiện mục tiêu chung của Công ty.

Một trong những mục tiêu của phát triển bền vững là duy trì được nguồn nhân lực ổn định và có thể bổ sung thêm người lao động khi Công ty có nhu cầu. Trong năm 2022, Công ty đã tuyển dụng thêm 779 lao động mới, trong đó ứng viên Nam chiếm 80%, Nữ chiếm 20%, tập trung chủ yếu ở miền Nam và Tây Nguyên.



#### 4.5.1 Phúc lợi cho người lao động

##### Chính sách lương cơ bản

Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước.

Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty.

Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

##### Chính sách thưởng – phạt

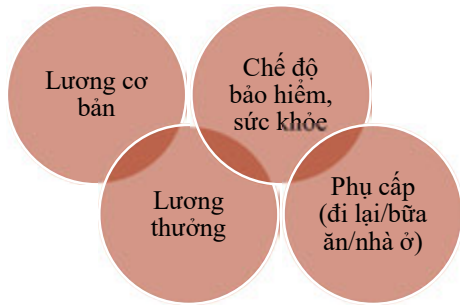


Công ty luôn ban hành Quy chế thưởng, phạt vào mỗi năm trên tinh thần công khai, minh bạch, thưởng-phạt rõ ràng, thông báo trước cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động gia tăng hiệu quả làm việc và thực hiện đúng quy định của Công ty.

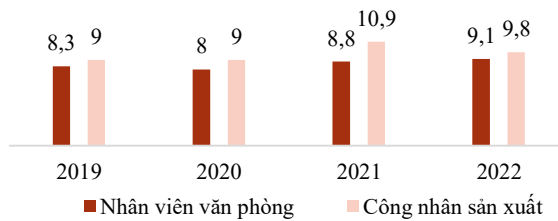
Hàng tháng, người lao động đạt chuẩn về kết quả công việc sẽ được thưởng thêm 1 phần thu nhập như thưởng do hoàn thành nhiệm vụ; thưởng do chấp hành nội quy Công ty; các mức thưởng cụ thể theo từng đặc thù của từng phòng ban; các khoản phụ cấp khác.

Định kỳ hàng năm, ngoài lương tháng 13 và thưởng Tết, Ban điều hành Công ty còn chia sẻ thành quả hoạt động với người lao động, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh trong năm và chiến lược năm sau, người lao động sẽ được nhận thêm 1 khoản thu nhập tương đương từ 1-2 tháng thu nhập trung bình.

### **Hệ thống phúc lợi tại Sợi Thế Kỳ**



**Thu nhập bình quân của người lao động (triệu đồng/người/tháng)**



*Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ, bộ phận Nhân sự*

Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của khối sản xuất tại doanh nghiệp trong 2022 có sự thay đổi giảm 10% so với 2021, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 nên tổng sản lượng và hiệu quả sản xuất 2022 thấp hơn 2021, dẫn đến thu nhập của khối sản xuất trực tiếp bị thấp hơn.

Mặc dù năm 2022 là một năm có nhiều yếu tố vĩ mô không thuận lợi, Công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả lương thưởng đúng hạn cho người lao động, nhằm giúp người lao động yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống.

### **Chính sách phúc lợi đối với trường hợp nghỉ thai sản**

Ngoài những chế độ phúc lợi chung cho người lao động, lao động nữ làm việc tại STK còn được hưởng các chế độ đặc biệt về thai sản và sau thai sản.

Người lao động nữ được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đầy đủ trong suốt thời gian nghỉ thai sản và bảo hiểm y tế liên quan đến khám thai sản và chi phí sinh nở.

Sau thai sản, lao động nữ còn được ưu tiên chỉ làm 7 giờ/ngày và được nhận phụ cấp bằng hiện vật khi con dưới 12 tháng tuổi.

### **Nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động**

Công ty xây dựng hệ thống quản lý chất lượng làm việc của từng cá nhân trong từng đơn vị. Mỗi phòng ban đều có bảng thực hiện mục tiêu (KPIs) theo từng năm, quý và tháng. Các phòng ban đều có trách nhiệm nâng cấp KPIs sau mỗi quý và đánh giá lại tính phù hợp đối với KPIs của phòng ban đó.

Đối với khối sản xuất từ tác nghiệp viên cho đến cấp quản lý đều có check-list công việc hàng ngày và ghi

nhận năng suất làm việc hàng ngày dựa trên hệ thống SAP và POC.

Bên cạnh đó, chính sách phúc lợi của Công ty cũng được xây dựng dựa vào hiệu quả làm việc của từng người lao động, ngoài thu nhập cơ bản, Công ty còn có chế độ lương thưởng đối với các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ mỗi tháng.

### **Những thay đổi chính sách lao động trong năm 2022**

Phân định KPIs cho từng vị trí công việc để có chế độ đánh giá và thưởng phạt hợp lý

Điều chỉnh chính sách phúc lợi để thu hút và giữ chân người lao động

Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ và kỹ năng cho người lao động

### **Chính sách thăng tiến**

Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách thăng tiến hợp lý, bổ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.

Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cung cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.

**Trong năm 2022 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là 29 lao động trong đó có 24 lao động nam và 5 lao động nữ.**

### **Đảm bảo an toàn & sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động**

Không những quan tâm đến chính sách phúc lợi của người lao động, Sợi Thế Kỳ còn ưu tiên đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh, phòng chống cháy nổ và tai nạn lao động.

STK chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm môi trường để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Năm 2022, Công ty phối hợp với Công ty cổ phần sức khỏe môi trường miền Nam thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

100% người lao động được huấn luyện về an toàn lao động đặc biệt đối với những công việc đặc thù (bốc xếp, lái xe nâng, phụ trách kho bãi, vệ sinh máy móc), và an toàn phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc.

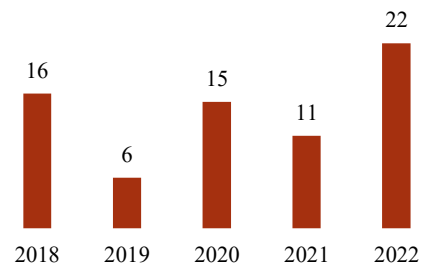
**Trong năm 2022, không xảy ra trường hợp tai nạn lao động.**

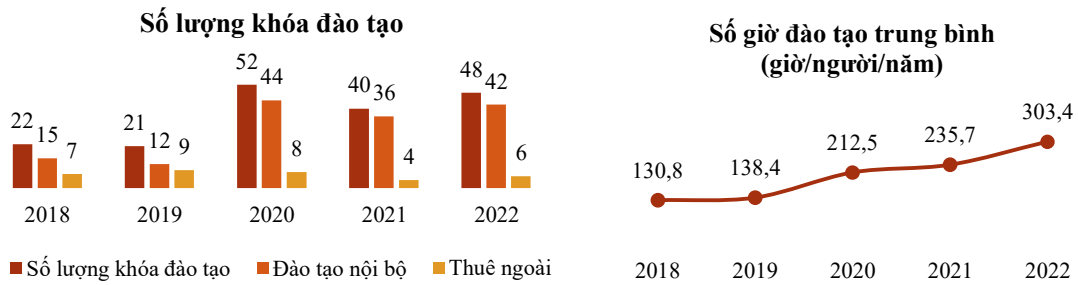
### **4.5.2 Công tác đào tạo**

Đi đôi với công tác tuyển dụng, Công ty luôn đánh giá cao việc đào tạo đối với người lao động: đào tạo trước khi làm việc, đào tạo trong khi làm việc và đào tạo để người lao động có cơ hội thử thách ở vị trí cao hơn.

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau:

**Số lượng nhân viên được thăng tiến**





	2018	2019	2020	2021	2022
Ngân sách dành cho đào tạo (triệu đồng)	184,9	205,8	133,9	183,4	186,8
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng)	51,4	43,4	17,5	24,2	53,7
Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	28%	21%	13%	13%	29%
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)	130,83	138,4	206,33	235,07	303,4

**Các chương trình nâng cao kỹ năng cho người lao động**

Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn lao động	Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn hóa chất	Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn phòng chống cháy nổ
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S, Tôn trọng sản phẩm	Chính sách xã hội	Huấn luyện PCCC
Huấn luyện Sơ cấp cứu	Đào tạo nghề và nâng cao, đa tay nghề	Đào tạo đối với nhân viên lái xe nâng
Đào tạo về quy định mới về Incoterms 2020	Đào tạo về kỹ năng tuyển dụng	Đào tạo về quy trình sản xuất

**4.5.3 Cộng đồng xã hội**

Khoản mục (tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động	117,7	107,7	107,5	113,2	120,0
Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp	1.855	1.484	953,5	1.321	1.452
+ Giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa	237,6	197,4	93,2	140,1	216,5
Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT, thuế XNK, Thuế TNDN, Thuế TNCN, Thuế tài nguyên và các loại thuế khác...)	125,4	167,8	68,5	116,6	152,7

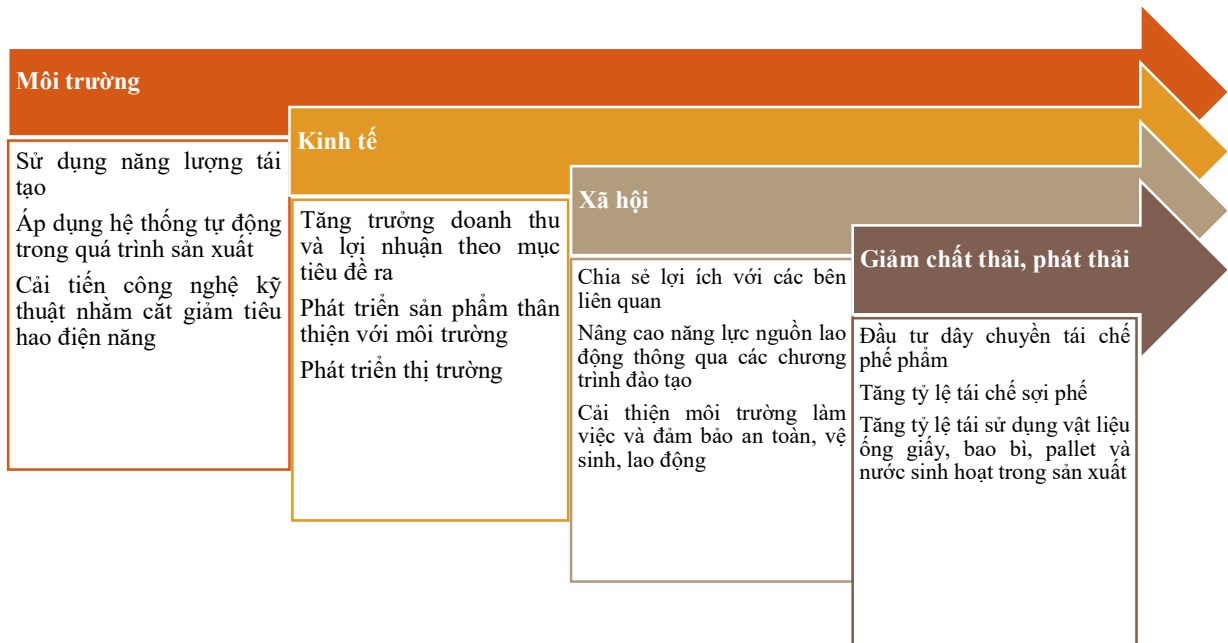
**Chống tham nhũng - hối lộ**

Ban điều hành Công ty luôn chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc. Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động. Trong trường hợp bất kỳ

nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

## 5 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

### 5.1 Chiến lược phát triển bền vững



Trọng tâm chiến lược phát triển bền vững của Sợi Thế Kỷ là lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường và có tính khả thi cao về mặt kinh tế. Sản phẩm sợi Recycle là một trong các sản phẩm chủ đạo giúp Công ty có thể phát triển xa hơn trên con đường PTBV của mình với giá trị kinh tế mang lại cao, tái chế chai nhựa góp phần bảo vệ môi trường (giúp giảm khoảng 30%-50% carbon footprint so với sản phẩm sợi nguyên sinh).

Công ty cũng đang phát triển thêm sản phẩm sợi màu (sản phẩm thay thế cho công đoạn nhuộm truyền thống, giúp khách hàng tiết giảm tiêu hao nước, nước thải và phát thải hóa chất ra môi trường) và thêm các tính năng đặc biệt cho sản phẩm sợi tái chế (như hút ẩm, co dãn cao, v.v) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho người tiêu dùng và thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sợi tái chế.

Bên cạnh danh mục sản phẩm thân thiện môi trường, Công ty cũng chú trọng chiến lược đầu tư máy móc sử dụng công nghệ hiện đại để giảm tiêu thụ năng lượng điện (e-saving technology), giảm phế phẩm cũng như khuyến khích việc cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, điện, nước, tăng tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu, tái chế phế liệu và sử dụng năng lượng tái tạo.

Về mặt lao động và xã hội, với phương châm cùng nhau phát triển, Công ty chủ trương chia sẻ lợi ích với người lao động thông qua việc không ngừng nâng cao chế độ đãi ngộ, nâng cao năng lực cho người lao động và tạo môi trường làm việc an toàn và thoải mái cho người lao động..

Công ty tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex, Liên minh dệt nhuộm).

Tập trung phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường.

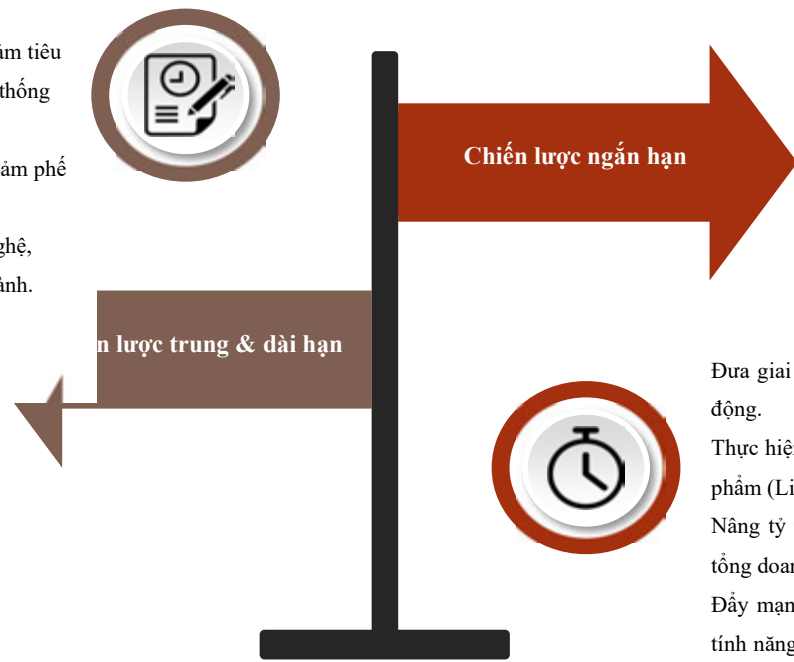
Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu.

Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 54% năm 2022 lên 70% vào năm 2025.

Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy và hệ thống điện mặt trời.

Áp dụng công nghệ tăng hiệu quả sản xuất và giảm phế phẩm.

Quản trị doanh nghiệp theo quy trình và công nghệ, tránh phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân vận hành.



Đưa giai đoạn 1 nhà máy Unitex (36.000 tấn/năm) vào hoạt động.

Thực hiện giám sát và đo lường tác động môi trường của sản phẩm (Life Cycle Assessment)

Nâng tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2023 đạt 60% trên tổng doanh thu của Công ty.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA.

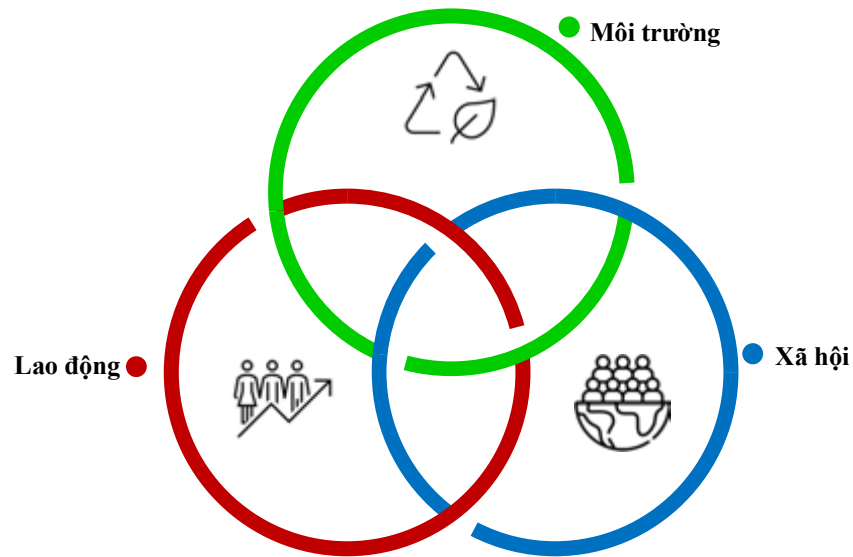
Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường.

Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng và thị trường.

Đa dạng nhà cung ứng cung cấp NVL.

## 5.2 Đánh giá của Ban điều hành về các vấn đề môi trường-lao động-xã hội

Bất chấp bối cảnh vĩ mô không thuận lợi trong năm 2022, Ban điều hành vẫn kiên định với chiến lược phát triển bền vững – cũng như quản trị rủi ro để đạt được mục tiêu Công ty đã đặt ra và mang lại lợi ích cho các bên liên quan.



### Môi trường

Tăng tỷ trọng sản phẩm thân thiện với môi trường:

*Tỷ trọng sợi tái chế tăng từ 50% (2021) lên 52% (2022) trên doanh thu – doanh thu sợi tái chế đã tăng thêm 83 tỷ đồng tương đương 8% so với cùng kỳ; gián tiếp tái chế 1,04 tỷ chai nhựa đã qua sử dụng.*

*Tỷ trọng sợi màu cũng đã tăng từ 0,2% doanh thu (2021) lên 0,9% (2022).*

Nhờ vào hệ thống điện áp mái, Công ty đã giảm 10% lượng điện tiêu thụ.

Tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa, giảm lượng tiêu thụ hạt nhựa từ dầu thô và khí, gián tiếp bảo vệ môi trường.

Tái sử dụng ống giấy POY, số lượng ống giấy tiết giảm được là 2,5 triệu ống.

Nhờ vào hệ thống ngưng tụ nước từ hệ thống làm lạnh, giúp giảm lượng tiêu thụ nước sạch trong năm 2022.

Không xảy ra trường hợp vi phạm về môi trường.

### Lao động

Thu nhập của người lao động năm 2022 tăng bình quân 5% so với 2021;

Tặng quà tết, xây dựng các quỹ nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn;

Duy trì chính sách thưởng đối với người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

Định kỳ áp dụng chính sách đánh giá bậc tay nghề để đề bạt và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động;

Công ty đã tiếp tục cải thiện cơ chế khiếu nại và phản hồi dựa trên cơ sở Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty;

Định kỳ thực hiện việc kiểm định và bảo dưỡng máy móc thiết bị;

Đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên khi đang làm việc tại Công ty.

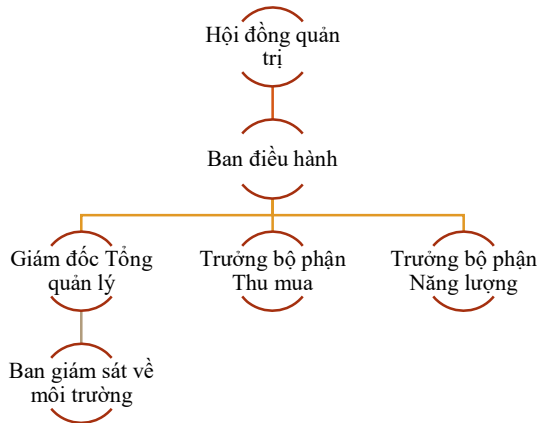
**Xã hội**

Tổng giá trị đóng góp ngân sách năm 2022 đạt 116,6 tỷ đồng.

Tuân thủ quy định của khu công nghiệp, pháp luật về thuế, các quy định về hoạt động xuất nhập khẩu, quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán...

Trực tiếp và gián tiếp tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động ở địa phương, thông qua hoạt động tuyển dụng của Công ty.

**5.3 Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường**



Dưới sự chỉ đạo và định hướng của HĐQT, Ban điều hành đề ra phê duyệt các chính sách và cơ chế kiểm soát việc tuân thủ bảo vệ môi trường. Quản lý cấp trung (giám đốc/trưởng bộ phận) các phòng ban liên quan có trách nhiệm đảm bảo không vi phạm về môi trường như chất thải, nước thải, phát thải; đảm bảo sản phẩm không chứa hóa chất độc hại; thực thi các sáng kiến bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

**5.4 Báo cáo tác động đến môi trường**

**Chính sách bảo vệ môi trường**

Vấn đề	Biện pháp quản lý chung	Biện pháp quản lý cụ thể	Kết quả đo lường	Hậu quả có thể tác động môi trường (*)
Nồng độ bụi	Thành lập chỉ tiêu – định mức cho từng đơn vị liên quan; có trách nhiệm báo cáo hàng tuần, tháng, quý, bán niên và năm cho Tổng giám đốc điều hành (người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc thực hiện các chính sách về môi trường).	Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ	Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic	Thấp
Tiếng ồn		Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ, trang bị nút chống ồn, đóng kín cửa ra vào nhà máy; khám sức khỏe cho người lao động	Không xảy ra bệnh nghề nghiệp do tiếng ồn gây ra; Tiếng ồn vẫn có do đặc thù ngành nghề	Trung bình
Phát thải khí nhà kính		Tiết giảm sử dụng dầu DO, có biện pháp tiết kiệm lượng điện tiêu thụ, sử dụng điện mặt trời	Đo lường lượng carbon footprint gián tiếp	Cao
Nước thải & Chất thải		Kiểm tra hàng ngày hệ thống xử lý nước thải	Không xảy ra vi phạm	Trung bình

		sinh hoạt; phân loại và thu gom chất thải theo quy định; áp dụng biện pháp tiết kiệm nước sạch		
--	--	--	--	--

#### 5.4.1 Vật liệu sử dụng

Phân loại vật liệu	Chủng loại Nguyên vật liệu	Nguồn gốc
Vật liệu không thể tái tạo	Hạt nhựa	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật...
	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
	Polyester Chip tái chế	Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan
Vật liệu có thể tái tạo	Ống giấy	Việt Nam, Đài Loan
	Pallet	Việt Nam
	Thùng Carton	Việt Nam

#### Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế từ quá trình sản xuất trực tiếp

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ sợi thứ cấp (kg)}}{\text{Tổng khối lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 5,66\%$$

2019	2020	2021	2022
1,6%	2,55%	6,85%	5,66%

Nhờ vào hệ thống tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa, Công ty đã tiết giảm lượng hạt nhựa mua vào tương đương 5,66% lượng sử dụng năm 2022, góp phần làm giảm khí thải CO2 và chất thải nhựa ra môi trường.

#### Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế (gián tiếp) được sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ chai nhựa qua sử dụng}}{\text{Tổng số lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 41\%$$

2019	2020	2021	2022
33%	35%	42,7%	41%

Thông qua việc sản xuất sợi tái chế, Công ty đã thay thế hạt nhựa nguyên sinh thành hạt nhựa tái chế từ chai nhựa đã qua sử dụng, góp phần giảm ô nhiễm đến môi trường đất và nước. Năm 2022, Công ty đã sử dụng 41% hạt nhựa tái chế trên tổng lượng tiêu thụ.

Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy sản xuất, với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3,15 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.

Trong năm 2021, số lượng ống giấy POY sử dụng là 796.180 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,15 lần; do đó tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2021 là:

$$\text{Tỷ lệ tái sử dụng} = \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}}$$



$$= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}}$$

$$= \frac{796.180 \times 3,15}{796.180 \times 3,15 + 9.969.775} = 20\%$$

2019	2020	2021	2022
23%	21%	22%	20%

Sáng kiến bảo vệ môi trường từ nguyên vật liệu	Kết quả đạt được
Gia tăng sản lượng hạt nhựa tái chế đã góp phần giảm lượng hạt nhựa nguyên sinh sử dụng, đồng thời giảm thiểu rác thải (chai nhựa qua sử dụng) cho Trái Đất.	Số chai nhựa đã qua sử dụng đã gián tiếp tái chế là 4,1 tỷ chai tính đến hết năm 2022.
Tái chế sợi phế thải thành hạt nhựa được tái sử dụng trong quá trình sản xuất.	Tỷ lệ tái sử dụng là 5,66%.
Thu hồi và tái sử dụng ống giấy POY	Số lần tái sử dụng ống giấy: 3,15 lần, nâng tỷ lệ tái sử dụng toàn Công ty cho tất cả các loại ống giấy (bao gồm POY, DTY và FDY) là 20%.

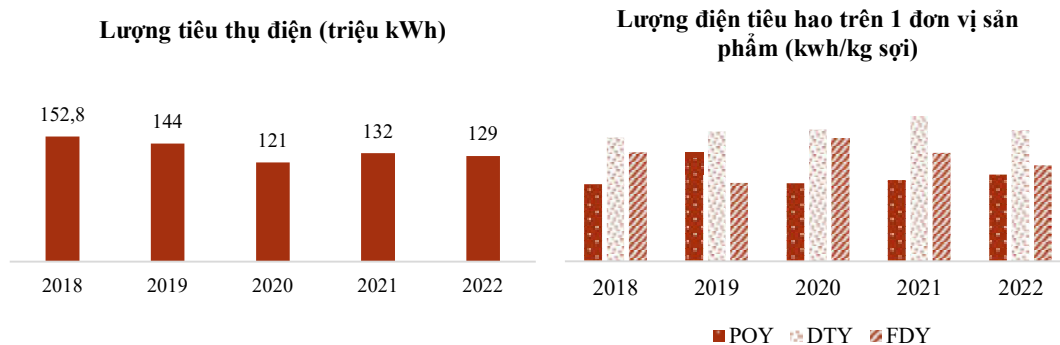
#### 5.4.2 Năng lượng tiêu thụ

Do đặc thù ngành nghề, máy móc vận hành hầu như liên tục 24/7 (ngoại trừ thời gian bảo trì) để đảm bảo hiệu quả sản xuất. Vì vậy Công ty luôn chú trọng việc tiết kiệm lượng điện tiêu thụ để giảm phát thải nhà kính ra môi trường.

Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:

- (1) Nguồn năng lượng không tái tạo: dầu DO. Khối lượng dầu do sử dụng trong năm 2022: 2,2 tấn.
- (2) Nguồn năng lượng tái tạo: điện.

**(1) + (2) Tổng năng lượng đã tiêu thụ (đơn vị Jun): 465,8 triệu MJ**



Tổng lượng điện năng tiêu thụ năm 2022 giảm 2,1% so với 2021, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Cù Chi từ Q3.2022 nên tổng lượng điện năng sử dụng 2022 thấp hơn 2021. Lượng điện năng tiêu thụ trên 1 kg sợi của DTY và FDY cũng giảm tương ứng lần lượt 9% và 11% so với cùng kỳ do trong năm Công ty sản xuất nhiều quy cách sản phẩm sợi thô hơn và có tốc độ nhanh hơn. Tuy nhiên, lượng điện năng tiêu thụ trên 1kg sợi POY tăng 7% so với 2021, chủ yếu trong năm 2022 Công ty tập trung nghiên cứu phát triển và sản xuất duy trì các đơn hàng có giá trị gia tăng cao như sợi Recycle cho các khách hàng nước ngoài.

#### Giải pháp tiết kiệm điện năm 2023

Trong năm 2023, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	Tại nhà máy Cù Chi:	

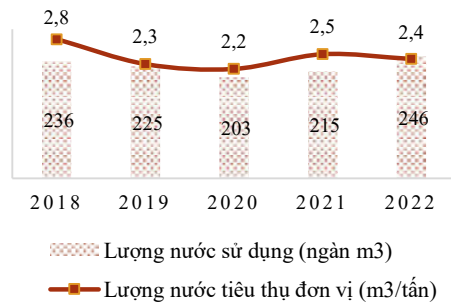
	Thực hiện gắn Inverter cho bơm giải nhiệt máy lạnh 1.	Thực hiện tiết kiệm được 83.311.200 VND/năm.
2	Tại nhà máy Trảng Bàng: Gắn inverter cho thiết bị dầu thải máy DTY TB2.	Thực hiện tiết kiệm được 116.016.000 VND/tháng

**5.4.3 Nước tiêu thụ**

Tại STK, nước từ hệ thống điều hòa trung tâm sẽ được thu hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng cho hệ thống chiller. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 2.815 m<sup>3</sup> nước.

Nguồn nước được sử dụng tại Công ty được cung cấp và đảm bảo chất lượng bởi Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp (KCN).

*Trong năm 2022, mức tiêu hao nước sử dụng tăng 14% so với năm 2021, chủ yếu do Công ty tăng sản xuất các đơn hàng có độ nhuyển và giá trị gia tăng cao như sợi Recycle, cùng với việc thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 nên tổng sản lượng 2022 thấp hơn 2021 (do ảnh hưởng thị trường kinh tế suy thoái) dẫn đến lượng nước tiêu hao trên 1 kg sợi của năm 2022 đạt xấp xỉ với năm 2021 (2,5m<sup>3</sup>/tấn sợi -2021 và 2,4m<sup>3</sup>/tấn sợi -2022). Bên cạnh đó, thông qua nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất như duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ tại các tháp giải nhiệt AC của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, giúp Công ty tiết kiệm chi phí hơn 52,2 triệu đồng/năm.*



**Các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước đã thực hiện năm 2022**

Giải pháp	Hiệu quả
Thu hồi và sử dụng nước siêu tinh khiết từ nhà máy TB2 và TB3.	Thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 2.190 m <sup>3</sup> nước tương đương ~15.120.000 VND/năm.
Thu hồi và sử dụng nước từ máy nén khí của nhà máy TB2.	Thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 730 m <sup>3</sup> nước tương đương ~5.040.000 VND/năm.
Sử dụng nước ngưng tụ AC 45 nhà máy TB2 và TB3.	Thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 1.861 m <sup>3</sup> nước tương đương ~12.856.000 VND/năm.

Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100 = \frac{6.571}{245.840} \times 100 = 2,7\%$$

2019	2020	2021	2022
1,2%	1,2%	2,3%	2,7%

**5.4.4 Phát thải**

Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi hay than đá trong hoạt động sản xuất.

Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.

Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.

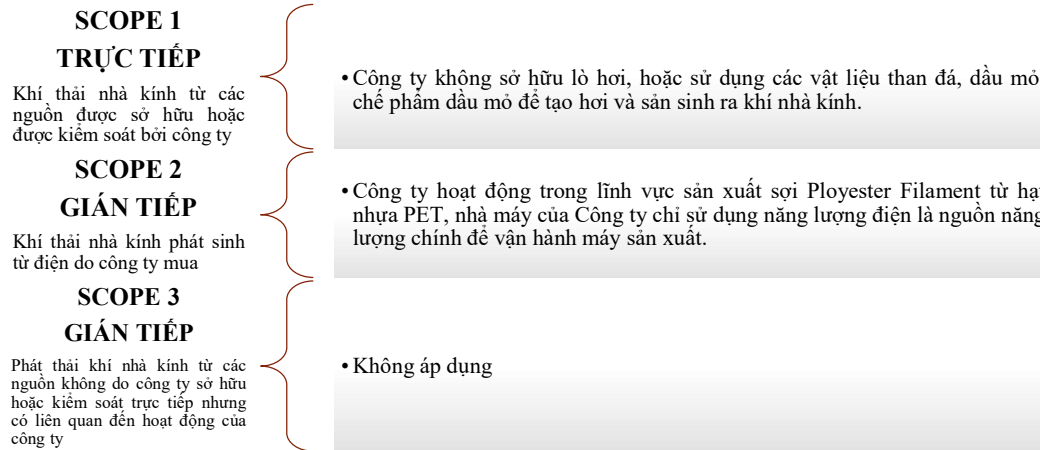
**Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:**

Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.

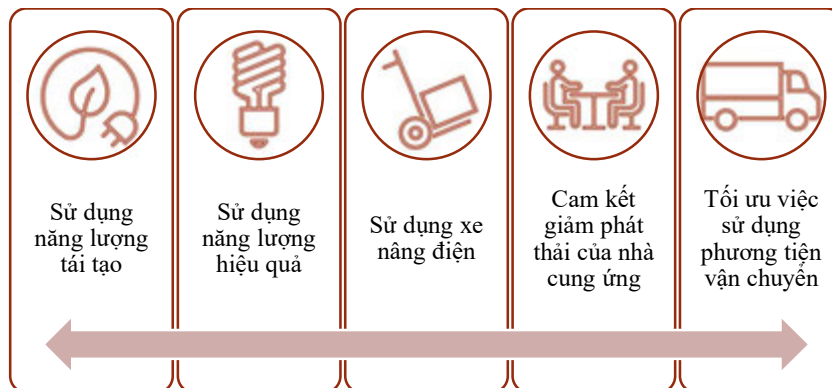
Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại xe điện.

Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.

**Giảm phát thải khí nhà kính trong toàn bộ chuỗi giá trị của Công ty**



**Cách thức thực hiện hướng tới mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính**



	Lượng tiêu thụ 2021	Hệ số phát thải CO <sub>2</sub> (Schneider Electric)	Phát thải 2020	Phát thải 2021	Phát thải 2022
Điện năng	129.365 MWh/năm	0,000432 <sup>2</sup> (tCO <sub>2</sub> e/MWh)	52,3 (tCO <sub>2</sub> e/năm)	57,1 (tCO <sub>2</sub> e/năm)	55,9 (tCO <sub>2</sub> e/năm)

**Lượng phát thải nhà kính trực tiếp: 0**

**Sáng kiến giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint**

**1. Thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo- năng lượng mặt trời:**

Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Cù Chi và Trảng Bàng với công suất 10,5 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Cù Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu

Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric. (<https://www.se.com/ww/en/work/solutions/system/s1/data-center-and-network-systems/trade-off-tools/data-center-carbon-footprint-comparison-calculator/>)

điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn CO<sub>2</sub> trong suốt vòng đời dự án.

<b>Tích lũy từ khi dự án vận hành tới cuối năm</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
Lượng CO <sub>2</sub> (tấn) giảm được-Indefol system	4.489	13.475
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	3.400	10.100
<b>Từ năm vận hành đến hết vòng đời dự án</b>		
Lượng CO <sub>2</sub> (tấn) giảm được-Indefol system	529.978	1.293.500
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	401.497	975.468

## 2. Thông qua mục tiêu nâng tỷ trọng Sợi tái chế trong tổng doanh thu đến 2025:

Công ty đã nâng tỷ lệ sử dụng và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường từ 52% vào năm 2022.

	2022	2025
Tỷ lệ sợi Recycle trong tổng doanh thu	52%	67%
Lượng CO <sub>2</sub> (tấn) giảm được do sử dụng vật liệu tái chế - PET chip Recycle từ chai nhựa.	18.374	47.712

### 5.4.5 Nước thải và Chất thải

#### Nước thải

Sợi Thế Kỷ xác định nguồn nước thải của Công ty xuất phát từ 2 nguồn: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng nhuộm, kiểm phẩm)

Đối với việc quản lý nguồn nước thải, Công ty đưa ra những phương pháp sau:

- Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- Thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chi tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.
- Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đo lượng nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Bảng thống kê lượng nước thải:**

	<b>Đvt</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
Lượng nước thải hàng năm	m <sup>3</sup>	26.932	26.617	34.269	28.633	33.092

#### Chất thải

Công ty nhận diện 2 nguồn chất thải là chất thải nguy hại và chất thải thông thường. Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn chất thải:

- **Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại:**
  1. Thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải;
  2. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
- **Đối với chất thải nguy hại:**
  1. Cảnh báo và dán nhãn chất thải nguy hại;
  2. Thiết lập nơi tập trung chất thải nguy hại riêng biệt;
  3. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
<b>TRĂNG BÀNG:</b>		
Dầu nhiên liệu	30.730	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Bao bì cứng thải bằng nhựa	9.720	Cty CP Môi Trường Thái Tuấn
Màng khò	11.499	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và Dịch vụ Đại Phúc
Bụi phế	1.251	
Bóng đèn thải	184	
Bao tay, giẻ lau dính TPNH	1.388	
Hộp mực in thải	120	
<b>Tổng số lượng</b>	<b>54.892</b>	
Tên chất thải	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
<b>CỦ CHI:</b>		
Bao bì cứng thải bằng nhựa	5.717	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và Dịch vụ Đại Phúc
Bóng đèn thải	20	
Bao tay, giẻ lau dính TPNH	260	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Hộp mực in thải	18	
<b>Tổng số lượng</b>	<b>6.015</b>	

- Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác ban hành của tiêu chuẩn GRS 4.0 – waste management.
- Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
  - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách: **Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên.**
  - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: **Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Huyện Củ Chi và Công ty TNHH MTV Thu Gom Rác Hiền Lương.**
- Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP, HCM và Tây Ninh.
- Công ty đăng ký sở chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

#### 5.4.6 Tuân thủ về môi trường

- Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: **0.**

#### MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

Phối hợp với đơn vị độc lập để đánh giá lượng khí CO<sub>2</sub> phát thải trong toàn bộ quá trình sản xuất sợi (LCA)

Xây ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra công ty: 0 lần;

Công ty sẽ phối hợp với đơn vị Control Union để tiến hành đánh giá chứng nhận GRS cho quy trình tái chế sợi phế thành hạt rPET chip, nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động tái chế tại Công ty đều đạt tiêu chuẩn quốc tế hiện hành.

#### 5.5 Thị trường vốn xanh

Dự án sợi tái chế	Dự án sợi màu	Dự án tái chế sợi phế	Dự án năng lượng mặt trời

<p>STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016. Trong năm 2021, tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu đạt 52%, vượt 2% so với 2021 (50%). Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 4,1 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu</p>	<p>Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&amp;M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.</p>	<p>Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường.</p>	<p>Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Cù Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn CO2 trong suốt vòng đời dự án.</p>
--	--	--	--

## 6 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### 6.1 Tình hình thực hiện Dự án của Công ty mẹ

#### Dự án liên minh từ sợi đến may mặc

Trong năm 2021, Sợi Thế Kỷ đã thực hiện góp vốn để lấy đất và phát triển hạ tầng cho dự án này.

Tuy nhiên do dịch Covid-19 và tiến độ của các đối tác, Sợi Thế Kỷ vẫn chưa hoàn thành xong dự án này trong năm 2022.

### 6.2 Tình hình thực hiện Dự án của Công ty con

#### Dự án “Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex”.

Thông tin về dự án:

- Công suất tối đa: 60.000 tấn/năm; gồm 2 giai đoạn
- Địa điểm xây dựng: Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích dự án: 100.183 m<sup>2</sup>
- Sản phẩm của dự án: Sợi DTY: sợi tái chế (Recycle), các loại sợi đặc biệt có giá trị gia tăng cao.

Tổng giá trị đã góp vốn tại Công ty con “Công ty TNHH Sợi Dệt Nhuộm Unitex” trong năm 2022: **142.100.190.000 đồng**.

Dự kiến đến năm 2024, Giai đoạn 1 của Dự án sẽ được đưa vào hoạt động chính thức.

## 7 CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

### 7.1 Thông tin cổ phiếu

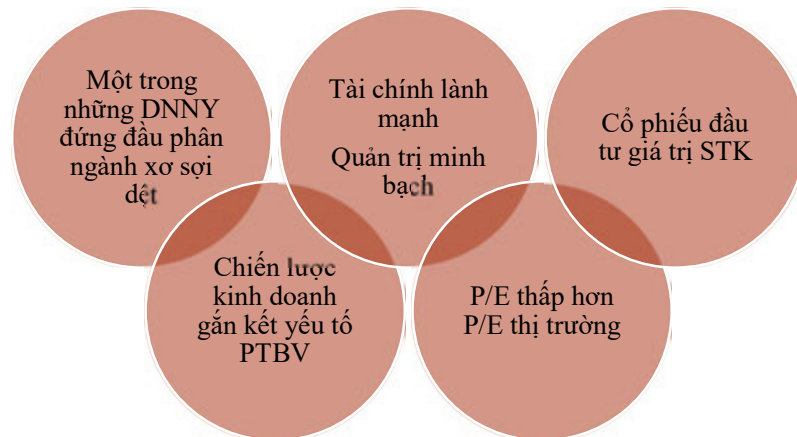
Tên cổ phiếu	<b>CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ</b>		
Mã cổ phiếu	<b>STK</b>		
Sàn giao dịch	<b>HOSE</b>		
Tổng số phiên giao dịch trong năm 2021	249	phiên	
Khối lượng khớp lệnh bình quân/ngày	23.975	cổ phiếu	

**Diễn biến giao dịch cổ phiếu STK trong năm 2022**



Nguồn: [tradingview.com](https://tradingview.com)

### 7.2 Lý do đầu tư cổ phiếu STK



### 7.3 Cổ phần và Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 31/12/2022, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký (VND)	843.638.250.000
Tổng số cổ phần niêm yết	84.363.825
Tổng số cổ phần lưu hành	81.822.175
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ	2.541.650
Giá trị vốn hóa trên thị trường	2.250 tỷ đồng (30/12/2022)
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	310.842
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	81.511.333
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	0

#### Thống kê danh sách cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/09/2022)

Theo loại cổ phần			
Loại cổ phiếu	Số quyền biểu quyết tương ứng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ phiếu phổ thông	01 cổ phiếu : 01 quyền biểu quyết	81.822.175	97%
Cổ phiếu ưu đãi	/	0	0%
Cổ phiếu quỹ		2.541.650	3%
<b>Tổng cộng</b>		<b>84.363.825</b>	<b>100%</b>

	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ/ Tổng số cổ đông	Số lượng CPSH	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
<b>Theo tỷ lệ sở hữu</b>				
Cổ đông lớn	4	0,33%	46.806.752	55,48%
Cổ đông nhỏ	1.214	99,67%	37.557.073	44,52%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.218</b>	<b>100%</b>	<b>84.363.825</b>	<b>100%</b>
<b>Theo đối tượng sở hữu</b>				
Cổ đông nhà nước	0	0%	0	0%
Cổ đông khác	1.218	100%	84.363.825	100%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.218</b>	<b>100%</b>	<b>84.363.825</b>	<b>100%</b>
<b>Theo địa lý</b>				
<b>Trong nước</b>	<b>1.104</b>	<b>90,64%</b>	<b>73.856.342</b>	<b>87,55%</b>
<i>Cá nhân</i>	<i>1.068</i>	<i>87,68%</i>	<i>53.653.302</i>	<i>63,60%</i>
<i>Tổ chức</i>	<i>36</i>	<i>2,96%</i>	<i>20.203.040</i>	<i>23,95%</i>
<b>Ngoài nước</b>	<b>114</b>	<b>9,36%</b>	<b>10.507.483</b>	<b>12,45%</b>
<i>Cá nhân</i>	<i>75</i>	<i>6,16%</i>	<i>1.003.803</i>	<i>1,19%</i>
<i>Tổ chức</i>	<i>39</i>	<i>3,20%</i>	<i>9.503.680</i>	<i>11,27%</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.218</b>	<b>100%</b>	<b>84.363.825</b>	<b>100%</b>

#### Danh sách cổ đông lớn (sở hữu trên 5% cổ phần công ty) và tình hình thay đổi sở hữu của cổ đông lớn trong năm 2022

Tên cổ đông	Loại hình sở hữu	Quốc tịch	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Thay đổi sở hữu trong kỳ
			Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	



Công ty Cổ phần Tư Vốn Đầu Tư Hướng Việt	Tổ chức	VN	14.137.593	19,99%	16.965.111	20,11%	Thực hiện quyền mua
Đặng Triệu Hòa	Cá nhân	VN	9.749.367	13,78%	11,699,240	13,87%	Thực hiện quyền mua
Đặng Mỹ Linh	Cá nhân	VN	6.481.235	9,16%	12.161.166	14,42%	Thực hiện quyền mua
Đặng Hương Cường	Cá nhân	VN	5.981.235	8,46%	5.981.235	7,09%	Thực hiện quyền mua
<b>Tổng cộng</b>			<b>36.349.430</b>	<b>51.39%</b>	<b>46.806.752</b>	<b>55,48%</b>	

#### 7.4 Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2022

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	5.008	0,01%	5.008	0,01%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư.
2	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	5.008	0,01%	8	0,00001%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư.
3	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	10.134.305	14,33%	12.161.166	14,42%	Thực hiện quyền mua
4	Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT	9.749.367	13,78%	11.699.240	13,87%	Thực hiện quyền mua
5	Nguyễn Phương Chi	GD Chiến lược/Người phụ trách QTCT	10.000	0,01%	12.000	0,01%	Thực hiện quyền mua
6	Phan Như Bích	Giám đốc tài chính kiêm KTT	59.447	0,08%	71.336	0,08%	Thực hiện quyền mua
7	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	1.147	0,002%	1.376	0,00%	Thực hiện quyền mua
8	Công ty Cổ phần Thực phẩm xanh	NCLQ của TVHĐQT C.T.Q.Anh	497.296	0,70%	596.755	0,71%	Thực hiện quyền mua
9	CTCP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	NCLQ của TVHĐQT V.Q.Long	14.137.593	19,99%	16.965.111	20,11%	Thực hiện quyền mua

#### 7.5 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ phát sinh trong năm 2022.

#### 7.6 Các chứng khoán khác

Không có

#### 7.7 Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Quá trình tăng vốn điều lệ của Sợi Thế Kỳ (tỷ đồng)



Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)
05/2005	Cổ phần hóa: VDL ban đầu	-	50
05/2007	Cổ đông sáng lập; Người lao động	15	65
09/2007	Cổ đông hiện hữu; Đối tác chiến lược	26,5	91,5
01/2008	Đối tác chiến lược	8,5	100
12/2008	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 12%)	12	112
11/2009	Cổ đông hiện hữu (phát hành thêm tỷ lệ: 25%)	28	140
01/2010	Đối tác chiến lược (phát hành riêng lẻ)	40	180
09/2010	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 10%)	17,3	197,3
06~07/2011	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); Người lao động (ESOP 2010)	32,6	229,9
05/2012	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 20%)	45	274,9
06/2013	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 15%)	40,5	315,4
06/2014	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%) (- cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	77,6	393,1
12/2014	Đấu giá ra công chúng	30,0	423,1
12/2015	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	42,3	465,4
06/2016	Cổ đông hiện hữu	69,8	535,2

	(- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 10%) (- cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 05%)		
09/2017	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 12%)	64,2	599,4
05/2019	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 7%) (- cổ phiếu chào bán ra công chúng: 10%) (- cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV: 0.1%)	107,9	707,3
<b>09/2022</b>	<b>Cổ đông hiện hữu</b> <b>(-cháo bán ra công chúng: 20%)</b>	<b>136,3</b>	<b>843,6</b>

## 7.8 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

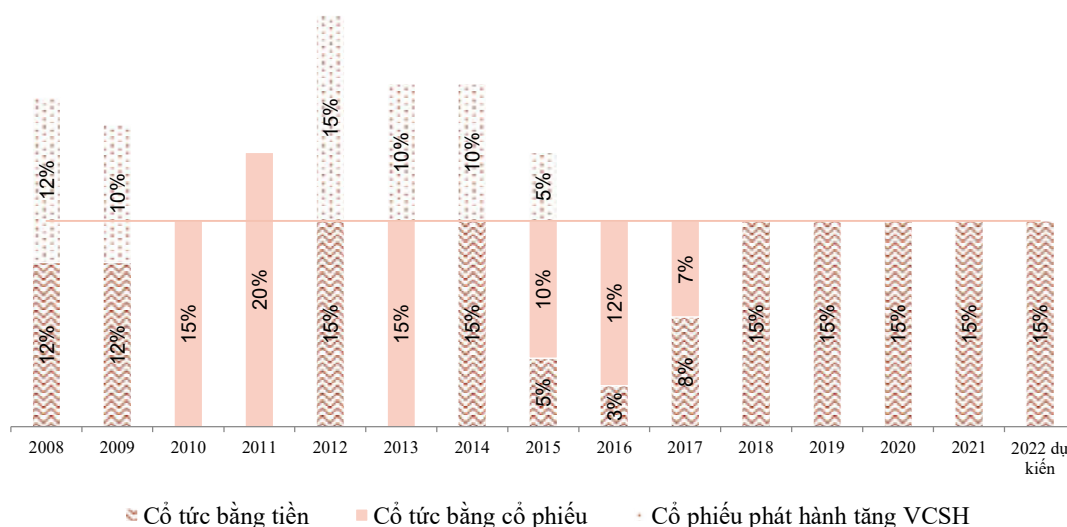
Trong năm 2022, Công ty đã chào bán thành công cổ phiếu ra công chúng

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến: 13.637.058 cổ phiếu  
Số lượng cổ phiếu chào bán thực tế: **13.636.881 cổ phiếu**
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị vốn huy động: **136.368.810.000 đồng.**
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu: 20% (5:1). Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 05 quyền được mua 01 cổ phiếu mới.
- Ngày kết thúc đợt chào bán: ngày 26/09/2022

Sau đợt chào bán này, vốn điều lệ Công ty đã tăng từ 707.269.440.000 đồng lên thành **843.638.250.000 đồng.**

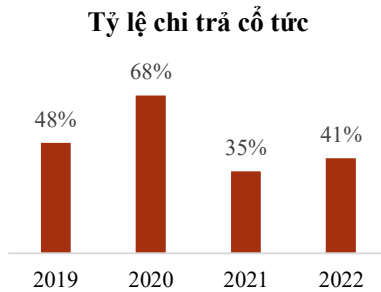
## 7.9 Chính sách chi trả cổ tức

### Chính sách cổ tức của STK



Chính sách cổ tức của Sợi Thế Kỳ luôn ổn định và duy trì mức chi trả cổ tức trên mệnh giá là 15% cho cổ đông. Tùy theo kết quả kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm, cổ tức chi trả có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu và tỷ lệ này có thể lớn hơn hoặc bằng 15% nhưng không nhỏ hơn 15%.

Trong năm 2022, Công ty đã trả cổ tức cho năm tài chính 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/mệnh giá.

**Tỷ lệ chi trả cổ tức (Dividend pay-out ratio)**

	2019	2020	2021	2022
Cổ tức (đồng/cổ phiếu)	1.500	1.500	1.500	1.500
Tổng giá trị cổ tức đã trả (tỷ đồng)	102.3	98.5	98.8	98.8
% Cổ tức/Lợi nhuận ròng	48%	68%	35%	41%

**7.10 Hoạt động quan hệ nhà đầu tư****Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Ngoài mục tiêu chính nhằm đệ trình ĐHCĐ những định hướng và kế hoạch hoạt động trong năm, đây là cơ hội để HĐQT và Ban điều hành lắng nghe và trao đổi trực tiếp với cổ đông, từ đó có phương án để đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

**Cuộc họp với nhà đầu tư**

Đội ngũ IR cũng thường xuyên tổ chức các chuyến tham quan Công ty cho nhà đầu tư; các cuộc họp trực tiếp và trực tuyến.

Công ty cũng định kỳ hàng quý kết nối với các Công ty chứng khoán để tổ chức họp công bố kết quả kinh doanh quý (Earnings call) để giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư một cách kịp thời và đầy đủ nhất.

**Các bài viết, báo cáo phân tích**

Hàng quý, Công ty đều phát hành “Bản tin IR” để cập nhật tình hình ngành dệt may và phân ngành sợi dài và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đến quý cổ đông và nhà đầu tư.

Ngoài ra, đội ngũ IR còn cung cấp thông tin để các chuyên viên phân tích, cơ quan báo chí theo yêu cầu.

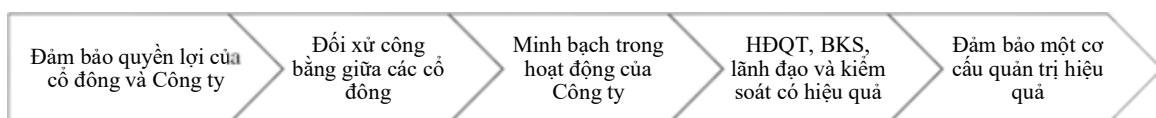
**Cập nhật Website Công ty**

Về hoạt động công bố thông tin và các tin tức liên quan đến ngành, Công ty, được cập nhật nhanh chóng tại Chuyên mục Quan hệ cổ đông trên Website Công ty với cả 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh; đảm bảo đưa thông tin đến nhà đầu tư chính xác, minh bạch và kịp thời.

**Trong năm 2022, bộ phận IR đã tổ chức 57 cuộc họp với các đối tượng nhà đầu tư trong và ngoài nước.**

**8 QUẢN TRỊ CÔNG TY****8.1 Nguyên tắc Quản trị Công ty**

Sợi Thế Kỳ đã xây dựng Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững, tạo dựng niềm tin và hình ảnh của Công ty đối với các bên liên quan như cơ quan nhà nước, nhà đầu tư, đối tác, nhà cung ứng, khách hàng, người lao động...

**8.2 Mô hình quản trị**

Sợi Thế Kỳ đang được tổ chức và hoạt động theo mô hình quản trị

được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số

59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020. Theo đó, cơ cấu tổ

chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HDQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) và Tổng Giám đốc (“TGD”), Ban điều hành (“BDH”), các bộ phận chức năng, các phòng nghiệp vụ chuyên môn. Tại STK, ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua được qui định tại Điều 14 Điều lệ của Công ty và theo qui định của pháp luật hiện hành.

HDQT là cơ quan quản trị tại công ty. Nhiệm vụ và quyền hạn của HDQT được qui định tại Điều 25 Điều lệ của Công ty. HDQT có nhiệm vụ triển khai, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của Công ty.

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra với chức năng thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của BKS (bao gồm việc giám sát HDQT và TGD, yêu cầu HDQT và TGD giải trình về tình

hình tài chính của Công ty) được qui định tại Điều 36 Điều lệ của Công ty. BKS của STK có 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm.

Tổng Giám Đốc do HDQT bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc được qui định tại Điều 30 Điều lệ của Công ty.

Ban Điều Hành gồm 04 thành viên sẽ hỗ trợ Tổng Giám Đốc trong việc điều hành hoạt động của Công ty.





Vui lòng xem thêm mục **Cơ cấu tổ chức Công ty** trang 16.


### 8.3 Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, không có thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị

### 8.4 Thông tin về Hội đồng quản trị

<b>Giới thiệu thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
	<b>1. Bà Đặng Mỹ Linh (51 tuổi)</b>	
	Ngày sinh: 19/01/1972	
	Trình độ văn hóa: Cao học	
	Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh	
	Quá trình công tác	
	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
<b>1993-1999</b>	Worldtex Enterprise Co, .Ltd	Trợ lý TGD
<b>2000-2020</b>	CTCP Sợi Thế Kỳ	Thành viên HDQT
<b>2001-nay</b>	CTCP đầu tư thương mại Liên An	TGD
	Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	Chủ tịch
<b>2020-nay</b>	CTCP Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HDQT
Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HDQT		
Thời gian bổ nhiệm: 14/02/2020		
	<b>2. Ông Đặng Triệu Hòa (54 tuổi)</b>	
	Ngày sinh: 19/10/1969	
	Trình độ văn hóa: Đại học	
	Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác		
	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
<b>1991 - 1995</b>	Công ty TNHH TM-DV Việt Phú	Giám Đốc
<b>1995 - 2000</b>	Công ty TNHH TM-DV Hoàn A	Giám Đốc

	<table border="1"> <tr> <td><b>2000 – 02/2020</b></td> <td>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ</td> <td>Chủ tịch HĐQT kiêm TGD</td> </tr> <tr> <td><b>02/2020</b></td> <td>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ</td> <td>Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD</td> </tr> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 14/02/2020</p>	<b>2000 – 02/2020</b>	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	<b>02/2020</b>	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD												
<b>2000 – 02/2020</b>	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD																	
<b>02/2020</b>	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD																	
	<p><b>3. Ông Đặng Hường Cường (47 tuổi)</b> Ngày sinh: 04/07/1976 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh Quá trình công tác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>2004-nay</b></td> <td>CT TNHH P.A.N Châu Á</td> <td>Giám đốc</td> </tr> <tr> <td><b>2005-nay</b></td> <td>CTCP Sợi Thế Kỳ</td> <td><b>Thành viên HĐQT</b></td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 2005</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	<b>2004-nay</b>	CT TNHH P.A.N Châu Á	Giám đốc	<b>2005-nay</b>	CTCP Sợi Thế Kỳ	<b>Thành viên HĐQT</b>									
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
<b>2004-nay</b>	CT TNHH P.A.N Châu Á	Giám đốc																	
<b>2005-nay</b>	CTCP Sợi Thế Kỳ	<b>Thành viên HĐQT</b>																	
	<p><b>4. Bà Cao Thị Quế Anh (57 tuổi)</b> Ngày sinh: 17/04/1966 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá thực phẩm Quá trình công tác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1991-2003</td> <td>Cộng Hoà Ba Lan</td> <td>Kinh doanh tự do</td> </tr> <tr> <td>2003-2008</td> <td>Thành phố Hồ Chí Minh</td> <td>Kinh doanh tự do</td> </tr> <tr> <td>2008 - nay</td> <td>Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh</td> <td>TGD</td> </tr> <tr> <td>2009-2012</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế</td> <td>TV Hội đồng đầu tư, TV HĐQT, CT HĐQT</td> </tr> <tr> <td><b>2015-nay</b></td> <td><b>Công ty Sợi Thế Kỳ</b></td> <td><b>TV HĐQT</b></td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 2015</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	1991-2003	Cộng Hoà Ba Lan	Kinh doanh tự do	2003-2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do	2008 - nay	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh	TGD	2009-2012	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế	TV Hội đồng đầu tư, TV HĐQT, CT HĐQT	<b>2015-nay</b>	<b>Công ty Sợi Thế Kỳ</b>	<b>TV HĐQT</b>
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
1991-2003	Cộng Hoà Ba Lan	Kinh doanh tự do																	
2003-2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do																	
2008 - nay	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh	TGD																	
2009-2012	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế	TV Hội đồng đầu tư, TV HĐQT, CT HĐQT																	
<b>2015-nay</b>	<b>Công ty Sợi Thế Kỳ</b>	<b>TV HĐQT</b>																	
	<p><b>5. Ông Võ Quang Long (45 tuổi)</b> Ngày sinh: 28/10/1978 Trình độ văn hóa: Cao học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh Quá trình công tác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2006-2009</td> <td>Công ty quản lý quỹ ACB</td> <td>Trưởng phòng đầu tư</td> </tr> <tr> <td>1/2010-9/2010</td> <td>HD Bank</td> <td>Trưởng phòng đầu tư</td> </tr> <tr> <td>10/2010-01/2018</td> <td>OCB</td> <td>Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư</td> </tr> <tr> <td>02/2018-nay</td> <td>CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt</td> <td>TGD</td> </tr> <tr> <td><b>2018-nay</b></td> <td><b>Công ty Sợi Thế Kỳ</b></td> <td><b>TV HĐQT</b></td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 2018</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	2006-2009	Công ty quản lý quỹ ACB	Trưởng phòng đầu tư	1/2010-9/2010	HD Bank	Trưởng phòng đầu tư	10/2010-01/2018	OCB	Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư	02/2018-nay	CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt	TGD	<b>2018-nay</b>	<b>Công ty Sợi Thế Kỳ</b>	<b>TV HĐQT</b>
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
2006-2009	Công ty quản lý quỹ ACB	Trưởng phòng đầu tư																	
1/2010-9/2010	HD Bank	Trưởng phòng đầu tư																	
10/2010-01/2018	OCB	Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư																	
02/2018-nay	CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt	TGD																	
<b>2018-nay</b>	<b>Công ty Sợi Thế Kỳ</b>	<b>TV HĐQT</b>																	
	<p><b>6. Ông Chen Che Jen (59 tuổi)</b> Ngày sinh: 10/12/1964 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Công nghệ Quá trình công tác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1990-1997</b></td> <td>Formosa Taffeta Co., Ltd</td> <td><b>Kinh doanh</b></td> </tr> <tr> <td><b>1997-1999</b></td> <td>Formosa Taffeta HK</td> <td><b>Giám đốc</b></td> </tr> <tr> <td><b>2002-nay</b></td> <td><b>Formosa Taffeta VN</b></td> <td><b>Giám đốc Marketing</b></td> </tr> <tr> <td><b>2018-nay</b></td> <td><b>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ</b></td> <td><b>Thành viên HĐQT</b></td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 2018</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	<b>1990-1997</b>	Formosa Taffeta Co., Ltd	<b>Kinh doanh</b>	<b>1997-1999</b>	Formosa Taffeta HK	<b>Giám đốc</b>	<b>2002-nay</b>	<b>Formosa Taffeta VN</b>	<b>Giám đốc Marketing</b>	<b>2018-nay</b>	<b>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>			
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
<b>1990-1997</b>	Formosa Taffeta Co., Ltd	<b>Kinh doanh</b>																	
<b>1997-1999</b>	Formosa Taffeta HK	<b>Giám đốc</b>																	
<b>2002-nay</b>	<b>Formosa Taffeta VN</b>	<b>Giám đốc Marketing</b>																	
<b>2018-nay</b>	<b>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>																	

	<b>7. Ông Nguyễn Quốc Hương (52 tuổi)</b>	
	Ngày sinh: 03/11/1971	
	Trình độ văn hóa: Cao học	
	Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh	
	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
2013-2014	Ngân hàng Eximbank	Tổng giám đốc
2014-2017	Ngân hàng Eximbank	Phó Tổng giám đốc
2018	Kinh doanh tự do	
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT		
Thời gian bổ nhiệm: 2018		

### Tỷ lệ sở hữu của các thành viên HĐQT năm 2022 (nhiệm kỳ 2018-2023)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT của các công ty khác	Cá nhân/Tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	12.161.166	14,42%	Không có	17.680.475	20,96%
2	Đặng Triệu Hòa	Phó CT.HĐQT	11.699.240	13,87%		18.142.401	21,51%
3	Đặng Hường Cường	TV.HĐQT	5.981.235	7,09%		23.860.406	28,29%
4	Cao Thị Quế Anh	TV.HĐQT	0	0%		596.755	0,71%
5	Võ Quang Long	TV.HĐQT	0	0%		16.965.111	20,11%
6	Chen Che Jen	TV.HĐQT	0	0%		0	0%
7	Nguyễn Quốc Hương	TV.HĐQT	0	0%		0	0%

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ (nhiệm kỳ 2018-2023) gồm 07 thành viên, trong đó:

- 03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập;
- 06 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành;
- 03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập không điều hành

## 8.5 Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022

### 8.5.1 Các cuộc họp HĐQT

HĐQT đã tiến hành 31 cuộc họp thông qua hình thức trực tiếp và gửi thư xin ý kiến để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã ban hành 34 Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Biên bản và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS.

Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Stt.	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đặng Mỹ Linh	30/31	96,77%	Bận lịch công tác
2	Ông Đặng Triệu Hòa	31/31	100%	
3	Ông Đặng Hường Cường	30/31	96,77%	Bận lịch công tác

4	Bà Cao Thị Quế Anh	31/31	100%	
5	Ông Võ Quang Long	31/31	100%	
6	Ông Chen Che Jen	31/31	100%	
7	Ông Nguyễn Quốc Hương	31/31	100%	

### 8.5.2 Các cuộc họp riêng của Thành viên HĐQT độc lập

Không có.

### 8.5.3 Các Nghị quyết của HĐQT

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01A-2022/NQHĐQT	21/01/2022	Thông qua việc thay đổi phương án sử dụng vốn mới của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
2	01B-2022/NQHĐQT	21/01/2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu	100%
3	01C-2022/NQHĐQT	21/01/2022	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết	100%
4	02-2022/NQHĐQT	07/02/2022	Thông qua dự báo kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022	100%
5	03-2022/NQHĐQT	10/03/2022	Thông qua tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2022	100%
6	04A-2022/NQHĐQT	21/03/2022	Thông qua việc tăng vốn điều lệ vào Công ty từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
7	04B-2022/NQHĐQT	21/03/2022	Thông qua bộ hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng nộp UBCKNN	100%
8	05-2022/NQHĐQT	30/03/2022	Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP từ nguồn cổ phiếu quỹ	100%
9	06-2022/NQHĐQT	05/04/2022	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức cho năm 2021	100%
10	07-2022/NQHĐQT	06/04/2022	Thông qua việc bổ sung tỷ lệ thành công tối thiểu cho đợt chào bán ra công chúng	100%
11	07A-2022/NQHĐQT	07/04/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại OCB	100%
12	08-2022/NQHĐQT	12/04/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng SinoPac	100%
13	08A-2022/NQHĐQT	16/05/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng Vietcombank	100%
14	09-2022/NQHĐQT	20/05/2022	Thông qua việc thay thế Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07-2022/NQHĐQT ngày 06/04/2022 thông qua điều chỉnh và bổ sung một số nội dung liên quan đến đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	100%
15	09A-2022/NQHĐQT	26/05/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng Eximbank	100%
16	10-2022/NQHĐQT	13/06/2022	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2022	100%
17	11-2022/NQHĐQT	07/07/2022	Thông qua ngày chốt quyền thực hiện quyền mua cổ phiếu thêm công chúng	100%
18	11A-2022/NQHĐQT	08/07/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng OCB	100%
19	12-2022/NQHĐQT	12/07/2022	Thông qua việc xác định tỷ lệ phân bổ quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng	100%



20	13-2022/NQHĐQT	25/07/2022	Thông qua việc triển khai đợt chào bán riêng lẻ	100%
21	14-2022/NQHĐQT	08/08/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng Wooribank.	100%
22	15A-2022/NQHĐQT	17/08/2022	Thông qua việc điều chỉnh 1 số nội dung của đợt chào bán riêng lẻ	100%
23	15B-2022/NQHĐQT	17/08/2022	Thông qua việc góp vốn vào UNITEX	100%
24	15C-2022/NQHĐQT	17/08/2022	Thông qua việc cho vay công ty con UNITEX	100%
25	15D-2022/NQHĐQT	17/08/2022	Thông qua việc điều chỉnh hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ	100%
26	16-2022/NQHĐQT	21/09/2022	Thông qua việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
27	17-2022/NQHĐQT	28/09/2022	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
28	18-2022/NQHĐQT	04/10/2022	Thông qua việc điều chỉnh giấy CNĐT của UNITEX	100%
29	19-2022/NQHĐQT	07/10/2022	Thông qua việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán riêng lẻ	100%
30	20-2022/NQHĐQT	21/10/2022	Thông qua việc góp vốn thu được từ đợt chào bán ra công chúng vào UNITEX	100%
31	21-2022/NQHĐQT	07/11/2022	Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động và tổ chức bộ phận Kiểm toán nội bộ	100%
32	22-2022/NQHĐQT	24/11/2022	Thông qua việc điều chỉnh 1 số nội dung của đợt chào bán riêng lẻ	100%
33	23-2022/NQHĐQT	25/11/2022	Thông qua việc điều chỉnh giấy CNĐT của UNITEX	100%
34	24-2022/NQHĐQT	19/12/2022	Thông qua việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS cho năm 2022	100%

#### 8.5.4 Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHĐCĐ

Hình thức họp: Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngày họp: 31/03/2022

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022	Kết quả thực hiện
1.	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2021: Chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt (tỷ lệ 15%/mệnh giá)	Đã chi trả cổ tức cho năm tài chính năm 2021 vào tháng 5/2022.
2.	Thông qua dự báo doanh thu - lợi nhuận năm 2022 - Doanh thu: 2.605 tỷ đồng - Lợi nhuận sau thuế: 300,3 tỷ đồng	Kết quả thực hiện năm 2022: - Doanh thu: 2.114 tỷ đồng (đạt 81% kế hoạch); - Lợi nhuận sau thuế: 242,4 tỷ đồng (đạt 80,7% kế hoạch)/
3.	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2022	Đã lựa chọn Công ty kiểm toán E&Y Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2022.
4.	Thông qua thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022 - Thù lao cho HĐQT: 1 tỷ và 275 triệu đồng - Thù lao cho BKS: 180 triệu đồng;	Đã thực hiện chi trả ngày 30/12/2022.

Tiến độ thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHCĐ 2021	Kết quả thực hiện
1.	Thông qua Phương án sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ để phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động	Do thị trường chứng khoán năm 2022 biến động mạnh, nên giá cổ phiếu chưa thuận lợi để phát hành. Công ty sẽ triển khai vào năm 2023.
2.	Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ	
3.	Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ	

### 8.5.5 Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT đóng vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban điều hành một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; gia tăng tính công bằng, hiệu quả chức năng đưa ra định hướng chiến lược, quản trị rủi ro, quản trị chất lượng sản xuất.

Các TVHĐQT không điều hành đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, tài chính và quản trị.

Các thành viên luôn tích cực tham gia góp ý cho việc xây dựng chiến lược kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- ❖ Ông Chen Che Jen có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh sợi, ông thường xuyên theo dõi các chỉ tiêu chất lượng để đưa ra những giải pháp, kinh nghiệm quản trị rủi ro xảy ra trong hoạt động sản xuất
- ❖ Bà Cao Thị Quế Anh có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh may mặc và tài chính, luôn luôn theo dõi và giám sát cơ cấu chi phí sản xuất, chi phí cố định, khả năng tối ưu hoá lợi nhuận.
- ❖ Ông Nguyễn Quốc Hương có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ông luôn giám sát tình hình luân chuyển vốn lưu động, tình hình nợ vay và các chính sách phân phối lợi nhuận của Công ty.

**Các thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đánh giá các vấn đề như sau:**

#### Cơ cấu HĐQT

HĐQT có số lượng thành viên hợp lý

Cơ cấu HĐQT, bao gồm tỷ lệ của các TVHĐQT độc lập và không độc lập, sự đa dạng về giới tính, quốc tịch, kỹ năng và kinh nghiệm hợp lý để đảm bảo hiệu quả tối đa.

Các TVHĐQT có nhận thức được vai trò mà quý vị và các TVHĐQT khác được kỳ vọng sẽ thực hiện và có kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết cho vai trò đó.

Các TVHĐQT không đặt lợi ích của Công ty cao hơn lợi ích của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào khác.

Quy trình lựa chọn TVHĐQT mới hiệu quả.

#### Vai trò giám sát ban điều hành của HĐQT

HĐQT tự đặt các mục tiêu của mình và đánh giá việc thực hiện các mục tiêu này hàng năm.

HĐQT hoạt động hiệu quả trong việc xem xét, phê chuẩn và giám sát việc triển khai các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh (kết quả hoạt động và tài chính).

HĐQT hoạt động hiệu quả trong việc đánh giá các cán bộ quản lý cao cấp.

HĐQT đã hiệu quả trong việc xây dựng môi trường quản trị doanh nghiệp đảm bảo việc CBTT kịp thời và hiệu quả, trách nhiệm giải trình đối với hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, các tiêu chuẩn đạo đức ở mức độ cao và tuân thủ các qui định hiện hành.

HĐQT đã hiệu quả trong việc xây dựng cơ cấu quản trị doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho HĐQT hoàn thành các nghĩa vụ.

HĐQT đã hiệu quả trong việc chất vấn, tư vấn và hỗ trợ các cán bộ quản lý cao cấp của Công ty.

HDQT đảm bảo là Ban Điều hành xác định các rủi ro hoạt động và tài chính trọng yếu của Công ty và triển khai các hệ thống và chương trình hợp lý để kiểm soát những rủi ro này.

Hệ thống kiểm soát của Công ty hiệu quả trong việc xác định các rủi ro trọng yếu và báo cáo các vi phạm nghiêm trọng đối với các quy định và pháp luật.

Các TVHĐQT không điều hành đóng góp hiệu quả vào sự phát triển chiến lược và giám sát hiệu quả hoạt động của các TVHĐQT điều hành, trong việc đưa ra cả hỗ trợ lẫn thách thức.

### **Hiểu Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty**

HDQT có thể diễn đạt rõ ràng các hoạt động kinh doanh chính, kế hoạch/định hướng chiến lược của Công ty và các nguồn lực tài chính và nhân sự cần thiết để Công ty đạt được các mục tiêu.

HDQT hiểu rõ về các yếu tố cạnh tranh ảnh hưởng tới Công ty.

HDQT hiệu quả trong việc xác định các nguy cơ và cơ hội có ảnh hưởng quan trọng tới tương lai của Công ty.

Các TVHĐQT luôn tự cập nhật về các xu hướng và các vấn đề ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty.

HDQT được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề sau:

1. Các mục tiêu hoạt động và tài chính và các kế hoạch của Công ty;
2. Kết quả kinh doanh của Công ty và các mảng kinh doanh chủ chốt;
3. Các rủi ro và các vấn đề ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty;
4. Các xu hướng dài hạn chủ đạo và các lựa chọn chiến lược của Công ty.

Công ty có chương trình định hướng đầy đủ cho các TVHĐQT mới.

Thư ký HDQT đã hoạt động hiệu quả trong việc cung cấp thông tin cho HDQT và hỗ trợ CTHĐQT và các TVHĐQT độc lập.

Các quy định cho HDQT hợp lý trong việc xác định rõ vai trò và nghĩa vụ, đảm bảo nêu đúng các vấn đề.

### **Các buổi họp của HDQT**

Các buổi họp của HDQT được tiến hành theo cách khuyến khích trao đổi thẳng thắn, tham gia tích cực của các TVHĐQT và có giải pháp kịp thời cho các vấn đề được nêu.

HDQT phản hồi tích cực và có tính xây dựng khi có sự kiện xảy ra để có thể đưa ra những quyết định hiệu quả và thực thi quyết định cũng như khuyến khích sự minh bạch.

Phong cách lãnh đạo của Chủ tịch HDQT khuyến khích việc ra quyết định hiệu quả và các cuộc tranh luận có tính chất xây dựng và đảm bảo là HDQT đoàn kết.

Các TVHĐQT quyết định một cách khách quan và hợp tác vì lợi ích cao nhất của Công ty và cảm thấy cùng có trách nhiệm trong việc đạt được các mục tiêu chung của Công ty.

HDQT đã dành thời gian hợp lý để thảo luận các vấn đề hoạt động cũng như các vấn đề chiến lược.

HDQT đã có cơ hội đầy đủ để gặp với các cán bộ quản lý cao cấp.

HDQT đã được cung cấp đầy đủ thông tin và có thời gian đủ để xem xét các vấn đề có thể gây ra xung đột lợi ích.

Có đủ thời gian để các TVHĐQT độc lập gặp gỡ và thảo luận riêng.

Các thông tin, bao gồm kế hoạch ngân sách và báo cáo tài chính, được cung cấp cho các TVHĐQT trước các cuộc gặp đáp ứng kỳ vọng của quý TVHĐQT về mức độ chi tiết và cô đọng.

Các báo cáo trình bày cho HDQT tại các cuộc gặp đáp ứng kỳ vọng của quý TVHĐQT về mức độ chi tiết và cô đọng, có số liệu, chính xác và không thiên vị.

HQQT nhận được phản hồi thích hợp và đúng hạn của Ban điều hành đối với những vấn đề mà HDQT nêu ra.

Thời gian các cuộc họp được phân bổ hợp lý giữa các phần trình bày của ban điều hành và phần thảo luận của HĐQT.

Thời lượng mỗi cuộc họp đủ để HĐQT có thể thảo luận các vấn đề quan trọng.

Số lượng các cuộc họp trong năm đủ để HĐQT có thể hoạt động hiệu quả.

Các TVHĐQT tới dự họp đã chuẩn bị và đã đặt các câu hỏi chất vấn phù hợp cho Ban điều hành.

#### **8.5.6 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty:**

Có 4/7 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2018-2023), 3/3 thành viên Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2018-2023) đã được cấp chứng chỉ về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước công nhận. Công ty luôn tạo điều kiện để tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên, do thời gian các khóa đào tạo thường trùng với lịch công tác của Ban Quản trị nên các thành viên không tham gia khóa học được. Bên cạnh đó, STK có 01 thành viên HĐQT là người nước ngoài, do khóa học không hỗ trợ ngôn ngữ thứ hai cho nên cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành chứng chỉ Quản trị Công ty theo quy định.

Danh sách thành viên HĐQT, BKS đã được đào tạo về quản trị Công ty:

Đặng Mỹ Linh – Chủ tịch HĐQT  
 Đặng Triệu Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT  
 Đặng Hướng Cường – Thành viên HĐQT  
 Cao Thị Quế Anh - Thành viên HĐQT  
 Nguyễn Tự Lực – Trưởng BKS  
 Đinh Ngọc Hoa – Thành viên BKS  
 Hoàng Nữ Mộng Tuyên – Thành viên BKS

#### **8.5.7 Các tiểu ban HĐQT**

Công ty chưa thành lập các tiểu ban HĐQT nên không có hoạt động của các tiểu ban HĐQT.

#### **8.5.8 Đánh giá hoạt động của HĐQT**

##### ***Định hướng chiến lược – kiểm soát***

HĐQT đã xem xét kế hoạch kinh doanh mà Ban điều hành đệ trình và định hướng để Công ty đạt được kế hoạch đã đặt ra.

Dựa trên bối cảnh kinh doanh và các cuộc họp HĐQT hàng quý, HĐQT cũng chỉ đạo, đưa ra kiến nghị và giải pháp để Ban điều hành xem xét và điều chỉnh phương án kinh doanh, tiết giảm chi phí, gia tăng hiệu quả sản xuất, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

HĐQT đã chỉ đạo việc đầu tư góp vốn, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và vốn chủ sở hữu, đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty.

HĐQT cũng cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn về môi trường kinh doanh, yếu tố kinh tế vĩ mô để Ban điều hành có cái nhìn sâu rộng, tăng cường tăng phòng vệ, cải thiện yếu tố bất lợi từ thị trường, đối thủ cạnh tranh

Cơ cấu của HĐQT đảm bảo tuân thủ qui định khi có 3/7 thành viên HĐQT độc lập.

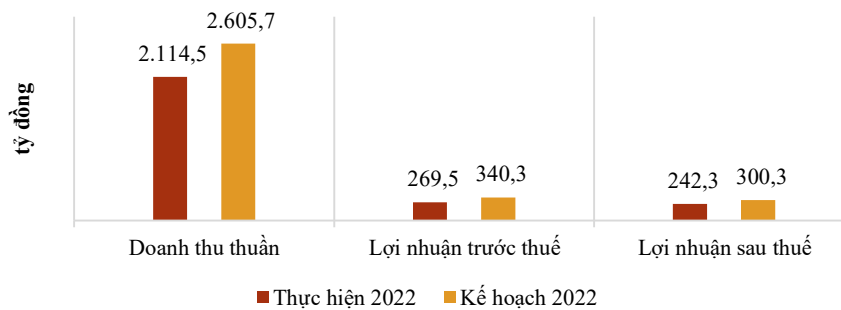
Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đã tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát hoạt động của Ban điều hành và đưa ra những góp ý thiết thực cho Ban điều hành và HĐQT trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh, triển khai các kế hoạch kinh doanh và nâng cao chất lượng của hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Các thành viên HĐQT đã được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời để có thể đưa ra những đánh giá phân tích đúng đắn về tình hình doanh nghiệp và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông và của Công ty.

Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu trữ theo đúng quy định.

### 8.5.9 Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban điều hành

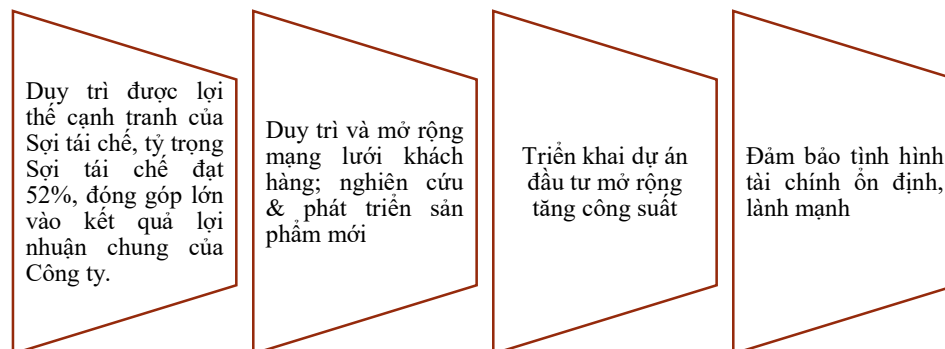
#### Đánh giá tổng quan về tình hình hoạt động của Công ty



Công ty không duy trì đà tăng trưởng trong năm 2022, cụ thể mặc dù Doanh thu tăng 3,5% so với cùng kỳ 2021 nhưng lợi nhuận trước thuế giảm 5,7% và lợi nhuận sau thuế giảm 13,6% so với năm 2021.

Do điều kiện kinh doanh không thuận lợi cũng như tình hình nhu cầu dệt may sụt giảm trên thế giới, Công ty cũng không đạt được kế hoạch đặt ra cho năm 2022, cụ thể Doanh thu thuần đạt 81% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 79% và lợi nhuận sau thuế cũng đạt ~81% so với kế hoạch.

Tuy nhiên, Công ty cũng đạt được 1 số thành tựu nhất định trong năm 2022:



Bên cạnh đó, Công ty cần phải tập trung nguồn lực để quản lý tốt chất lượng sản xuất và đạt mục tiêu kết quả kinh doanh để duy trì niềm tin với cổ đông, đối tác...; phân bổ nguồn vốn đầu tư hợp lý để đảm bảo khả năng thanh toán, tình hình tài chính ổn định cho Công ty.

#### Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

##### ✓ Phương thức giám sát

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp thông qua thư điện tử, về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ.

HĐQT đã thảo luận và phê chuẩn các Nghị quyết của Hội đồng quản trị dựa trên đề xuất của Ban điều hành; Ban điều hành có trách nhiệm giải thích chi tiết về kết quả kinh doanh quý và năm, dự báo kết quả kinh doanh của quý hoặc năm tiếp theo.

##### ✓ Kết quả thực hiện

Ban điều hành đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

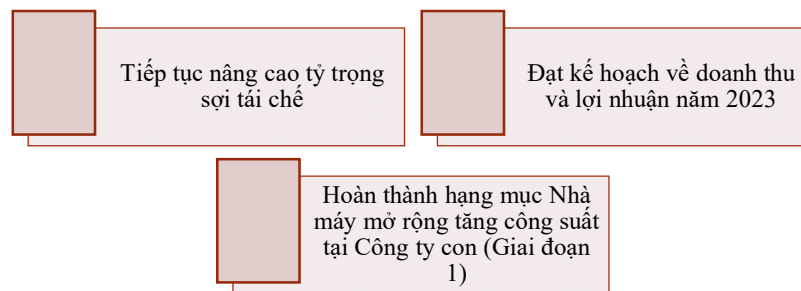
HĐQT đã đưa ra các giải pháp cải tiến hoạt động, quản trị rủi ro, hỗ trợ Ban điều hành, từ đó đạt được những thành tựu nhất định trong năm 2022.

Tuy nhiên, kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2022 chưa đạt mục tiêu đã đề ra.

Ban điều hành cần phải nỗ lực hơn trong năm 2023 trước bối cảnh kinh doanh còn nhiều thách thức. Ban điều hành phải đưa ra chiến lược cụ thể cho hoạt động kinh doanh, tiếp tục phát triển và ổn định thị trường, nâng cao tỉ trọng đóng góp của sợi tái chế, phát triển sản phẩm mới, cân đối tình hình tài chính của Công ty.

Các giám đốc chuyên trách cần phải thực hiện tốt chức năng của mình để hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành và giám sát các hoạt động của các phòng ban, phát hiện những điểm cần cải tiến để ngăn ngừa rủi ro xuất phát từ nội bộ Công ty, từ đó tăng cường nội lực để ứng phó với các rủi ro từ bên ngoài.

### **Các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra năm 2023**



#### **8.5.10 Đánh giá của HĐQT về tình hình thực hiện mục tiêu môi trường-lao động-xã hội**

HĐQT có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Trong đó, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác, HĐQT sẽ có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và đảm bảo rằng các mục tiêu PTBV đặt ra được triển khai và thực hiện tại doanh nghiệp.

Thông qua việc mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban sẽ được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI), Ban điều hành có thể đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực hiện định hướng phát triển bền vững của từng phòng, ban theo mục tiêu chung của Công ty.

Định kỳ hàng quý, HĐQT sẽ tiến hành họp để nghe Ban điều hành Công ty báo cáo và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK. Từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban điều hành trình bày trực tiếp trước HĐQT trong các buổi họp. Thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.

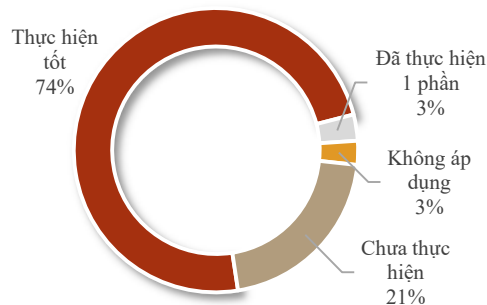
HĐQT giao Ban điều hành và bộ phận Quan hệ cổ đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.

Môi trường	Lao động	Cộng đồng xã hội
<p>HDQT đánh giá cao Công ty đã có những sáng kiến trong việc bảo vệ môi trường; ngoài việc tăng tỷ lệ sợi tái chế lên 52% trên doanh thu và tăng doanh thu sợi màu (từ 0,2% năm 2021 lên 0,9% năm 2022), Công ty đã lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái, giúp góp phần giảm phát thải nhà kính; ngoài ra Công ty cũng đã thực hiện việc hợp tác mở rộng tăng công suất năng lượng mặt trời.</p> <p>Công ty đã hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín từ khâu nguyên vật liệu đến khâu thành phẩm: phế phẩm lại được tái sản xuất thành nguyên vật liệu.</p> <p>Ngoài ra Công ty còn tái sử dụng ống giấy, các vật liệu đóng gói khác.</p>	<p>Mặc dù các yếu tố vĩ mô không thuận lợi, Công ty vẫn đảm bảo được chế độ phúc lợi cơ bản; môi trường làm việc an toàn cho người lao động.</p> <p>Thu nhập bình quân của người lao động năm 2022 tăng 5% với với năm 2021;</p> <p>Các chế độ thưởng lễ, Tết và hiệu quả hoạt động kinh doanh vẫn được duy trì đầy đủ và đúng hạn, giúp ổn định cuộc sống cho người lao động.</p>	<p>Công ty vẫn thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách nhà nước và chi trả đúng hạn cho nhà cung ứng.</p>

### 8.5.11 Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty năm 2022

#### Đánh giá theo Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN

Dựa theo chuẩn mực quản trị Công ty của khu vực ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecards), Sợi Thép Kỳ đã thực hiện tốt 108/146 tiêu chí trong Thẻ điểm Quản trị Công ty.



Các tiêu chí đã thực hiện tốt:

- Đảm bảo quyền cơ bản của cổ đông
- Đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông
- Bảo vệ quyền lợi các bên có liên quan
- Đảm bảo công bố thông tin minh bạch
- Đảm bảo trách nhiệm của HĐQT được thực hiện

Các tiêu chí cần cải thiện:

- Cơ cấu HĐQT: chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT

#### Tình hình thực hiện quản trị Công ty theo pháp luật

Quy định	Lý do chưa thực hiện theo quy định	Hướng khắc phục
Công ty có Tổng giám đốc là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, chưa đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.	Công ty chưa tìm được nhân sự có đủ năng lực và chuyên môn để đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty.	Công ty sẽ tiếp tục tìm nhân sự có chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm vị trí này.

## 8.6 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2023

Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của TGD và Ban điều hành nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong năm 2023.

Song hành với TGD và Ban điều hành trong việc xác định các cơ hội mở rộng kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững cho STK.

Hoạch định chiến lược và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân sự.

Giám sát tình hình quản lý chi phí, hiệu quả hoạt động của Ban điều hành.

Lồng ghép các yếu tố PTBV vào trong quản trị Công ty.

## 8.7 Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2023

Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp;

Hoàn thiện chức năng Kiểm toán nội bộ, tăng cường quản trị rủi ro trong bối cảnh điều kiện kinh doanh không thuận lợi.

## 8.8 Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới

Công ty đang trong quá trình nộp hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để huy động vốn đầu tư Nhà máy mở rộng công suất tại Công ty con.

Xem thêm Mục [Tình hình đầu tư dự án](#), trang 59, Báo cáo thường niên năm 2022.


# 9 BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

## 9.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

### Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 (bắt đầu từ ngày 17/04/2018)

	<b>Ông Nguyễn Tự Lực</b>	
	<i>Trưởng Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1952
	Trình độ học vấn	Cử nhân Kế toán
	Quá trình làm việc	<b>2007 - nay:</b> Trưởng Ban Kiểm soát, STK <b>2006 - nay:</b> Trợ lý Tổng Giám đốc, STK <b>2000 - 2006:</b> Kế toán trưởng, STK <b>1984 - 2000:</b> Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á <b>1979 - 1984:</b> Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn
	<b>Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền</b>	
	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1990
	Trình độ học vấn	Cử nhân
	Quá trình làm việc	<b>2012 – 2019:</b> Trưởng nhóm kinh doanh, STK <b>2019 – 2020:</b> Trợ lý TGD <b>2020 – nay:</b> Chuyên viên KD Công ty KPack
	<b>Bà Đinh Ngọc Hoa</b>	
	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1979
	Trình độ học vấn	Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ



	Quá trình làm việc	<b>2005 - nay:</b> Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK <b>2002 - 2004:</b> Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp
---	--------------------	---

Trong năm 2022, không có sự thay đổi về cơ cấu thành viên BKS.

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên BKS năm 2022 (nhiệm kỳ 2018-2023)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong BKS của các công ty khác	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	0	0%	-	-
2	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	1.376	0,0016%	-	-
3	Đình Ngọc Hoa	Thành viên BKS	8	0,00001%	-	-

## 9.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2022 là tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trong năm, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, trong năm BKS đã họp 4 lần, cụ thể như sau:

- ✓ Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty
- ✓ Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ
- ✓ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty
- ✓ Đánh giá về sự phối hợp của HĐQT với Ban Điều Hành.
- ✓ Đánh giá về tình hình đầu tư của Công ty, các dự án đã và đang thực hiện theo NQ HĐQT.
- ✓ Từ đó đưa ra kiến nghị đối với HĐQT trong các năm tiếp theo.

### 9.2.1 Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Kết quả
1	Đánh giá tình hình hoạt động cả năm 2022	21/01/2022	Thống nhất 100%
2	Thảo luận kế hoạch hoạt động năm 2023	27/04/2022	Thống nhất 100%
3	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 2 và 6 tháng năm 2022	28/08/2022	Thống nhất 100%
4	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 3 và 9 tháng 2022	28/11/2022	Thống nhất 100%

## 9.3 Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

### 9.3.1 Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022

- Các phiên họp Hội đồng quản trị có mời trưởng ban Ban kiểm soát tham dự đầy đủ.
- Nhìn chung, Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo điều lệ công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

**Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2021:**

Cổ tức bằng tiền mặt 15%/mệnh giá

Thời gian thực hiện

Tháng 05/2022

**Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2022**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022	So sánh với thực hiện năm 2021	So sánh với kế hoạch năm 2022
Doanh thu thuần	2.114,5	3,5%	81,1%
Lợi nhuận trước thuế	269,5	-5,7%	79,2%
Lợi nhuận sau thuế	242,3	-13%	80,7%

**Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính hợp nhất**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2021	So sánh
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,06	1,39	0,67
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,26	0,72	0,53
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,20	0,26	(0,06)
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,14	0,16	(0,02)
<b>Năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	3,71	3,64	0,07
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,00	1,04	(0,04)
<b>Tỷ suất sinh lời</b>				
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	12,80%	13,96%	-1,16%
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	11,46%	13,63%	-2,18%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	11,40%	14,13%	-2,73%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,72%	22,12%	-6,40%

**Công bố thông tin**

Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định về việc công bố thông tin của công ty đại chúng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**9.3.2 Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT**

BKS đã tham gia các phiên họp của HĐQT với vai trò quan sát viên để nắm tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến tại cuộc họp trong trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BKS đã theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đảm bảo công khai, minh bạch.

BKS đã định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tính tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, tính hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của công ty.

Trong năm 2022, BKS tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro, thông qua việc rà soát lại quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành, tiến tới đề nghị đề nghị bổ sung các quy trình, quy chế còn thiếu đảm bảo, để STK hoạt động an toàn và phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn.

Tiến hành các cuộc họp (trực tiếp và bằng văn bản) để thống nhất thông qua về kết quả kinh doanh, các chiến lược và mục tiêu phát triển theo từng quý, bán niên, cả năm của Công ty.

### 9.3.3 Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của Ban điều hành

Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của nhà nước trong điều hành sản xuất, cụ thể:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của STK theo kế hoạch kinh doanh đã được thông qua ĐHĐCĐ năm 2022 thông qua.
- Tuân thủ quy định pháp luật về góp vốn, xây dựng, đầu tư, đăng ký kinh doanh.
- Triển khai các cuộc họp thống nhất chiến lược hành động mục tiêu kinh doanh, giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quản lý và hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro đến từ nội tại Công ty và môi trường bên ngoài.

Dựa trên kết quả kinh doanh năm 2022, BKS đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm của mình trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được mục tiêu lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận vẫn chưa đạt.

### 9.3.4 Giám sát tình hình tài chính của Công ty

- Công ty đã lập Báo cáo tài chính Quý (04 Báo cáo/năm) và công bố theo quy định của pháp luật và nghĩa vụ CBTT của Công ty nghiêm yết.
- Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất và Báo cáo tài chính năm hợp nhất của CTCP Sợi Thế Kỷ đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại 31/12/2022, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam.

### 9.3.5 Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2021

#### Sự am hiểu kinh doanh, tầm nhìn chiến lược của HĐQT:

Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong lãnh vực sản xuất sợi, bên cạnh đó có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy Hội đồng quản trị có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo công ty.

Nhìn chung, Hội đồng công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị theo điều lệ công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có trình độ và kinh nghiệm thời gian làm việc tại các tổ chức khác nhau. Do đó, các thành viên đều thành thạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm soát đã lên kế hoạch cho năm thứ tư của nhiệm kỳ 2018-2023 và phân công công việc cho mỗi thành viên thực hiện báo cáo BKS trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên.

### 9.3.6 Kết quả giải quyết khiếu nại của Cổ đông đối với Công ty (nếu có)

Trong năm 2022, BKS không nhận được bất kỳ khiếu nại hay yêu cầu nào cần phải thẩm định hay kiểm tra bất thường trong hoạt động của Công ty.

### 9.3.7 Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2023

Kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS: tiếp tục thực hiện theo chiến lược định hướng chung của Công ty.

Kiến nghị: Trên cơ sở do STK đang được điều hành phù hợp theo các quy định hiện hành. BKS nhận thấy chưa có các phát sinh bất cập trong quá trình giám sát của mình, và BKS không có ý kiến hay kiến nghị gì.

## 10 NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

### 10.1 Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Các Thành Viên HĐQT, Thành Viên BKS, Tổng Giám Đốc Điều Hành và cán bộ quản lý khác (“Người Quản Lý”) của Công ty tuân thủ các qui định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Cụ thể như sau:

1. Người Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Quản Lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Người Quản Lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Người Quản Lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiêu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiêu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

### 10.2 Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan

Không có

### 10.3 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2022

Vui lòng xem mục **Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2022, trang 62, Báo cáo thường niên năm 2022.**

### 10.4 Giao dịch với đối tượng khác

Giao dịch giữa Công ty và Công ty con của Công ty (Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX) đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 15C-2022/NQHĐQT ngày 17/08/2022.

STT	Tên tổ chức	Giấy CNKD/Ngày cấp	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung	Tổng giá trị đã giao dịch (VND)
1	Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX	3901206611 cấp ngày 29/06/2015	Công ty con	2022	Cho vay	169.550.461.000

## 10.5 Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành

### 10.5.1 Lương, thưởng và thù lao của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương & Thưởng	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
2	Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	150.000.000	(xem phần thù lao của Ban điều hành)	01/01/2022-31/12/2022
3	Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
5	Võ Quang Long	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
6	Chen Che Jen	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
7	Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
<b>Tổng cộng (VND)</b>			<b>1.275.000.000</b>		

### 10.5.2 Lương, thưởng và thù lao của BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương & Thưởng	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	60.000.000		01/01/2022-31/12/2022
2	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	60.000.000		01/01/2022-31/12/2022
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	60.000.000	352.272.489	01/01/2022-31/12/2022
<b>Tổng cộng (VND)</b>			<b>180.000.000</b>	<b>352.272.489</b>	

**10.5.3 Lương, thưởng và thù lao của Ban Điều Hành**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương & Thưởng	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Triệu Hòa	TGD	(xem mục HĐQT)	1.310.900.000	01/01/2022- 31/12/2022
2	Nguyễn Phương Chi	GĐ chiến lược	-	1.451.556.387	01/01/2022- 31/12/2022
3	Phan Như Bích	GĐ tài chính	-	864.751.531	01/01/2022- 31/12/2022
<b>Tổng cộng (VND)</b>				<b>3.627.207.918</b>	

**11 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT**

# **Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 33



# Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 sửa đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 11 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch
Ông Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên
Ông Chen Che Jen	Thành viên
Ông Võ Quang Long	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban
Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là ông Đặng Triệu Hòa.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: *Mich*



Đặng Triệu Hòa  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 11659174/22990398-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 13 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1073-2023-004-1



Đặng Minh Tài  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2815-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.199.951.103.248</b>	<b>986.230.344.776</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>235.284.187.347</b>	<b>366.205.978.093</b>
111	1. Tiền		20.784.187.347	24.205.978.093
112	2. Các khoản tương đương tiền		214.500.000.000	342.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>180.000.000.000</b>	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	180.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>225.986.702.005</b>	<b>87.022.805.785</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	69.400.071.855	69.083.156.471
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	151.583.002.310	16.351.481.025
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.471.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.532.627.840	1.588.168.289
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>466.136.524.256</b>	<b>471.504.991.659</b>
141	1. Hàng tồn kho		472.682.334.984	490.920.247.655
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.545.810.728)	(19.415.255.996)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>92.543.689.640</b>	<b>61.496.569.239</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	3.067.765.320	5.930.866.811
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	84.182.005.136	42.013.872.115
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	5.293.919.184	13.551.830.313

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>925.081.840.609</b>	<b>984.909.304.450</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		-	<b>11.279.690.982</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	11.279.690.982
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>730.566.913.801</b>	<b>806.745.403.454</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	730.566.913.801	806.644.500.122
222	Nguyên giá		2.088.323.320.799	2.058.140.940.344
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.357.756.406.998)	(1.251.496.440.222)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	100.903.332
228	Nguyên giá		14.385.298.205	14.385.298.205
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.385.298.205)	(14.284.394.873)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>40.942.507.371</b>	<b>24.178.132.004</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	40.942.507.371	24.178.132.004
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>6.097.134.018</b>
253	1. Đầu tư vào công ty khác		13.800.000.000	6.097.134.018
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>139.772.419.437</b>	<b>136.608.943.992</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	136.348.216.385	133.546.225.816
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	3.424.203.052	3.062.718.176
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.125.032.943.857</b>	<b>1.971.139.649.226</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>583.942.885.374</b>	<b>712.146.217.980</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>583.671.887.207</b>	<b>711.866.113.607</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	219.788.323.822	291.395.910.347
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	8.783.975.931	41.623.436.088
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.568.641.115	11.810.815.168
314	4. Phải trả người lao động		24.626.980.550	26.624.030.474
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	6.447.916.477	8.266.264.038
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	6.659.866.578	6.233.724.905
320	7. Vay ngắn hạn	20	308.095.357.806	321.327.876.336
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.15	5.700.824.928	4.584.056.251
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>270.998.167</b>	<b>280.104.373</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		270.998.167	280.104.373
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.541.090.058.483</b>	<b>1.258.993.431.246</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>1.541.090.058.483</b>	<b>1.258.993.431.246</b>
411	1. Vốn cổ phần		843.638.250.000	707.269.440.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		843.638.250.000	707.269.440.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.824.578.872	35.093.198.872
413	3. Cổ phiếu quỹ		(42.410.550.000)	(42.410.550.000)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		697.818.768.611	557.822.331.374
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		455.544.390.374	279.342.679.536
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		242.274.378.237	278.479.651.838
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.125.032.943.857</b>	<b>1.971.139.649.226</b>

Người lập  
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng  
Phan Như Bích



Ngày 13 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	2.116.780.568.379	2.043.370.881.890
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(2.248.877.567)	(982.169.267)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	2.114.531.690.812	2.042.388.712.623
11	4. Giá vốn hàng bán	26	(1.741.237.965.679)	(1.667.905.910.801)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		373.293.725.133	374.482.801.822
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	29.340.143.578	18.043.108.556
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(48.364.243.092) (9.128.352.047)	(8.691.611.219) (5.319.270.025)
25	8. Chi phí bán hàng	24, 26	(19.448.338.303)	(27.145.444.741)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 26	(64.115.797.999)	(71.510.694.737)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		270.705.489.317	285.178.159.681
31	11. Thu nhập khác		713.832.657	722.041.900
32	12. Chi phí khác		(1.956.678.674)	(161.637.493)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(1.242.846.017)	560.404.407
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		269.462.643.300	285.738.564.088
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(27.549.749.939)	(4.754.187.463)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.3	361.484.876	(2.504.724.787)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		242.274.378.237	278.479.651.838
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		242.274.378.237	278.479.651.838
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	3.341	4.084
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	3.341	4.084

Người lập  
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng  
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc  
Đặng Triệu Hòa



Ngày 13 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>269.462.643.300</b>	<b>285.738.564.088</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	106.360.870.108	110.577.079.644
03	Hoàn nhập dự phòng		(12.869.445.268)	(5.108.829.897)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		11.564.710.655	(2.465.573.499)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(17.725.426.686)	(6.327.104.473)
06	Chi phí lãi vay	23	9.128.352.047	5.319.270.025
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>365.921.704.156</b>	<b>387.733.405.888</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(308.390.925.789)	(34.345.039.507)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		18.237.912.671	(65.853.422.700)
11	Tăng các khoản phải trả		169.333.161.750	24.333.144.265
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		61.110.922	(2.671.101.512)
13	Tiền lãi vay đã trả		(8.515.119.480)	(5.481.366.305)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(24.802.880.291)	(16.351.031.025)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.784.708.236
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(7.719.336)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>211.844.963.939</b>	<b>290.141.566.004</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(188.651.811.052)	(3.400.740.060)
23	Tiền chi gửi tiết kiệm ngân hàng		(180.000.000.000)	-
24	Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng		-	26.000.000.000
25	Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.519.092.895
27	Tiền thu lãi tiền gửi		17.114.857.133	6.327.149.578
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(351.536.953.919)</b>	<b>30.445.502.413</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	142.100.190.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	1.057.928.818.066	1.070.324.713.667
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(1.088.272.662.348)	(1.018.171.245.277)
36	Cổ tức đã trả cho các cổ đông	21.2	(102.213.100.650)	(102.197.517.784)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>9.543.245.068</b>	<b>(50.044.049.394)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(130.148.744.912)</b>	<b>270.543.019.023</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>366.205.978.093</b>	<b>95.106.312.655</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(773.045.834)	556.646.415
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>235.284.187.347</b>	<b>366.205.978.093</b>

Người lập  
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng  
Phan Như Bích



Tổng Giám đốc  
Đặng Triệu Hòa

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 sửa đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 11 năm 2022.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 882 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 927).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một công ty con như sau:

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex ("Unitex") tiền thân là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3901206611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, đường C1, Khu Công Nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hiện tại, Unitex đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Vào ngày 21 tháng 10 năm 2022, Công ty tăng vốn điều lệ vào Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex ("Unitex") với số tiền là 142.100.190.000 VND theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 273-22/CV-CTTK ngày 21 tháng 3 năm 2022.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Unitex.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                 |   |   |
|-----------------|---|---|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm      | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm và vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2053.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

#### 3.11 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của Nhóm Công ty liên kết sau ngày Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 liên quan đến việc hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ kế toán năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	16.586.058	35.847.322
Tiền gửi ngân hàng	20.767.601.289	24.170.130.771
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	214.500.000.000	342.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>235.284.187.347</b>	<b>366.205.978.093</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 1,0% đến 6,0%/ năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có thời hạn từ ba (3) tháng trở lên nhưng không vượt quá một (1) năm và hưởng lãi suất tại 7,1%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Unifi Châu Á Thái Bình Dương Hồng Kông	21.883.037.796	10.545.551.846
Công ty TNHH Coats Phong Phú	9.602.862.329	13.412.446.823
Thai Toray Synthetics Co., Ltd.	8.902.945.036	-
Công ty TNHH Chori – Osaka	8.798.473.838	12.352.370.186
Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương	7.331.860.800	-
Khác	12.880.892.056	32.772.787.616
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.400.071.855</b>	<b>69.083.156.471</b>

Chi tiết số đầu năm được trình bày phù hợp với chi tiết số cuối năm.

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Multicom Machinery Taiwan LTD	149.091.159.230	10.643.457.000
Công ty TNHH Công nghệ VBS	880.000.000	1.090.594.122
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Trường Hải	346.500.000	1.705.000.000
Oerlikon Barmag Zweigniederlassung	277.735.068	-
Zhangjiagang Shuoxiang Internationa	222.402.560	-
Schill +Seilacher GMBH Boeblingen	-	1.086.189.280
Khác	765.205.452	1.826.240.623
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>151.583.002.310</b>	<b>16.351.481.025</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.471.000.000</b>	-
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	3.471.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	-	<b>11.279.690.982</b>
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	-	11.279.690.982
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.471.000.000</b>	<b>11.279.690.982</b>

Số dư thể hiện cho Công ty TNHH Dintsun Việt Nam ("Dintsun") vay theo Biên bản Thỏa thuận Góp vốn Đầu tư số DTVN - 2019001 ký ngày 12 tháng 12 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 để bổ sung vốn đầu tư dự án Khu Công nghiệp Sóc Trăng và không chịu lãi suất. Vào ngày 16 tháng 6 năm 2022, Công ty hoàn thành đầu tư thêm vào Dintsun với giá trị là 7.702.865.982 VND dưới hình thức chuyển đổi khoản cho vay dài hạn theo Biên bản Thỏa thuận Góp vốn Đầu tư số DTVN-2019000.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	-	801.791.320
Khác	1.532.627.840	786.376.969
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.532.627.840</b>	<b>1.588.168.289</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	283.606.536.566	(3.112.425.296)	249.440.713.272	(16.104.310.749)
Nguyên vật liệu	165.479.464.761	(3.433.385.432)	208.061.491.372	(3.310.945.247)
Hàng mua đang đi trên đường	23.596.333.657	-	33.418.043.011	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>472.682.334.984</b>	<b>(6.545.810.728)</b>	<b>490.920.247.655</b>	<b>(19.415.255.996)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(19.415.255.996)	(24.524.085.893)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	(4.635.353.349)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trích lập trong năm	12.869.445.268	9.744.183.246
Số cuối năm	<b>(6.545.810.728)</b>	<b>(19.415.255.996)</b>

# Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
					VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	304.608.626.458	1.565.972.049.649	182.768.538.157	4.791.726.080	2.058.140.940.344
Mua mới	-	2.903.711.599	4.032.952.000	-	6.936.663.599
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang hoàn thành	-	23.245.716.856	-	-	23.245.716.856
Số cuối năm	304.608.626.458	1.592.121.478.104	186.801.490.157	4.791.726.080	2.088.323.320.799
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	88.291.213.410	570.109.047.670	101.158.012.334	3.838.565.694	763.396.839.108
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(150.939.967.561)	(952.160.023.166)	(143.778.284.908)	(4.618.164.587)	(1.251.496.440.222)
Khấu hao trong năm	(9.207.445.922)	(81.423.931.680)	(15.574.889.219)	(53.699.955)	(106.259.966.776)
Số cuối năm	(160.147.413.483)	(1.033.583.954.846)	(159.353.174.127)	(4.671.864.542)	(1.357.756.406.998)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	153.668.658.897	613.812.026.483	38.990.253.249	173.561.493	806.644.500.122
Số cuối năm	144.461.212.975	558.537.523.258	27.448.316.030	119.861.538	730.566.913.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>14.385.298.205</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	<u>14.385.298.205</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu năm	(14.284.394.873)
Hao mòn trong năm	<u>(100.903.332)</u>
Số cuối năm	<u>(14.385.298.205)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>100.903.332</u>
Số cuối năm	<u>-</u>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án nhà máy Unitex	29.973.680.699	-
Máy móc và thiết bị chờ lắp đặt	10.928.370.930	23.843.586.550
Mua tài sản khác	<u>40.455.742</u>	<u>334.545.454</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>40.942.507.371</u></b>	<b><u>24.178.132.004</u></b>

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty khác ( <i>Thuyết minh số 13.1</i> )	<u>13.800.000.000</u>	<u>6.097.134.018</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**13.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	5	<u>13.800.000.000</u>	5	<u>6.097.134.018</u>

Công ty TNHH Dintsun Việt Nam ("Dintsun") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200764052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2019. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Dintsun là đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng. Dintsun có trụ sở chính đăng ký tại Ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty hoàn thành đầu tư thêm vào Dintsun với giá trị là 7.702.865.982 VND dưới hình thức chuyển đổi khoản cho vay dài hạn.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.067.765.320</b>	<b>5.930.866.811</b>
Bảo hiểm	1.250.123.438	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	944.488.607	4.237.790.753
Chi phí thuê xe	320.000.000	1.658.228.058
Khác	553.153.275	34.848.000
<b>Dài hạn</b>	<b>136.348.216.385</b>	<b>133.546.225.816</b>
Tiền thuê đất	112.833.871.240	113.811.689.249
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.921.580.213	18.710.893.905
Khác	3.592.764.932	1.023.642.662
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>139.415.981.705</u></b>	<b><u>139.477.092.627</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tainan Spinning Co., Ltd	105.308.480.400	91.222.587.200
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd	53.768.088.000	63.461.746.000
Chori Co., Ltd	30.323.800.800	46.151.762.440
Pt. Indo-Rama Synthetics TBK	-	60.490.976.000
Khác	30.387.954.622	30.068.838.707
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>219.788.323.822</u></b>	<b><u>291.395.910.347</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lear Corporation - Kenansville	3.681.251.674	9.398.398.464
Treasure Star International Limited	417.331.620	5.794.349.760
Công ty TNHH Dệt nhuộm Nam Phương	-	5.373.566.979
Khác	4.685.392.637	21.057.120.885
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.783.975.931</b>	<b>41.623.436.088</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.499.586.755	19.078.465.746	(24.802.880.291)	775.172.210
Thuế thu nhập cá nhân	113.431.355	10.036.100.094	(9.660.767.046)	488.764.403
Thuế giá trị gia tăng	5.197.797.058	228.690.349.163	(231.583.441.719)	2.304.704.502
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.810.815.168</b>	<b>257.804.915.003</b>	<b>(266.047.089.056)</b>	<b>3.568.641.115</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.551.830.313	-	(8.471.284.273)	5.080.546.040
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	42.013.872.115	268.657.345.928	(226.489.212.907)	84.182.005.136
Thuế xuất, nhập khẩu	-	205.628.626	-	205.628.626
Khác	-	983.342.198	(975.597.680)	7.744.518
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.565.702.428</b>	<b>269.846.316.752</b>	<b>(235.936.094.860)</b>	<b>89.475.924.320</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiện ích	4.913.918.642	7.191.132.150
Chi phí hoa hồng bán hàng	753.799.125	868.165.745
Chi phí lãi vay	780.198.710	76.631.638
Khác	-	130.334.505
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.447.916.477</b>	<b>8.266.264.038</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	843.221.735	3.245.911.456
Cổ tức	327.500.530	262.660.180
Khác	5.489.144.313	2.725.153.269
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.659.866.578</b>	<b>6.233.724.905</b>



## Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY NGẮN HẠN

	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	Đánh giá lại do chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm VND
	Tăng	Giảm			
Vay ngân hàng	321.327.876.336	1.057.928.818.066	(1.088.272.662.348)	17.111.325.752	308.095.357.806
<p>Các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng được thực hiện nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chịu lãi suất dao động từ 2,2%/năm đến 4,5%/năm (đối với dư nợ ngoại tệ). Chi tiết được trình bày như sau:</p>					
<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Nguyên tệ USD</i>			<i>Kỳ hạn trả gốc</i>
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	118.455.076.628	5.060.020			Từ ngày 12 tháng 1 năm 2023 đến ngày 26 tháng 3 năm 2023
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Hồ Chí Minh	109.018.438.675	4.656.917			Từ ngày 2 tháng 2 năm 2023 đến ngày 29 tháng 5 năm 2023
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	68.203.305.703	2.913.426			Từ ngày 11 tháng 1 năm 2023 đến ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	12.418.536.800	530.480			Từ ngày 5 tháng 3 năm 2023 đến ngày 30 tháng 5 năm 2023
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>308.095.357.806</b>	<b>13.160.844</b>			

## Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tính hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>						VND
Số đầu năm	707.269.440.000	35.093.198.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	381.620.620.536	1.082.791.720.408
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	278.479.651.838	278.479.651.838
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(102.277.941.000)	(102.277.941.000)
Số cuối năm	707.269.440.000	35.093.198.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	557.822.331.374	1.258.993.431.246
<b>Năm nay:</b>						
Số đầu năm	707.269.440.000	35.093.198.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	557.822.331.374	1.258.993.431.246
Tăng vốn (*)	136.368.810.000	5.731.380.000	-	-	-	142.100.190.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	242.274.378.237	242.274.378.237
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	(102.277.941.000)	(102.277.941.000)
Số cuối năm	843.638.250.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	697.818.768.611	1.541.090.058.483

(\*) Vào ngày 26 tháng 9 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 13.636.881 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 03-2021/NQ-ĐHĐCĐ/TK ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11-2022/NQHĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2022. Vào ngày 12 tháng 11 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 20 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 707.269.440.000 VND lên 843.638.250.000 VND.

(\*\*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06-2022/NQHĐQT/TK ngày 5 tháng 4 năm 2022 đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền là 15% mệnh giá cổ phiếu với tổng giá trị là 102.277.941.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	707.269.440.000	707.269.440.000
Tăng vốn	136.368.810.000	-
Số cuối năm	<b>843.638.250.000</b>	<b>707.269.440.000</b>
<b>Cổ tức đã công bố</b>	<b>(102.277.941.000)</b>	<b>(102.277.941.000)</b>
Cổ tức đã trả bằng tiền	(102.213.100.650)	(102.197.517.784)

**21.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>84.363.825</b>	<b>843.638.250.000</b>	<b>70.726.944</b>	<b>707.269.440.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	84.363.825	843.638.250.000	70.726.944	707.269.440.000
Cổ phiếu phổ thông	84.363.825	843.638.250.000	70.726.944	707.269.440.000
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(2.541.650)	(42.410.550.000)	(2.541.650)	(42.410.550.000)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	81.822.175	801.227.700.000	68.185.294	664.858.890.000

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>2.116.780.568.379</b>	<b>2.043.370.881.890</b>
<b>Trừ:</b>		
Giảm giá hàng bán	-	(805.683.048)
Hàng bán bị trả lại	(2.248.877.567)	(176.486.219)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.114.531.690.812</b>	<b>2.042.388.712.623</b>
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu đối với các bên khác	2.114.531.690.812	2.020.530.783.258
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	21.857.929.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU (tiếp theo)**

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	17.725.426.686	6.327.104.473
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.614.716.892	11.716.004.083
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.340.143.578</b>	<b>18.043.108.556</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	39.235.891.045	3.372.341.194
Lãi tiền vay	9.128.352.047	5.319.270.025
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.364.243.092</b>	<b>8.691.611.219</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí vận chuyển	9.109.582.228	12.887.594.470
Phí phát hành thư tín dụng (L/C), chứng từ xuất khẩu	5.393.435.037	8.357.779.614
Chi phí hoa hồng bán hàng	2.344.551.101	2.517.539.901
Khác	2.600.769.937	3.382.530.756
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.448.338.303</b>	<b>27.145.444.741</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	32.601.644.783	31.887.770.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.781.628.224	21.814.899.153
Chi phí phụ tùng, vật phẩm	9.527.080.924	10.280.604.921
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.577.509.247	1.469.700.501
Chi phí khác	6.627.934.821	6.057.719.798
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.115.797.999</b>	<b>71.510.694.737</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.277.763.972.568	1.187.454.840.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.909.931.827	272.537.233.024
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và 11)	106.360.870.108	110.577.079.644
Chi phí nhân công	139.698.790.039	144.522.919.401
Chi phí khác	53.068.537.439	51.469.977.879
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.824.802.101.981</u></b>	<b><u>1.766.562.050.279</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:

- Đối với trụ sở Củ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.
- Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, thuế TNDN áp dụng theo từng loại sản phẩm. Cụ thể:
  - Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY được miễn thuế TNDN trong bốn năm (2011 - 2014) và được giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2015 - 2023). Thuế suất áp dụng thuế suất là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2011.
  - Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY mở rộng được miễn thuế trong bốn năm (2016 - 2019) và giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2020 - 2028). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.
  - Thu nhập từ sản phẩm POY giai đoạn 3 được miễn thuế trong hai năm (2016 - 2017) và giảm 50% số thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (2018 - 2021). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.

Báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.516.255.103	28.130.207.047
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(966.505.164)	(23.376.019.584)
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(361.484.876)	2.504.724.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.188.265.063</u></b>	<b><u>7.258.912.250</u></b>

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>269.462.643.300</b>	<b>285.738.564.088</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	53.892.528.660	57.147.712.818
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế	890.040.642	2.145.823.035
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trảng Bàng	(28.330.081.489)	(31.842.022.978)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(966.505.164)	(23.376.019.584)
Lợi nhuận chưa thực hiện	943.595.911	3.183.418.959
Lỗi thuế chưa ghi nhận Thuế TNDN hoãn lại của công ty con	758.686.503	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>27.188.265.063</b>	<b>7.258.912.250</b>

**27.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chi phí phải trả	2.361.618.377	2.625.065.485	(263.447.108)	(158.505.665)
Dự phòng	950.483.191	337.150.913	613.332.278	(621.014.307)
Chênh lệch tỷ giá	66.600.232	54.615.853	11.984.379	32.867.909
Trợ cấp thời việc phải trả	45.501.252	45.885.925	(384.673)	(21.497.592)
Lỗi thuế chuyển sang năm sau	-	-	-	(1.736.575.132)
	<b>3.424.203.052</b>	<b>3.062.718.176</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>361.484.876</b>	<b>(2.504.724.787)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

				<i>VND</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do người thân của thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Bán hàng	-	21.857.929.365

Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

		<i>VND</i>	
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	150.000.000
	Phó chủ tịch HĐQT		
Ông Đặng Triệu Hòa	kiêm Tổng giám đốc	1.460.900.000	1.517.400.001
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Chen Che Jen	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên ban kiểm soát	352.272.489	351.987.385
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược	1.451.556.387	1.271.233.115
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	864.751.531	832.379.070
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>5.374.480.407</u></b>	<b><u>5.217.999.571</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	242.274.378.237	278.479.651.838
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.519.207	68.185.294
Lãi trên cổ phiếu ( <i>mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu</i> )		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.341	4.084
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.341	4.084

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	769.388.400	340.500.000
Từ 1 đến 5 năm	2.420.769.251	1.362.000.000
Trên 5 năm	12.350.772.653	9.902.875.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.540.930.304</b>	<b>11.605.375.000</b>

**31. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ chính:		
Đô la Mỹ (USD)	112.156	101.190



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Người lập  
Nguyễn Thị Hồng Thắm



Kế toán trưởng  
Phan Như Bích



Tổng Giám đốc  
Đặng Triệu Hòa

Ngày 13 tháng 3 năm 2023